



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ**



**Báo Cáo Thường Niên Năm 2014**

# MỤC LỤC

## 1. THÔNG ĐIỆP

Tầm nhìn  
Sứ mệnh  
Thông điệp của chủ tịch

## 2. THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát  
Quá trình hình thành và phát triển  
Ngành nghề kinh doanh  
Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức, các Công ty con, Công ty liên kết  
Định hướng phát triển

## 3. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh  
Tổ chức và nhân sự  
Tình hình thực đầu tư  
Tình hình tài chính  
Cơ cấu cổ phần, cổ đông

## 4. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Kết quả hoạt động kinh doanh  
Tình hình tài chính  
Triển vọng và kế hoạch tương lai  
Kế hoạch phát triển kinh doanh

## 5. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty  
Đánh giá của HĐQT về các hoạt động của Ban Giám Đốc  
Kế hoạch, định hướng của HĐQT

## 6. QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị  
Ban kiểm soát  
Các giao dịch, thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát  
Thông tin cổ đông

## 7. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## THÔNG DIỆP

### Tầm nhìn

***“Phần đầu đạt kim ngạch xuất khẩu 1 tỷ USD trong vòng 05 năm tới và trở thành Công ty chế biến xuất khẩu tôm hàng đầu thế giới”***

### Sứ Mệnh

***“Đưa con tôm Việt Nam vươn tầm Thế giới”***





## **Thông Điện Của Chủ Tịch**

### **Kính thưa Quý cổ đông!**

Năm 2014 vẫn là một năm khó khăn cho ngành thủy sản, đặc biệt là lĩnh vực nuôi trồng do hội chứng tôm chết sớm EMS vẫn còn chưa khống chế được nên vẫn còn đó những thách thức về việc thiếu nguyên liệu cho các nhà máy chế biến tôm xuất khẩu, làm cho giá thành sản xuất tăng cao, khả năng cạnh tranh suy giảm. Mặt khác nền kinh tế thế giới vẫn còn chưa thoát ra khỏi khủng hoảng, trong khi đó đồng Yên Nhật và đồng Euro mất giá mạnh, đã làm cho một số công ty nhập khẩu lớn của Nhật và Châu Âu hạn chế tiêu thụ mặt hàng tôm.

Nhưng bằng sự kinh nghiệm, lợi thế về thị trường, công nghệ và làm tốt kế hoạch sản xuất, chuẩn bị tốt nguồn nguyên liệu trong và ngoài nước cho sản xuất nên Minh Phú vẫn tăng trưởng về doanh thu và kim ngạch xuất khẩu, đủ nguồn hàng đáp ứng chẳng những khách hàng hiện tại và khách hàng mới và đó là thành công nổi bật nhất của Minh Phú trong năm 2014, vẫn tiếp tục là một trong công ty xuất khẩu tôm hàng đầu của Việt Nam và thế giới

Năm 2015 vẫn được đánh giá là một năm khó khăn cho ngành xuất khẩu thủy sản nhưng với lợi thế là một trong những tập đoàn sản xuất và chế biến tôm hàng đầu thế giới có qui trình nuôi trồng, sản xuất khép kín từ sản xuất con giống sạch bệnh, chuỗi cung ứng tôm bền vững, nuôi tôm thương phẩm sạch có chứng nhận BAP, ASC và truy xuất nguồn gốc đến chế biến tôm xuất khẩu. Với ưu thế về công nghệ nuôi tôm cũng như công nghệ chế biến tôm xuất khẩu, đặc biệt là các mặt hàng tôm giá trị gia tăng đòi hỏi hàm lượng công nghệ cao, điều này giúp cho khả năng cạnh tranh của Minh Phú vượt trội không những đối với các doanh nghiệp sản xuất chế biến tôm trong nước mà còn trên thế giới.

Với chiến lược tầm xa và luôn tiên phong đảm bảo môi trường, cũng như đảm bảo các chính sách an sinh xã hội cho người lao động và không ngừng cải thiện, nâng cao chất lượng tôm xuất khẩu. Đồng thời với việc đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, công nghệ và ứng dụng của Minh Phú Aquamekong, Minh Phú là đơn vị duy nhất trên thế giới đã sản xuất ra tôm giống sạch với tất cả các bệnh với công nghệ sản xuất tôm giống mới tiết giảm được 20% giá thành, cùng với xây dựng được qui trình nuôi tôm chuẩn khắc phục được bệnh EMS, bệnh EHP đảm bảo nuôi tôm thành công cao với giá thành giảm. Minh Phú phát triển hơn nữa chuỗi cung ứng bền vững bằng việc ký hợp đồng với 20,000 hộ nuôi tôm tham gia vào chuỗi cung ứng để đảm bảo hài hoà lợi ích giữa các hộ nuôi tôm với Minh Phú đồng thời lại kiểm soát được toàn bộ quá trình nuôi tôm đảm bảo tôm không hoá chất kháng sinh, tôm được truy xuất nguồn gốc và chất lượng tôm ngày một nâng cao. Để ngành tôm được phát triển bền vững với lợi nhuận ngày một nâng cao và hài hoà giữa các khâu trong chuỗi sản xuất, chế biến, xuất khẩu và phân phối tôm năm 2015 Minh Phú xây dựng “Chuỗi giá trị tôm toàn cầu”. Đó là bước đột phá của ngành tôm Việt Nam cũng như ngành tôm của toàn cầu.

Nhân dịp này Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty xin gửi lời cảm ơn tới các đối tác, các cơ quan hữu quan và toàn thể cổ đông về sự hợp tác giúp đỡ và tin tưởng đối với công ty Minh Phú trong suốt thời gian qua. Với sự hợp tác giúp đỡ và tin tưởng đó, Minh Phú sẽ tiếp tục phát triển ổn định, phát triển bền vững và vẫn là công ty hàng đầu của Việt Nam về xuất khẩu tôm trong giai đoạn tới.

Thay mặt Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc kính chúc toàn thể cổ đông và cán bộ công nhân viên Tập đoàn thủy sản Minh Phú cùng gia đình lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

**Trân trọng kính chào!**

**Chủ tịch hội đồng quản trị**

**Lê Văn Quang**



## THÔNG TIN CHUNG

### Thông tin khái quát

- Tên giao dịch : **Tập đoàn Thủy Sản Minh Phú**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số :
  - + 6103000072 ngày 12 tháng 5 năm 2006
  - + 6103000072 (điều chỉnh lần 1) ngày 25 tháng 5 năm 2007
  - + 6103000072 (điều chỉnh lần 2) ngày 12 tháng 11 năm 2007
  - + 2000393273 ngày 23 tháng 6 năm 2010
  - + 2000393273 (điều chỉnh lần 2) ngày 15 tháng 10 năm 2014

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty và các lần điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

- Vốn điều lệ : 700,000,000,000 đồng
- Vốn chủ sở hữu : **1,787,021,481,661**
- Địa chỉ trụ sở chính: Khu công nghiệp Phường 8, Tp.Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
- Số điện thoại : (84-780) 820 044
- Số fax : 078. 0366 8795
- Website : [www.minhphu.com](http://www.minhphu.com)
- Mã cổ phiếu : **MPC**

### Quá trình hình thành và phát triển

#### 1992

- Doanh nghiệp tư nhân cung ứng hàng xuất khẩu Minh Phú được thành lập với số vốn điều lệ ban đầu là 120 triệu đồng, ngành nghề kinh doanh chính là thu mua, chế biến thủy sản để cung ứng cho các đơn vị trong nước xuất khẩu

#### 1998

- Ngày 01 tháng 07 năm 1998, được đổi tên là Xí nghiệp chế biến thủy sản Minh Phú và đồng thời tăng vốn điều lệ lên thành 5 tỷ đồng.

## 2002

---

- Tháng 12 năm 2002, Xí nghiệp chế biến thủy sản Minh Phú được giải thể và thành lập Công ty xuất nhập khẩu thủy sản Minh Phú - TNHH với vốn điều lệ là 90 tỷ đồng, ngành nghề kinh doanh chính của công ty là thu mua chế biến hàng thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu

## 2006

---

- Chuyển từ mô hình công ty TNHH sang công ty cổ phần
- Ngày 27/12/2006 cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội với 60.000.000 cổ phiếu phổ thông mệnh giá 10.000 đồng/1 cổ phiếu

## 2008

---

- Ngày 25 tháng 06 năm 2008, Góp vốn vào Công ty Mseafood USA 20 triệu USD chiếm 90% vốn điều lệ của Công ty Mseafood.
- Ngày 08 tháng 07 năm 2008, thành lập Công ty TNHH một thành viên sản xuất chế phẩm sinh học Minh Phú với vốn điều lệ 4,5 tỷ đồng. Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú sở hữu 100%.

## 2009

---

- Ngày 17 tháng 08 năm 2009, Khởi công xây dựng nhà máy chế biến thủy sản Minh Phú- Hậu Giang công suất 40.000 tấn thành phẩm/ năm với vốn đầu tư khoảng 50 triệu USD

## 2010

---

- Ngày 23 tháng 06 năm 2010, đổi tên công ty thành Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú.
- Ngày 26 tháng 05 năm 2010, thành lập Công ty TNHH một thành nuôi tôm sinh thái Minh Phú với vốn điều lệ 20 tỷ đồng. Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú sở hữu 100%.
- Ngày 11 tháng 11 năm 2010, thành lập Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú- Lộc An với vốn điều lệ 50 tỷ đồng. Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú sở hữu 100%.

## 2011

---

- Ngày 15/02/2011, tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH nuôi trồng Thủy sản Minh Phú Lộc An từ 50 tỷ đồng lên 150 tỷ đồng, Công ty mẹ Minh Phú sở hữu 100 %.
- Ngày 26/07/2011, tăng vốn điều lệ cho Công ty TNHH chế biến Thủy sản Minh Phú – Hậu Giang từ 500 tỷ đồng lên 600 tỷ đồng, Công ty mẹ Minh Phú sở hữu 97.5%.
- Ngày 6/12/2011 thành lập công ty TNHH MTV nuôi trồng Thủy sản Minh Phú Hòa Điền với vốn điều lệ 250 tỷ đồng, Công ty mẹ Minh Phú sở hữu 100%

## 2012

---

- Ngày 18/10/2012 giải thể công ty TNHH MTV nuôi trồng thủy sản Minh Phú Ninh Thuận

## 2013

---

- Ngày 19/10/2013 Tập đoàn thủy sản Minh Phú đạt được thỏa thuận chào bán riêng lẻ 26,67 triệu cổ phiếu, tương đương 30.77% cổ phần của Công ty con là Công ty thủy sản Minh

---

Phú Hậu Giang cho Công ty TNHH Mitsui & Co (Asia Pacific) – Công ty con tại Singapore thuộc tập đoàn Mitsui

- Ngày 18/11/2013 chuyển đổi tên Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phú Hậu Giang thành Công ty cổ phần thủy sản Minh Phú Hậu Giang và tăng vốn điều lệ lên 866.666.670.000 đồng, trong đó Công ty cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú sở hữu 67,5%, Công ty TNHH Mitsui & Co (Asia Pacific) sở hữu 30,8% và ông Nguyễn Thanh Cần sở hữu 1,7%

## **2014**

- Công ty đã thực hiện mua cổ phiếu quỹ 2 lần, lần 1 từ ngày 07/04/2014 tới 07/05/2014 và lần 2 từ ngày 07/11/2014 tới 07/12/2014. Do mua cổ phiếu quỹ nên số lượng cổ phiếu đang lưu hành hiện nay là: 68.462.850 cổ phiếu
  - Thành lập mới công ty con với 100% vốn của Minh Phú: Công ty TNHH MTV Chuỗi cung ứng Thủy sản Minh Phú, địa chỉ: ấp Phú Thạnh, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, vốn điều lệ: 2 tỷ đồng
  - Giải thể Công ty TNHH MTV Nuôi trồng thủy sản Minh Phú Hòa Điền (Mã số DN: 1701635962 do Sở KHĐT Kiên Giang cấp ngày 22/12/2011; và có địa chỉ tại: Tổ 2, Ấp Cảng, xã Hòa Điền, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang), giao tài sản của Minh Phú Hòa Điền cho Minh Phú Kiên Giang khai thác quản lý.
- 

## **Các sự kiện quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển của Công ty**

### **1998**

---

Khánh thành và đưa vào hoạt động nhà máy chế biến tôm xuất khẩu Minh Phú với công suất 5.000 tấn thành phẩm/năm

### **2000**

---

Khánh thành và đưa vào hoạt động nhà máy chế biến tôm xuất khẩu Minh Quý với công suất 7.000 tấn thành phẩm/năm

### **2006**

---

Chính thức tham gia vào hoạt động nuôi tôm thương phẩm với sự ra đời của Công ty nuôi trồng Thủy sản Minh Phú Kiên Giang

Khánh thành và đưa vào hoạt động nhà máy chế biến tôm xuất khẩu Minh Phát với công suất 7.000 tấn thành phẩm/năm

Khánh thành và đưa vào hoạt động Trại sản xuất con giống Ninh Thuận với công suất thiết kế 5 tỷ tôm post /năm

### **2010**

---

Nâng công suất cơ sở chế biến tôm xuất khẩu ở Cà Mau lên 36.000 tấn thành phẩm /năm

## **2011**

Khánh thành và đưa vào hoạt động nhà máy chế biến tôm xuất khẩu Minh Phú Hậu Giang với công suất 40.000 tấn thành phẩm/năm

## **2012**

Ngày 18/10/2012 giải thể công ty TNHH MTV nuôi trồng thủy sản Minh Phú Ninh Thuận

## **2013**

Giải thể Công ty TNHH một thành nuôi tôm sinh thái Minh Phú theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2013 ngày 16/05/2013 số 01/NQĐHMP13

Chuyển đổi Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phú Hậu Giang thành Công ty cổ phần thủy sản Minh Phú Hậu Giang

## **2014**

Đầu tư 3,9 tỷ đồng vào Công ty TNHH Dịch vụ kỹ thuật nuôi trồng thủy sản Minh Phú Aquamekong (MST: 0312398643, địa chỉ 36 đường số 18, KP7, P. Linh Đông, Q. Thủ Đức, Tp.HCM) để nắm giữ 48,7% vốn điều lệ công ty này.

Thành lập mới công ty con với 100% vốn của Minh Phú: Công ty TNHH MTV Chuỗi cung ứng Thủy sản Minh Phú, địa chỉ: ấp Phú Thạnh, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, vốn điều lệ: 2 tỷ đồng

Giải thể Công ty TNHH MTV Nuôi trồng thủy sản Minh Phú Hòa Điền (Mã số DN: 1701635962 do Sở KHĐT Kiên Giang cấp ngày 22/12/2011; và có địa chỉ tại: Tổ 2, Ấp Cảng, xã Hòa Điền, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang), giao tài sản của Minh Phú Hòa Điền cho Minh Phú Kiên Giang khai thác quản lý.

Ngày 25-09-2014 phát hành 500 tỷ đồng trái phiếu ghi sổ không chuyển đổi kỳ hạn 3 năm lãi suất 9,65% năm, Sau khi hoán đổi CCS sang lãi suất USD lãi suất TP còn phải trả là 4,5%/năm.





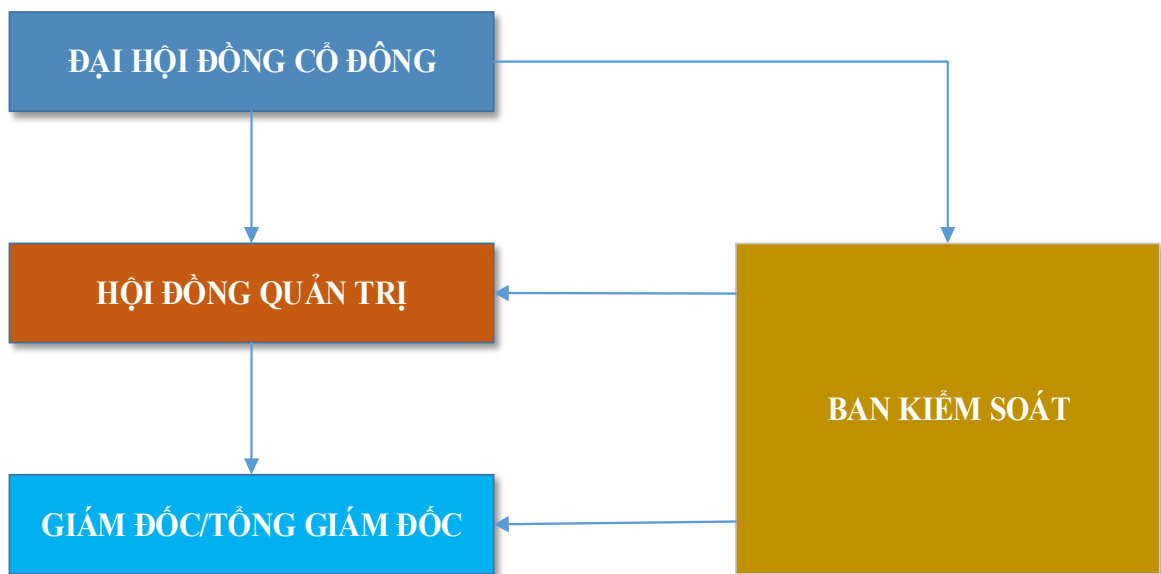
## Ngành nghề kinh doanh

- ☐ Chế biến, xuất khẩu hàng thủy sản
- ☐ Nhập khẩu nguyên vật liệu, phụ liệu về chế biến hàng xuất khẩu
- ☐ Nhập máy móc thiết bị phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu
- ☐ Kinh doanh bất động sản, đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, thi công xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.
- ☐ Nuôi trồng thủy sản, kinh doanh giống thủy sản, kinh doanh thức ăn thủy sản và tư máy móc thiết bị, sản xuất chế phẩm sinh học phục vụ nuôi trồng thủy sản.
- ☐ Kinh doanh tòa nhà cao ốc, văn phòng cho thuê.

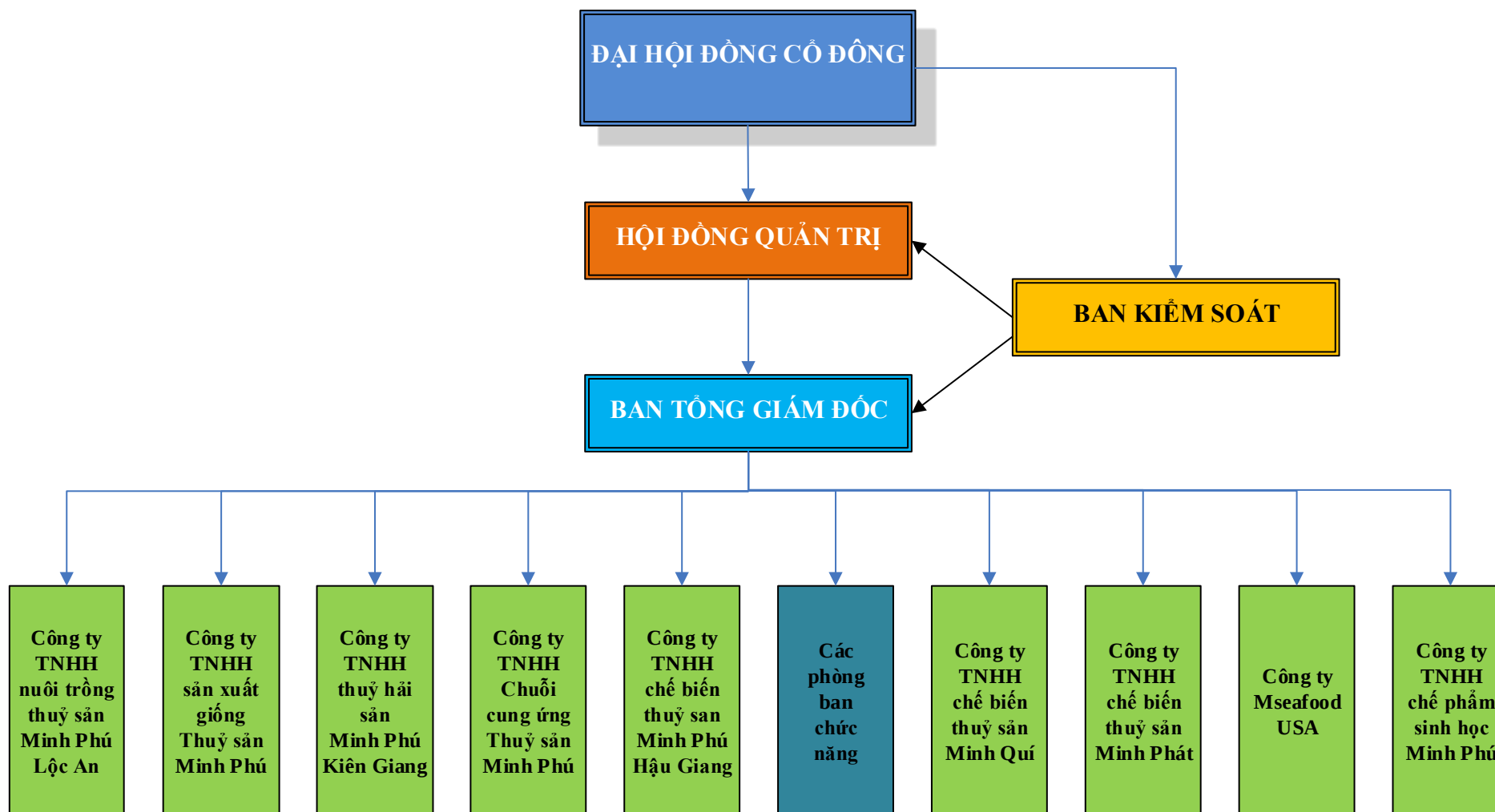
## Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức, các công ty con, công ty liên kết

### Mô hình quản trị

- ❑ Mô hình quản trị Tập đoàn Thủy Sản Minh Phú được xây dựng trên quan điểm bảo vệ quyền lợi và lợi ích cho các cổ đông, đặc biệt là các cổ đông thiểu số, mô hình Tập đoàn Minh Phú có Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám Đốc và Ban Kiểm soát, với mô hình này nghĩa vụ của người quản lý, nhất là đối với thành viên HĐQT và TGD, đặc biệt là nghĩa vụ trung thành, trung thực, qui định rõ điều kiện và tiêu chuẩn của các chức danh quản lý trong Tập đoàn, tăng thêm qui định về công khai và minh bạch hoá, nhất là đối với những người quản lý, nâng cao, tăng cường và qui định cụ thể hơn vai trò, vị trí và trách nhiệm của Ban kiểm soát.



### *Cơ cấu tổ chức*



**Các Công ty con, công ty liên kết**

| Các công ty con và công ty liên kết |                                                      |             |           |                                                        |                                  |                           |                                                 |
|-------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------|-----------|--------------------------------------------------------|----------------------------------|---------------------------|-------------------------------------------------|
| STT                                 | Tên Công ty                                          | Vốn điều lệ | Đơn vị    | Hoạt động kinh doanh chính                             | Địa chỉ                          | Tỷ lệ sở hữu của Minh Phú | Cổ đông thiểu số                                |
| 1                                   | Công ty Mseafood USA                                 | 22.2        | triệu USD | Nhập khẩu, phân phối thủy sản                          | California, Mỹ                   | 90%                       | Lê Văn Quang                                    |
| 2                                   | Công ty cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang          | 866.67      | tỷ VND    | Chế biến tôm xuất khẩu                                 | Châu Thành, Hậu Giang            | 67.5%                     | Nguyễn Thanh Cấn                                |
| 3                                   | Công ty TNHH Chế biến thủy sản Minh Quý              | 200         | tỷ VND    | Chế biến tôm xuất khẩu                                 | Tp. Cà Mau                       | 97.5%                     | Chu Thị Bình                                    |
| 4                                   | Công ty TNHH Chế biến thủy sản Minh Phát             | 100         | tỷ VND    | Chế biến tôm xuất khẩu                                 | Tp. Cà Mau                       | 95.0%                     | Lê Văn Quang                                    |
| 5                                   | Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú - Kiên Giang      | 150         | tỷ VND    | Nuôi tôm công nghiệp                                   | huyện Kiên Lương, Kiên Giang     | 99.1%                     | Lê Văn Quang                                    |
| 6                                   | Công ty TNHH sản xuất giống thủy sản Minh Phú        | 30          | tỷ VND    | Gia hóa, tuyển chọn và sản xuất tôm giống              | huyện Ninh Phước, Ninh Thuận     | 98.5%                     | Lê Văn Quang                                    |
| 7                                   | Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú - Lộc An   | 150         | tỷ VND    | Nuôi tôm công nghiệp                                   | Đất Đỏ, Bà Rịa Vũng Tàu          | 100%                      |                                                 |
| 8                                   | Công ty TNHH MTV sản xuất chế phẩm sinh học Minh Phú | 4.5         | tỷ VND    | Sản xuất chế phẩm sinh học phục vụ nuôi trồng thủy sản | huyện Thới Bình, Cà Mau          | 100%                      |                                                 |
| 9                                   | Công ty TNHH MTV Chuỗi Cung Ứng Thủy Sản Minh Phú    | 2           | tỷ VND    | Cung cấp giống, kinh doanh thủy sản, tư vấn nuôi trồng | huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang | 100%                      |                                                 |
| 10                                  | Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang              | 200         | tỷ VND    | Hợp tác đầu tư dự án cảng                              | huyện Châu Thành, Hậu Giang      | 40%                       | Cty CP Đầu tư Long Phụng 50% & Lê Văn Quang 10% |



|    |                                                                       |   |        |                                                                    |                                      |     |                  |
|----|-----------------------------------------------------------------------|---|--------|--------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|-----|------------------|
| 11 | Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi Trồng Thủy Sản Minh Phú Aquamekong | 8 | tỷ VND | Tư vấn công nghệ nuôi trồng thủy sản, sơ chế bảo quản thủy sản,... | Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, HCM | 49% | Trần Hữu Lộc 51% |
|----|-----------------------------------------------------------------------|---|--------|--------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|-----|------------------|

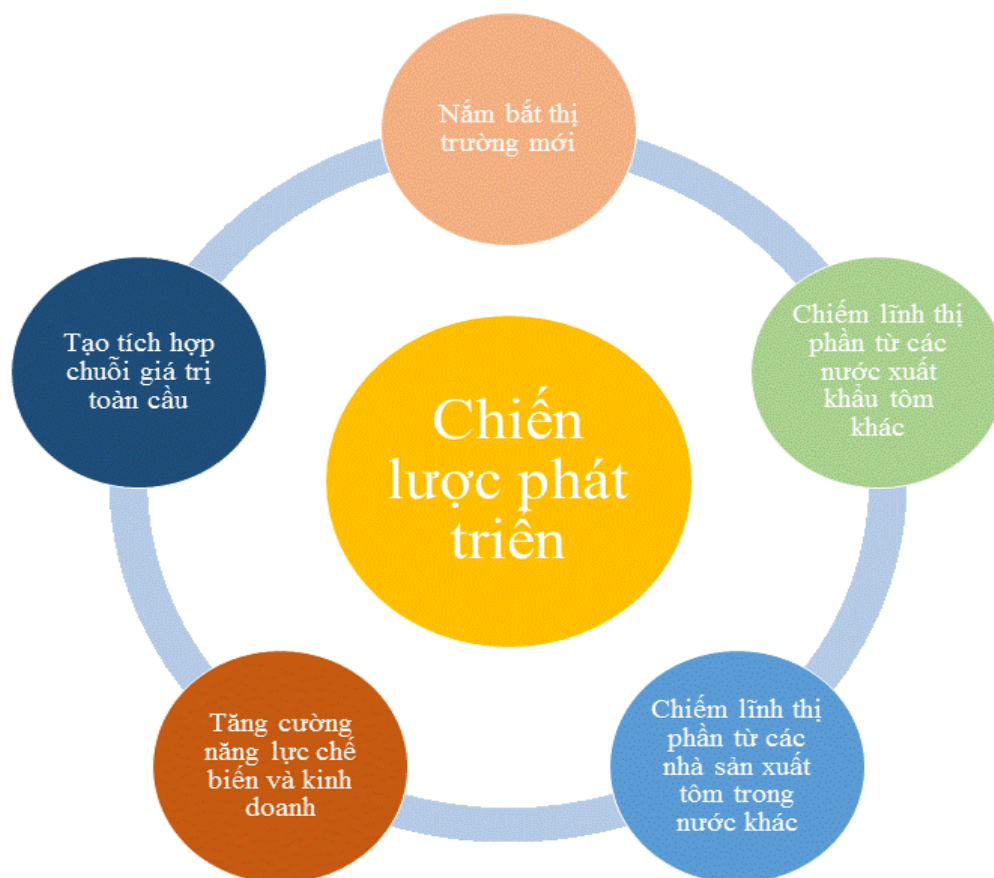
## Định hướng phát triển

### Mục tiêu của công ty

- ☐ Tăng vốn điều lệ từ 700 tỷ đồng lên 1.000 tỷ đồng
- ☐ Minh phú tiếp tục phấn đấu vẫn là công ty xuất khẩu thủy sản hàng đầu của Việt Nam.
- ☐ Giữ vững thị trường xuất khẩu hiện có, không ngừng mở rộng thị trường xuất khẩu mới và đặc biệt xây dựng thương hiệu Minh phú thành thương hiệu mạnh.
- ☐ Xây dựng **“Chuỗi giá trị tôm, cá toàn cầu Minh Phú”**, cụ thể :
  - Thành lập viện nghiên cứu Minh Phú Aqua Mekong: nghiên cứu về giống, công nghệ nuôi, phòng ngừa dịch cũng như chữa bệnh.
  - Thành lập trại sản xuất giống chất lượng cao và sạch bệnh
  - Xây dựng nhà máy sản xuất thức ăn tôm và cá
  - Xây dựng nhà máy sản xuất thuốc và chế phẩm vi sinh
  - Thành lập chuỗi cung ứng: cung cấp con giống, cung cấp thức ăn, cung cấp thuốc và chế phẩm vi sinh, cung cấp quy trình nuôi chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật nuôi và thu mua lại sản phẩm với giá cao hơn thị trường từ 10-20%.
  - Xây dựng nhà máy chế biến tôm và cá xuất khẩu
  - Xây dựng hệ thống kho cảng, logistic
  - Thành lập hệ thống phân phối ở thị trường Quốc tế cùng với các cửa hàng thực phẩm sạch, chuỗi nhà hàng thủy sản, chuỗi các nhà hàng thức ăn nhanh thủy sản ở thị trường nội địa cũng như trên quốc tế.
- ☐ Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, công tác tổ chức nhân sự, tiền lương và không ngừng đào tạo, thu hút nguồn nhân lực giỏi, luôn có chính sách đãi ngộ tốt đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý và công nhân lao động

## Chiến lược phát triển trung và dài hạn

### Chiến lược phát triển



Minh Phú dự kiến đạt kim ngạch xuất khẩu 1 tỷ USD vào năm 2020. Để đạt được điều này, Công ty đã đầu tư đáng kể vào việc tăng công suất chế biến, mở rộng thị trường mới và tăng thị phần ở những thị trường truyền thống... Các chiến lược phát triển chính của Minh Phú bao gồm:

- ☐ Nhằm bắt thị trường mới, mở rộng thị trường sang Nga và Trung Quốc, đặc biệt Trung Quốc dự kiến sẽ trở thành một trong những thị trường trọng điểm trong thời gian tới.
- ☐ Chiếm lĩnh thị phần từ các nước sản xuất tôm khác, cũng như chiếm lĩnh thị phần từ các nhà sản xuất tôm trong nước khác
- ☐ Tăng cường năng lực chế biến và kinh doanh, củng cố và kiểm soát chất lượng và hiệu quả qua Chuỗi cung ứng
- ☐ Tạo tích hợp chuỗi giá trị tôm & cá toàn cầu
- ☐ Không tiếp tục mở rộng diện tích nuôi mà chỉ tổ chức nuôi hết diện tích nuôi tôm hiện có với qui trình công nghệ nuôi xen với cá rô phi cũng như nuôi theo công nghệ Biofloc để hạn chế bệnh EMS cũng như các bệnh tôm khác

- ❑ Triển khai mạnh mẽ chuỗi cung ứng tôm bền vững Minh Phú để đủ cung cấp tôm chất lượng cao cho Minh Phú chế biến xuất khẩu
- ❑ Tăng công suất chế biến thông qua việc đẩy mạnh hoạt động của nhà máy Minh Phú Hậu Giang, xây dựng mới nhà máy chế biến tôm ở Cà Mau và nhà máy chế biến tôm và cá ở Hậu Giang.
- ❑ Tăng thị phần ở các thị trường truyền thống thông qua việc thâm nhập sâu hơn và đa dạng hóa sản phẩm.
- ❑ Thành lập viện nghiên cứu Minh Phú Aqua Mekong: nghiên cứu về giống, công nghệ nuôi, phòng ngừa dịch cũng như chữa bệnh.
- ❑ Thành lập trại sản xuất giống chất lượng cao và sạch bệnh.
- ❑ Thành lập hệ thống phân phối ở thị trường quốc tế cùng với các cửa hàng thực phẩm sạch, chuỗi nhà hàng thủy sản, chuỗi các nhà hàng thức ăn nhanh thủy sản ở thị trường nội địa cũng như trên quốc tế

## ***Mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng***

### ***Môi trường và cộng đồng***

## ***“TẤT CẢ CÁC NHÀ MÁY CỦA MINH PHÚ ĐỀU CÓ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CHUẨN”***

- ❑ Các nhà máy của MINH PHÚ được thiết kế hiện đại, đạt tiêu chuẩn HACCP, ISO tạo môi trường làm việc sạch sẽ, đảm bảo an toàn vệ sinh an toàn lao động.
- ❑ Bên cạnh đó, công ty đầu tư những máy móc thiết bị tiên tiến, tiết kiệm nhiên liệu và điện năng, góp phần giảm thải các khí gây hiệu ứng nhà kính như carbon dioxide, methane, ...
- ❑ Là một công ty chuyên sản xuất chế biến tôm, MINH PHÚ không chỉ chú trọng về an toàn vệ sinh thực phẩm mà còn đặt yếu tố thân thiện với môi trường lên hàng đầu. Tất cả các nhà máy, vùng nuôi tôm của MINH PHÚ đều thực hiện đầy đủ các quy định, yêu cầu về đánh giá tác động môi trường ngay từ những ngày đầu xây dựng.
- ❑ Không chỉ đầu tư hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy định, các nhà máy MINH PHÚ còn có hệ thống thu gom triệt để các chất thải từ quá trình chế biến (như đầu vỏ tôm) để làm nguyên liệu đầu vào cho các nhà máy sản xuất thức ăn gia súc, sản xuất chitin chitosan.

## ***“MINH PHÚ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CÓ TRÁCH NHIỆM VỚI XÃ HỘI”***

### ***Sử dụng tài nguyên tiết kiệm và hiệu quả***

Các nhà máy của công ty đều được trang bị các dây chuyền công nghệ hiện đại được nhập trực tiếp từ các nước như: Nhật, Đức, Thụy Điển, Đan Mạch... với tiêu chí tạo ra sản phẩm chất lượng cao, tiêu thụ điện năng thấp. Bên cạnh đó, MINH PHÚ đã thay thế toàn bộ qui trình sản xuất theo phương pháp thủ công trước đây (các bản chế biến thông thường) bằng qui trình sản xuất bán tự động dạng băng tải, với qui trình sản xuất này ngoài việc nâng cao năng suất làm việc, điều kiện làm việc được cải thiện tốt hơn rất nhiều so với trước đây (không gian làm việc thông thoáng, giảm độ ẩm không khí, công nhân không phải đi lại nhiều v.v...) Với qui trình sản xuất này việc thu gom phế phẩm thấy ra từ nguyên liệu và thành phẩm trong từng dây chuyền hoàn toàn tự động và độc lập tránh gây nhiễm chéo giữa nguyên liệu với bán thành phẩm cũng như phế liệu thấy ra.

Dây chuyền sản xuất dạng băng tải mà Minh Phú đang áp dụng rất dễ sử dụng, dễ vệ sinh nên việc kiểm soát vi sinh hoàn toàn có thể. Ngoài ra chúng tôi có thể tiết giảm được lượng nước tiêu hao cho sản xuất so với việc sử dụng từng bản chế biến riêng lẻ như trước đây khoảng từ 60 đến 70% tùy theo từng điều kiện.

Với qui trình sản xuất liên hoàn dạng băng tải chúng tôi hoàn toàn chủ động trong việc sử dụng, điều tiết, phân phối nguồn nước đặc biệt có thể làm cho nền nhà xưởng luôn giữ được khô ráo, tiết giảm được điện sử dụng cho máy lạnh, góp phần đảm bảo sức khỏe công nhân viên, hạn chế sự phát triển của vi sinh vật

Bằng việc áp dụng công nghệ cấp đông tiên tiến nhất ở các nước Châu Âu nói chung ngoài việc nâng cao hiệu quả, giảm điện năng tiêu thụ bình quân còn góp phần không nhỏ cho việc nâng cao chất lượng thành phẩm, chất lượng và hình thức sản phẩm hoàn toàn đáp ứng được yêu cầu khách hàng ở các nước chúng tôi cung cấp

### ***Giảm thiểu ô nhiễm môi trường***

Tất cả các nhà máy, vùng nuôi của MINH PHÚ đều thực hiện đầy đủ các quy định, yêu cầu về đánh giá tác động môi trường ngay từ những ngày đầu xây dựng.

Hiện nay 02 nhà máy chế biến Thủy sản của Minh Phú ở Cà Mau và Hậu Giang đang sử dụng đèn chiếu sáng trong nhà máy bằng đèn LED thay cho đèn Neon trước đây. Với việc đầu tư công nghệ LED chúng tôi tiết kiệm được lượng điện tiêu thụ khoảng 65% so với việc sử dụng đèn Neon cùng công suất chiếu sáng, ngoài ra đèn LED còn góp phần làm giảm ô nhiễm môi trường

Về hệ thống xử lý nước thải: hiện tại nhà máy tại Hậu Giang đã được đầu tư Hệ thống xử lý nước thải với công suất 5000m<sup>3</sup>/ngày đêm theo công nghệ UASB và MBBR thu hồi Biogas để tái sử dụng cho nồi hơi đảm bảo nước thải đầu ra đạt loại A theo QCVN 11:2008. Công nghệ này giúp hạn chế tối đa mùi hôi phát sinh trong quy trình xử lý, việc thu hồi khí biogas để tái sử dụng góp phần tiết kiệm nhiên liệu, giảm thiểu phát sinh các khí thải gây hiệu ứng nhà kính như CH<sub>4</sub>, CO<sub>2</sub>....Ngoài ra hệ thống còn được đầu tư thêm hệ thống xử lý bậc cao (bồn lọc áp lực) giúp tái sử dụng 1 phần nước thải vào việc vệ sinh nhà xưởng, tưới cây...Đối với Hệ thống xử lý nước thải tại nhà máy Cà Mau của Công ty đã được đầu tư từ năm 2008 với công suất 2000m<sup>3</sup>/ngày đêm đảm bảo nước thải đầu ra đạt loại B theo QCVN 11:2008 theo quy định, hiện Minh Phú đang tiến hành khảo sát đầu tư mở rộng, nâng công suất lên 5000m<sup>3</sup>/ngày đêm theo QCVN 11:2008 cột A theo công nghệ tương tự nhà máy ở Hậu Giang. Việc đầu tư Hệ thống xử lý nước thải đồng bộ như trên tại 2 nhà máy là tiền đề để Minh Phú xây dựng theo cơ chế phát triển sạch (CDM), thân thiện với môi trường và phát triển bền vững.

Hệ thống xử lý nước thải của các nhà máy đều được Sở Tài nguyên Môi trường địa phương cấp giấy chứng nhận đạt chuẩn trước khi thải ra môi trường, một phần nước thải sau xử lý được tái sử dụng.

Các nhà máy của MINH PHÚ được thiết kế hiện đại, đạt tiêu chuẩn ISO, HACCP, tạo môi trường làm việc sạch sẽ, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động đối với người lao động, mọi nguồn phát sinh tiếng ồn đều được cách ly hoàn toàn.

Với vùng nuôi của mình, MINH PHÚ nuôi tôm bằng công nghệ sinh học, hạn chế tối đa việc sử dụng hóa chất, thực hiện nuôi tôm bền vững, thân thiện với môi trường. Tại vùng nuôi của MINH PHÚ, khoảng 40% diện tích được dùng làm hệ thống cấp, xử lý nước thải từ ao nuôi tôm. Việc áp dụng công nghệ nuôi tiên tiến giúp cho việc thay nước, xử lý nước được giảm thiểu. Nước thải từ ao nuôi tôm được xử lý và tận dụng tuần hoàn trở lại. Môi trường ao nuôi thực sự là môi trường xanh sạch, bền vững.

### ***Sử dụng các loại bao bì thân thiện với môi trường***

Minh Phú sử dụng bao bì trọng lượng nhẹ, có thể tái chế hoặc có thể tự hủy để bảo vệ môi trường

### ***Phát triển bền vững và có trách nhiệm với xã hội***

#### **Đối với người tiêu dùng**

Với 20 năm kinh nghiệm phát triển, MINH PHÚ luôn cung cấp các sản phẩm tôm với số lượng và chất lượng tốt nhất, thỏa mãn mọi quy định về an toàn vệ sinh thực phẩm khắt khe nhất trên thế giới.

MINH PHÚ không ngừng cải tiến, đổi mới công nghệ để các sản phẩm của mình luôn đáp ứng và thỏa mãn mọi nhu cầu cao nhất về chất lượng và giá cả của khách hàng.

#### **Đối với cán bộ công nhân viên**

Ổn định và nâng cao đời sống cán bộ công nhân viên là chính sách được ưu tiên hàng đầu của MINH PHÚ. Các hoạt động cụ thể của MINH PHÚ như:

- ☐ Xây dựng nhà tập thể cho cán bộ công nhân viên.
- ☐ Hỗ trợ cán bộ nhân viên trong việc mua nhà trả góp
- ☐ Có xe buýt đưa rước công nhân
- ☐ Hỗ trợ tiền ăn trưa (ăn ca) với toàn thể cán bộ công nhân viên
- ☐ Phần thưởng khuyến khích học tập cho con em cán bộ công nhân viên đạt loại khá giỏi.

Tại MINH PHÚ, tất cả các cán bộ công nhân viên đều được tôn trọng bình đẳng, tạo điều kiện phát huy năng lực, thăng tiến trong sự nghiệp.

***Với MINH PHÚ là phát triển bền vững, vì thế việc mở rộng phát triển của MINH PHÚ không phải vì danh hiệu này danh hiệu kia, không phải vì khẳng định vị trí thứ nhất, thứ 2 ... mà là vì sự ổn định và chất lượng đời sống người lao động. Hiện nay, lao động tại MINH PHÚ là trên 14.000 người và sẽ tăng lên trên 15.000 người. Phát triển công ty để người lao động có thu nhập***



*cao, ổn định, có được sự thăng tiến trong nghề nghiệp, có cuộc sống đảm bảo. Và có như thế việc phát triển của MINH PHÚ mới có ý nghĩa.*

### **Đối với cộng đồng**

MINH PHÚ chia sẻ trách nhiệm xã hội thông qua các hoạt động từ thiện như:

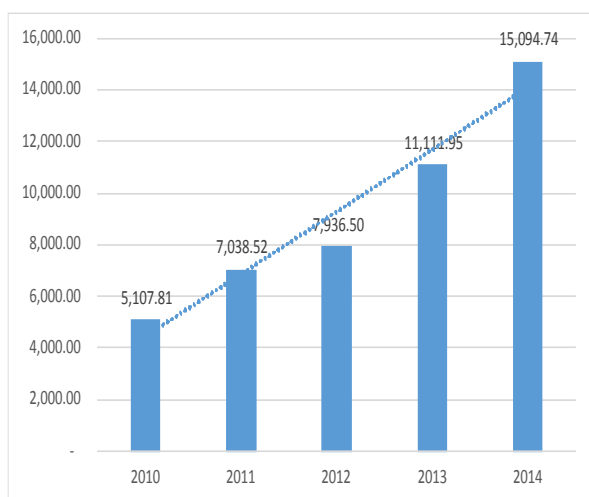
- ☐ Xây dựng trường học
- ☐ Xây nhà tình nghĩa (02 căn mỗi năm)
- ☐ Đóng góp vào quỹ đền ơn đáp nghĩa; quỹ phúc lợi địa phương hàng năm
- ☐ Đóng góp xây dựng cho chương trình giao thông nông thôn.  
Trong năm 2011, Công ty đã xây dựng 05 cây cầu cho bà con vùng sâu vùng xa trị giá 1,5 tỷ đồng)
- ☐ Tài trợ mổ mắt miễn phí cho người nghèo
- ☐ Tài trợ mổ tim

## **TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

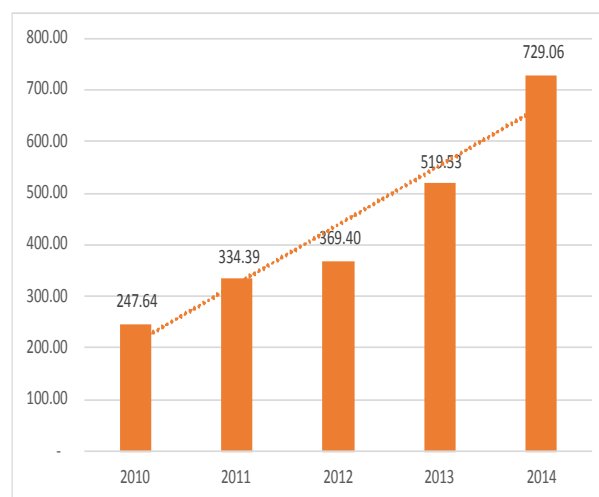
### **Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

| Chỉ tiêu             | ĐVT       | 2010      | 2011      | 2012      | 2013      | 2014      |
|----------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| Sản lượng sản xuất   | Tấn       | 23,871.47 | 30,491.79 | 32,487.86 | 37,892.05 | 54,525.25 |
| Sản lượng xuất khẩu  | Tấn       | 23,119.88 | 27,178.20 | 32,049.53 | 38,799.77 | 47,570.94 |
| Kim ngạch xuất khẩu  | Triệu USD | 247.64    | 334.39    | 369.40    | 519.53    | 729.06    |
| Tổng doanh thu thuần | Tỷ đồng   | 5,107.81  | 7,038.52  | 7,936.50  | 11,111.95 | 15,094.74 |
| Tổng lợi nhuận ròng  | Tỷ đồng   | 314.68    | 283.70    | 15.88     | 293.83    | 921.05    |

**Biểu đồ 1: Doanh thu thuần (Tỷ đồng)**



**Biểu đồ 2: Kim ngạch xuất khẩu (Triệu USD)**



Nhìn vào biểu đồ ta thấy doanh thu và kim ngạch xuất khẩu của Minh Phú năm sau cao hơn năm trước, mặc dù trong giai đoạn này công ty phải đương đầu với nhiều khó khăn và thách thức như nguồn cung tôm thiếu hụt do dịch bệnh, nhu cầu tiêu thụ tôm giảm.

Để đạt được tăng trưởng doanh thu ấn tượng như trên, công ty đã tìm nguồn nguyên liệu trong và ngoài nước để có đủ tôm nguyên liệu đầu vào đủ đáp ứng sản xuất và xuất khẩu, đẩy mạnh phát triển chuỗi cung ứng nhằm đảm bảo chất lượng tôm đầu vào và đảm bảo nguồn cung ổn định, đầu tư tăng công suất chế biến, phát triển vùng nuôi từ các hộ nông dân và mở rộng thị trường tiêu thụ.

#### ***Tình hình thực hiện các chỉ tiêu tài chính so với kế hoạch***

| Chỉ tiêu                | Đơn vị tính | Thực hiện năm 2014 | Kế hoạch năm 2014 | So sánh với kế hoạch |
|-------------------------|-------------|--------------------|-------------------|----------------------|
| 1- Kim ngạch xuất khẩu  | Triệu USD   | 729.06             | 550.00            | 132.56%              |
| 2- Sản lượng sản xuất   | Tấn         | 54,525.25          | 46,750.00         | 116.63%              |
| 3- Tổng doanh thu thuần | Tỷ đồng     | 15,094.74          | 11,715.00         | 128.85%              |
| 4- Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng     | 1,047.54           | 487.49            | 214.88%              |
| 5- Lợi nhuận sau thuế   | Tỷ đồng     | 921.05             | 421.74            | 218.39%              |

#### ***Các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh***

Qua bảng so sánh trên cho thấy sản lượng sản xuất năm 2014 tăng 16.63% so với kế hoạch và kim ngạch xuất khẩu tăng 32.56% so với kế hoạch, điều này dẫn đến doanh thu tăng 28.85% so với kế hoạch và lợi nhuận sau thuế tăng 118.39% so với kế hoạch.

Việc kinh doanh vượt kế hoạch đề ra cho năm 2014 là do các yếu tố sau đây:

- Do Công ty chủ động trong việc xác định giá bán hợp lý với khách hàng.
- Do Công ty chủ động tìm được những khách hàng mới tiềm năng mà trước giờ họ là khách hàng của các đối thủ cạnh tranh.
- Do Công ty chuẩn bị tầm xa tốt nguồn nguyên liệu đầu vào, tìm nguồn tôm nguyên liệu sạch và chất lượng để phục vụ cho sản xuất, nên đã làm giá thành sản xuất giảm 2.2% so với kế hoạch.
- Do Công ty chủ động tìm được những khách hàng mới tiềm năng mà trước giờ họ là khách hàng của các đối thủ cạnh tranh.
- Do Công ty duy trì ổn định chất lượng sản phẩm đầu ra đáp ứng được những khách hàng lớn từ thị trường tiêu thụ số lượng lớn như Mỹ, Nhật, Canada, Úc...

### **Tổ chức và nhân sự**

#### ***Danh sách Ban Giám Đốc***

**Ban tổng giám đốc : Gồm 6 thành viên**

1- Ông Lê Văn Quang

Tổng giám đốc

2- Bà Chu Thị Bình  
 3- Ông Chu Văn An  
 4- Ông Thái Hoàng Hùng  
 5- Ông Nguyễn Tấn Anh  
 6- Ông Lê Văn Điệp  
 7- Ông Lê Ngọc Anh  
 8- Ông Bùi Anh Dũng

Phó tổng giám đốc  
 Phó tổng giám đốc  
 Phó tổng giám đốc  
 Phó tổng giám đốc  
 Phó tổng giám đốc  
 Phó tổng giám đốc  
 Phó tổng giám đốc

| Ban Giám Đốc                                                                                                         |                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Họ và Tên                                                                                                            | Chức vụ                                                | Thông tin chi tiết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| Ông Lê Văn<br>Quang<br>57 Tuổi<br> | Chủ tịch Hội<br>Đồng Quản Trị<br>kiêm Tổng<br>Giám Đốc | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm sinh: 28/10/1958</li> <li>- Nơi sinh: Bệnh viện Quảng Yên - Quảng Ninh</li> <li>- Quốc tịch: Việt Nam</li> <li>- Dân tộc: Kinh</li> <li>- Địa chỉ thường trú: 385/37B Điện Biên Phủ, Phường 4 Quận 3, TPHCM</li> <li>- Điện thoại liên lạc: (84.780) 3838 262</li> <li>- Trình độ văn hoá: 10/10</li> <li>- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ chế biến thủy sản</li> <li>- Quá trình công tác:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ 1981 - 1983: Cán bộ kỹ thuật sở thủy sản Minh Hải.</li> <li>+ 1983 - 1986: Phó phòng thu mua Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Minh Hải</li> <li>+ 1986 - 1988: Quản đốc phân xưởng Công ty Xuất nhập khẩu thủy sản Minh Hải</li> <li>+ 1992 - 2003: Chủ doanh nghiệp tư nhân Minh Phú.</li> <li>+ 2003 – 2006: Tổng giám đốc Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Minh Phú.</li> </ul> </li> <li>- Chức vụ hiện tại: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty CP tập đoàn thủy sản Minh Phú; Chủ tịch HĐQT thành viên Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phát, Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang, Công ty TNHH sản xuất giống thủy sản Minh Phú.</li> <li>- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không có</li> <li>- Hành vi vi phạm pháp luật: không có</li> </ul> |

| Ban Giám Đốc                                                                                                     |                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Họ và Tên                                                                                                        | Chức vụ                                           | Thông tin chi tiết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| Bà Chu Thị Bình<br>51 Tuổi<br>  | Phó Chủ tịch<br>HĐQT kiêm<br>Phó Tổng<br>Giám Đốc | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm sinh: 1964</li> <li>- Nơi sinh: Thái Bình</li> <li>- Quốc tịch: Việt Nam</li> <li>- Dân tộc: Kinh</li> <li>- Địa chỉ thường trú: 112B Phan Bội Châu, F7, TP Cà Mau.</li> <li>- Điện thoại liên lạc: (84.780) 3820044</li> <li>- Trình độ văn hóa: 10/10</li> <li>- Trình độ chuyên môn: Trung cấp</li> <li>- Quá trình công tác:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ 1981 – 1995: Nhân viên thu mua, Kế toán Công ty Chế biến Thủy sản Cà Mau</li> <li>+ 1996 – 1997: Phó giám đốc Xí nghiệp Hợp tác</li> <li>+ 1998 – nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú, Giám đốc Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý.</li> </ul> </li> <li>- Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú; Giám đốc Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý.</li> <li>- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có</li> <li>- Hành vi vi phạm pháp luật: không</li> </ul>                                                                    |
| Ông Chu Văn An<br>62 Tuổi<br> | Thành viên<br>HĐQT kiêm<br>Phó Tổng<br>Giám Đốc   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm sinh: 02/05/1953</li> <li>- Nơi sinh: Thái Bình</li> <li>- Quốc tịch: Việt Nam</li> <li>- Dân tộc: Kinh</li> <li>- Quê quán: Thái Bình, Việt Nam</li> <li>- Địa chỉ thường trú: số 09 Khu tập thể Minh Phú, xã Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau</li> <li>- Điện thoại liên lạc: (84.780) 3820044</li> <li>- Trình độ văn hoá: 10/10</li> <li>- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật.</li> <li>- Quá trình công tác:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ 1997 - 1999: Trưởng ban quản lý Công trình.</li> <li>+ 1999 - 2001: Trưởng phòng tổ chức, hành chính xí nghiệp Minh Phú.</li> <li>+ 2002 - nay: Phó tổng Giám đốc phụ trách Nhân sự</li> </ul> </li> <li>- Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Hành chính Nhân sự Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú; Giám đốc Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát, Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang.</li> <li>- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không</li> <li>- Hành vi vi phạm pháp luật: không có</li> </ul> |

| Ban Giám Đốc                                                                                                              |                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Họ và Tên                                                                                                                 | Chức vụ           | Thông tin chi tiết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| <p>Ông Thái Hoàng Hùng<br/>51 Tuổi</p>   | Phó Tổng Giám Đốc | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm sinh: 1964</li> <li>- Nơi sinh: Bạc Liêu</li> <li>- Quốc tịch: Việt Nam</li> <li>- Dân tộc: Kinh</li> <li>- Địa chỉ thường trú: Khu Tập Thể Cty CP tập đoàn thủy sản Minh Phú, Phường 8, TP Cà Mau</li> <li>- Điện thoại liên lạc: 0780.3837804</li> <li>- Trình độ văn hoá: 10/10</li> <li>- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế biến thủy sản</li> <li>- Quá trình công tác: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ 1982 - 1987: Học Đại học Thủy sản ở Nha Trang.</li> <li>+ 1987 - 1991: Phó Giám Đốc Xí nghiệp đông lạnh Bạc Liêu.</li> <li>+ 1992 - 1995: Trưởng phòng Máy công ty XNK Thủy sản Gia Rai Bạc Liêu</li> <li>+ 1995 – 1998: Trưởng phòng Máy Công ty Liên doanh NIGICO</li> <li>+ 1998 –2003 : Trưởng phòng kỹ thuật công ty XNK thủy sản Minh Phú-TNHH</li> <li>+ 2003 - nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP tập đoàn Thủy sản Minh Phú</li> </ul> </li> <li>- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc phụ trách kỹ thuật Công ty Minh Phú</li> <li>- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không có</li> <li>- Hành vi vi phạm pháp luật: không có</li> </ul> |
| <p>Ông Nguyễn Tấn Anh<br/>41 Tuổi</p>  | Phó Tổng Giám Đốc | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm sinh: 09-06-1974</li> <li>- Nơi sinh: Bình Thuận</li> <li>- Quốc tịch: Việt Nam</li> <li>- Dân tộc: Kinh</li> <li>- Địa chỉ thường trú: B1 Khu Tập Thể Cty CP tập đoàn Thủy sản Minh Phú, Phường 8, TP Cà Mau</li> <li>- Điện thoại liên lạc: 0780.3668037</li> <li>- Trình độ văn hoá: 12/12</li> <li>- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế biến thủy sản, Thạc sĩ QTKD</li> <li>- Quá trình công tác: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ 1997-1999: KCS Công ty chế biến Thủy sản Minh Phú</li> <li>+ 2000-2003: Trưởng phòng kinh doanh Minh Phú</li> <li>+ 2003-2006: Giám đốc kinh doanh Minh Phú</li> <li>+ 2006-nay: Phó Tổng Giám đốc Minh Phú</li> </ul> </li> <li>- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh Công ty CP tập đoàn thủy sản Minh Phú.</li> <li>- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không có</li> <li>- Hành vi vi phạm pháp luật: không có</li> </ul>                                                                                                                                                                        |



| Ban Giám Đốc                                                                                                         |                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Họ và Tên                                                                                                            | Chức vụ           | Thông tin chi tiết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| <p>Ông Lê Văn Điệp<br/>42 Tuổi</p>  | Phó Tổng Giám Đốc | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm sinh: 26-12-1972</li> <li>- Nơi sinh: Hải Phòng</li> <li>- Quốc tịch: Việt Nam</li> <li>- Dân tộc: Kinh</li> <li>- Địa chỉ thường trú: 212 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 8, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau</li> <li>- Điện thoại liên lạc: 0780.3581979</li> <li>- Trình độ văn hoá: 12/12</li> <li>- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế</li> <li>- Quá trình công tác:</li> <li>+ 1999-2002 : Phó phòng nghiệp vụ, Xí nghiệp CBTS thủy sản Minh Phú</li> <li>+ 2003- 2006 : Phó giám đốc tài chính Công ty XNK thủy sản Minh Phú</li> <li>+ 2006- 2007 : Thành viên hội đồng quản trị, P.Giám đốc tài chính Công ty CP thủy hải sản Minh Phú.</li> <li>+ 07/05/2007-31/12/2007 : Giám đốc tài chính Công ty CP thủy hải sản Minh Phú.</li> <li>+ 2008- Nay : Phó Tổng Giám đốc kiêm giám đốc tài chính Công ty CP tập đoàn thủy sản Minh Phú</li> <li>- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc tài chính Công ty CP tập đoàn thủy sản Minh Phú.</li> <li>- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Thành viên HĐQT Cty CP thủy sản Minh Phú- Hậu Giang, Phó giám đốc Công ty TNHH CBTS Minh Quý và Công ty TNHH CBTS Minh Phát.</li> <li>- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không có</li> <li>- Hành vi vi phạm pháp luật: không có</li> </ul> |

| Ban Giám Đốc                                                                                                           |                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Họ và Tên                                                                                                              | Chức vụ           | Thông tin chi tiết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| <p>Ông Bùi Anh Dũng<br/>40 Tuổi</p>   | Phó Tổng Giám Đốc | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm sinh: 01-01-1975</li> <li>- Nơi sinh: Nghệ An</li> <li>- Quốc tịch: Việt Nam</li> <li>- Dân tộc: Kinh</li> <li>- Địa chỉ thường trú: D17-5 khu dân cư Long Thịnh, Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ</li> <li>- Điện thoại liên lạc: 0711. 2228788</li> <li>- Trình độ văn hoá: 12/12</li> <li>- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế biến thủy sản</li> <li>- Quá trình công tác: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ 1998-2000: KCS Công ty chế biến Thủy sản Minh Phú;</li> <li>+ 2000-2002: Nhân viên XNK Công ty XNK Thủy sản Minh Phú;</li> <li>+ 2003 – 2006: Phó Giám đốc Kế Hoạch - Thị Trường Công ty CP Thủy hải sản Minh Phú.</li> <li>+ 2007 – 2011: Giám đốc Kế Hoạch - Thị Trường Công ty CP Tập đoàn Thủy sản Minh Phú.</li> </ul> </li> <li>- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám Đốc nhà máy Minh Phú Hậu Giang kiêm Giám đốc Kế Hoạch - Thị Trường Công ty CP Tập đoàn Thủy sản Minh Phú.- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không có</li> <li>- Hành vi vi phạm pháp luật: không có</li> </ul> |
| <p>Ông Lê Ngọc Anh<br/>42 Tuổi</p>  | Phó Tổng Giám Đốc | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm sinh: 20-04-1973</li> <li>- Nơi sinh: Thừa Thiên Huế</li> <li>- Quốc tịch: Việt Nam</li> <li>- Dân tộc: Kinh</li> <li>- Địa chỉ thường trú: A4 Khu Tập thể Công ty CP Tập đoàn Thủy sản Minh Phú, Phường 8, TP Cà Mau</li> <li>- Điện thoại liên lạc: 0780 3839389</li> <li>- Trình độ văn hoá: 12/12</li> <li>- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế biến thủy sản</li> <li>- Quá trình công tác: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ 1997-1999: KCS Công ty chế biến Thủy sản Minh Phú;</li> <li>+ 2000-2003: Trưởng KCS Công ty XNK Thủy sản Minh Phú;</li> <li>+ 2003- Nay: Giám đốc Chất lượng Công ty CP Tập đoàn Thủy sản Minh Phú</li> </ul> </li> <li>- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc phụ trách chất lượng Công ty CP tập đoàn thủy sản Minh Phú.</li> <li>- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không có</li> <li>- Hành vi vi phạm pháp luật: không có</li> </ul>                                                                                                                       |

## *Cơ cấu nhân sự*

| Năm  | Trên đại học | Đại học | Cao đẳng | Trung cấp | Công nhân lành nghề | Tổng cộng     | Lương trung bình/tháng (triệu VND) | Mức tăng lương bình quân |
|------|--------------|---------|----------|-----------|---------------------|---------------|------------------------------------|--------------------------|
| 2006 | -            | 90      | 14       | 43        | 2,116               | <b>2,263</b>  | 1.80                               |                          |
| 2007 | -            | 103     | 19       | 74        | 3,029               | <b>3,225</b>  | 2.06                               | 14%                      |
| 2008 | -            | 110     | 22       | 104       | 3,943               | <b>4,179</b>  | 2.00                               | -3%                      |
| 2009 | 1            | 172     | 23       | 207       | 5,269               | <b>5,672</b>  | 2.50                               | 25%                      |
| 2010 | 3            | 238     | 36       | 218       | 6,412               | <b>6,907</b>  | 2.81                               | 12%                      |
| 2011 | 7            | 435     | 252      | 630       | 10,744              | <b>12,068</b> | 3.59                               | 28%                      |
| 2012 | 5            | 425     | 100      | 477       | 8,919               | <b>9,926</b>  | 3.26                               | -9%                      |
| 2013 | 6            | 401     | 100      | 463       | 8,636               | <b>9,606</b>  | 3.56                               | 9%                       |
| 2014 | 11           | 567     | 385      | 753       | 13,085              | <b>14,801</b> | 5.19                               | 46%                      |

## *Chính sách đối với người lao động*

- Đảm bảo đầy đủ chế độ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo qui định của pháp luật
- Tiền lương của tất cả cán bộ công nhân viên tính theo sản phẩm.
- Tiền thưởng hàng tháng bình bầu xếp loại A, B, C cho từng cán bộ công nhân viên theo tiêu chuẩn công việc hoàn thành xuất sắc và ngày công đầy đủ để xếp hạng thưởng.

## **Tình hình đầu tư**

### *Các khoản đầu tư lớn*

Trong năm Tập đoàn có khoản đầu tư góp vốn vào Công ty :

*Đơn vị đồng*

|                                                                              | <b>2014<br/>VND</b> | <b>2013<br/>VND</b> |
|------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------|
| <b>Công ty liên kết</b>                                                      |                     |                     |
| <b>Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi Trồng Thủy Sản Minh Phú Aquamekong</b> |                     |                     |
| Góp vốn                                                                      | 3.900.000.000       | -                   |

## Tình hình tài chính Tập đoàn

### Tình hình tài chính chung – Báo cáo hợp nhất

| Chỉ tiêu                          | Đơn vị tính | Thực hiện năm 2013 | Thực hiện năm 2014     | % tăng/giảm |
|-----------------------------------|-------------|--------------------|------------------------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản              | Tỷ đồng     | 7,637,543,070,892  | 9,285,488,960,078      | 121.58%     |
| Doanh thu thuần                   | Tỷ đồng     | 11,111,950,055,331 | 15,094,740,952,959     | 135.84%     |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | Tỷ đồng     | 375,906,092,908    | 1,052,709,629,156      | 280.05%     |
| Lợi nhuận khác                    | Tỷ đồng     | (10,150,352,363)   | (5,171,585,019)        | -50.95%     |
| Lợi nhuận trước thuế              | Tỷ đồng     | 365,755,740,545    | 1,047,538,044,137      | 286.40%     |
| Lợi nhuận sau thuế                | Tỷ đồng     | 293,834,489,125    | 921,048,335,474        | 313.46%     |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức        | %           | Không chia cổ tức  | Chưa có số liệu cả năm |             |

### Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu – Báo cáo hợp nhất

| Chỉ tiêu                                            | Đơn vị tính | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------------------------------------|-------------|---------|-----------|
| 1. Khả năng thanh toán                              |             |         |           |
| - Hệ số thanh toán ngắn hạn                         | Lần         | 1.17    | 1.05      |
| - Hệ số thanh toán ngắn nhanh                       | Lần         | 0.49    | 0.61      |
| 2. Cơ cấu vốn                                       |             |         |           |
| - Hệ số Nợ/Tổng tài sản                             | Lần         | 0.75    | 0.74      |
| - Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu                           | Lần         | 3.92    | 3.54      |
| 3. Năng lực hoạt động                               |             |         |           |
| - Vòng quay hàng tồn kho                            | Lần         | 3.78    | 4.24      |
| - Doanh thu thuần/Tổng tài sản                      | Lần         | 1.62    | 1.45      |
| 4. Khả năng sinh lời                                |             |         |           |
| - Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần                | %           | 6.10%   | 2.64%     |
| - Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu                 | %           | 51.5%   | 18.55%    |
| - Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản                   | %           | 9.92%   | 3.85%     |
| - Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | %           | 6.97%   | 3.38%     |

## Cơ cấu cổ phần, cổ đông

### Những thay đổi về vốn cổ đông

Tại ngày 25/03/2014 có 1.483 cổ đông đến ngày 26/03/2015 chốt danh sách là : 958 cổ đông.

### Tổng số cổ phiếu của công ty

- + Cổ phiếu phổ thông: 70.000.000 CP
- + Cổ phiếu ưu đãi : Không

Tổng số trái phiếu đang lưu hành: 500 TP mệnh giá 1 tỷ đồng/ 1 TP

Cổ phiếu quỹ, cổ phiếu dự trữ: 1.537.150

Cổ tức: Chưa có quyết định chia từ Đại hội cổ đông

## ***Cơ cấu cổ đông***

Các dữ liệu thống kê về cổ đông : Tại ngày 15/12/2014

### ***❖ Cổ đông trong nước***

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông trong nước: 61.450.540 cổ phiếu chiếm 87,79%  
Trong đó :
  - + Cổ đông tổ chức : 9.258.754 cổ phiếu chiếm 13,23%
  - + Cổ đông cá nhân : 52.191.786 cổ phiếu chiếm 74,56 %
- Thông tin về các cổ đông lớn :
  - + Có 03 cổ đông là tổ chức nắm giữ 5% cổ phiếu trở lên :
    1. Red River Holding 9,47% Cổ phần
    2. Vietnam Investment Fund 7,39% Cổ phần
    3. Long Phung Invest 5,84% Cổ phần
  - + Có 6 cổ đông nắm giữ 5 % cổ phiếu trở lên là :
    1. Ông Lê Văn Quang 22,80% Cổ phần
    2. Bà Chu Thị Bình 24,96% Cổ phần
    3. Bà Phạm Ngọc Hồng Thu 5,68% Cổ phần
    4. Red River Holding 9,47% Cổ phần
    5. Vietnam Investment Fund 7,39% Cổ phần
    6. Long Phung Invest 5,84% Cổ phần

### ***❖ Cổ đông nước ngoài***

- Tổng số cổ phần của tổ chức và cá nhân nước ngoài nắm giữ : 7.012.310 CP chiếm 10,02%
  - + Cổ đông cá nhân : 137.160 Cổ phần chiếm 0,20%
  - + Cổ đông tổ chức : 6.875.150 Cổ phần chiếm 9,82%
- Thông tin về cổ đông nước ngoài lớn chiếm 5% cổ phần trở lên : có 01 cổ đông
  1. Red River Holding : 6.628.290CP chiếm 9,47% Cổ phần

## ***Giao dịch cổ phiếu quỹ***

Trong năm 2014 Công ty thực hiện 02 lần mua cổ phiếu quỹ

### ***❖ Lần 1 :***

- Số lượng đã thực hiện: **367.880**
- Thời gian thực hiện: từ ngày 07/04/2014 đến ngày 07/05/2014
- Số lượng cổ phiếu quỹ trước khi đăng ký giao dịch: 630.560 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ sau khi giao dịch : 998.440
- Nguồn vốn để mua lại: nguồn thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận để lại theo báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của Công ty kỳ gần nhất.
- Giá giao dịch bình quân: 29.869 đồng/cổ phiếu
- Phương thức giao dịch: Giao dịch khớp lệnh/thỏa thuận.

❖ **Lần 2 :**

- Số lượng đã thực hiện: **538.710**
- Thời gian thực hiện: từ ngày 07/11/2014 đến hết ngày 05/12/2014
- Số lượng cổ phiếu quỹ trước khi đăng ký giao dịch: **998.440** cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ hiện có: **1.537.150**
- Nguồn vốn để mua lại: quỹ đầu tư phát triển, thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận chưa phân phối theo báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của Công ty năm 2013
- Giá giao dịch bình quân: **94.231** đồng/cổ phiếu
- Phương thức giao dịch: Giao dịch khớp lệnh/thỏa thuận

## **BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

### **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

#### *Tổng quan kết quả kinh doanh năm 2014 – Báo cáo hợp nhất*

Thành công nổi bật nhất của Minh Phú trong năm 2014 là vẫn tiếp tục là một trong công ty xuất khẩu tôm hàng đầu của Việt Nam và thế giới, trong bối cảnh nền kinh tế thế giới và trong nước còn nhiều khó khăn và bất ổn, nguồn cung thiếu hụt, giá tôm thế giới tăng, nhưng bằng nội lực của mình Minh Phú vẫn phát triển và tăng trưởng hơn 35,8% về doanh thu và kim ngạch xuất khẩu tăng hơn 40%, lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ gấp gần 2,8 lần năm 2013, trong khi đó có rất nhiều công ty trong ngành lâm vào tình thế khó khăn, đang trong làm ăn thua lỗ và phá sản

Kim ngạch xuất khẩu tôm của Minh Phú chiếm khoảng 18,8% kim ngạch xuất khẩu tôm của Việt Nam.

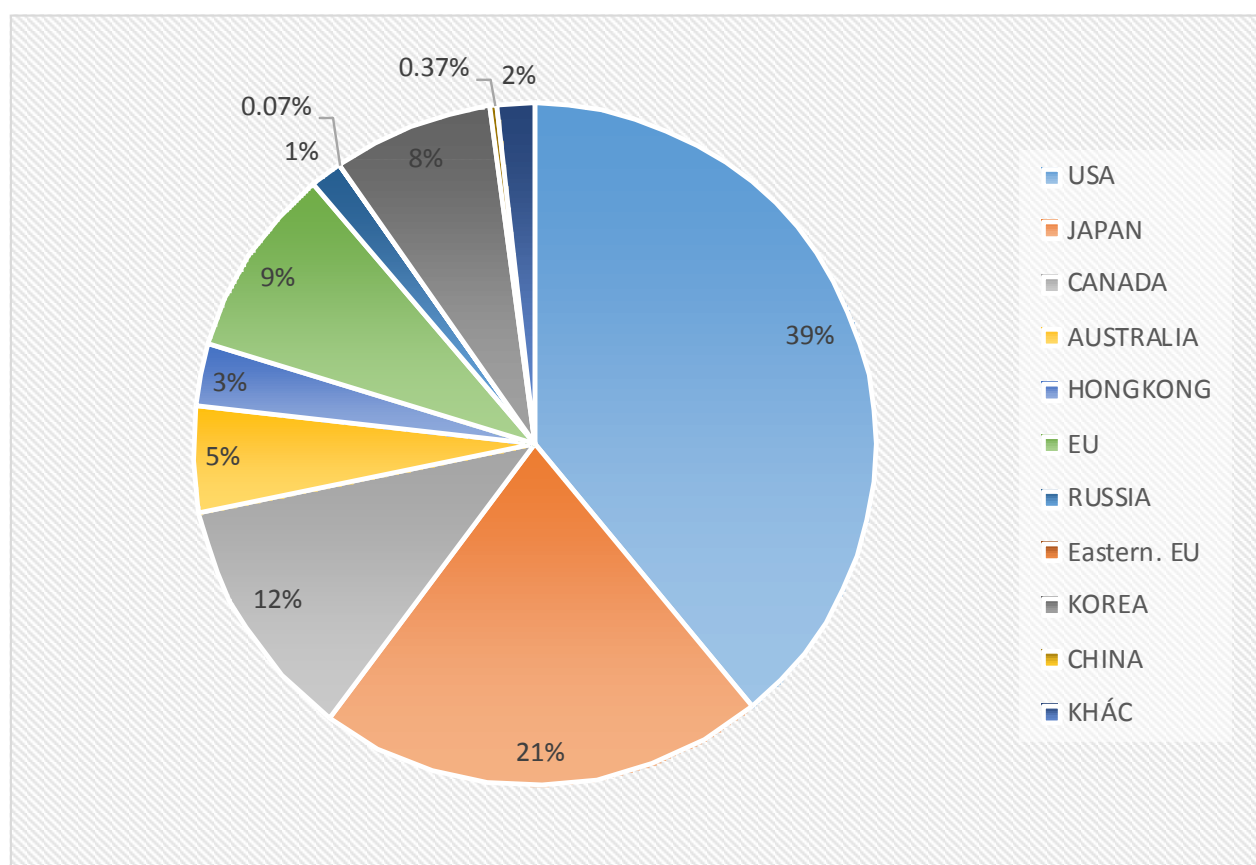
| Chỉ tiêu                                     | Đơn vị tính | Năm 2013  | Thực hiện năm 2014 | Kế hoạch năm 2014 | Tăng trưởng so với năm 2013 | Tăng so sánh với kế hoạch |
|----------------------------------------------|-------------|-----------|--------------------|-------------------|-----------------------------|---------------------------|
| 1- Kim ngạch xuất khẩu                       | Triệu USD   | 519.53    | 729.06             | 550               | 40.33%                      | 32.56%                    |
| 2- Sản lượng sản xuất                        | Tấn         | 37,982.05 | 54,525.25          | 46,750.00         | 43.56%                      | 16.63%                    |
| 3- Tổng doanh thu thuần                      | Tỷ đồng     | 11,111.95 | 15,094.74          | 11,715.00         | 35.84%                      | 28.85%                    |
| 4- Lợi nhuận trước thuế                      | Tỷ đồng     | 365.75    | 1,047.54           | 487.49            | 186.41%                     | 114.88%                   |
| 5- Lợi nhuận sau thuế                        | Tỷ đồng     | 293.83    | 921.05             | 421.74            | 213.46%                     | 118.39%                   |
| 6- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ | Tỷ đồng     | 270.14    | 755.08             | N/A               | 179.51%                     | N/A                       |
| 7- Lãi cơ bản trên / CP                      |             | 3,882.00  | 10,930.00          | N/A               | 181.56%                     | N/A                       |



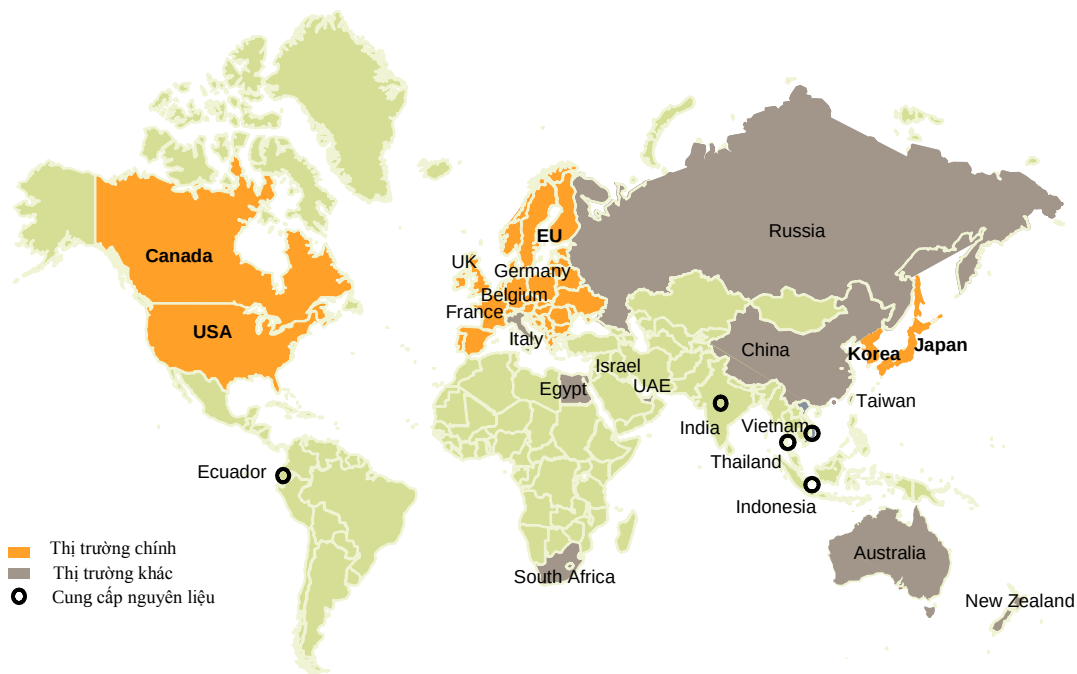
*Kim ngạch xuất khẩu được phân chia theo quốc gia*

| Thị trường       | Năm 2013            |                | Năm 2014            |                |
|------------------|---------------------|----------------|---------------------|----------------|
|                  | Giá trị (triệu USD) | Tỷ lệ          | Giá trị (triệu USD) | Tỷ lệ          |
| USA              | 185.43              | 35.69%         | 284.01              | 38.96%         |
| JAPAN            | 130.29              | 25.08%         | 155.35              | 21.31%         |
| CANADA           | 48.93               | 9.42%          | 83.88               | 11.51%         |
| AUSTRALIA        | 28.63               | 5.51%          | 36.96               | 5.07%          |
| HONGKONG         | 13.59               | 2.62%          | 21.45               | 2.94%          |
| EU               | 38.18               | 7.35%          | 65.94               | 9.04%          |
| RUSSIA           | 3.97                | 0.76%          | 10.63               | 1.46%          |
| Eastern.EU       | 0.39                | 0.08%          | 0.54                | 0.07%          |
| KOREA            | 51.34               | 9.88%          | 55.32               | 7.59%          |
| CHINA            | 4.69                | 0.90%          | 2.68                | 0.37%          |
| Khác             | 14.08               | 2.71%          | 12.3                | 1.69%          |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>519.52</b>       | <b>100.00%</b> | <b>729.06</b>       | <b>100.00%</b> |

*Biểu đồ tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu theo quốc gia*



## Mạng lưới khách hàng



## Những tiến bộ công ty đạt được

- ☐ Hệ thống quản lý chất lượng được công ty áp dụng quản lý theo tiêu chuẩn sau : HACCP, GMP, SSOP, ISO 9001:2000, ISO 22000:2005, BRC, BAP, ACC, Global Gap... và công ty có Eu code DL145 được phép xuất hàng vào thị trường EU, tiêu chuẩn cho phòng kiểm nghiệm ISO 17025
- ☐ Code EU cho nhà máy DL 145, DL 321
- ☐ Đạt giải thưởng hiệu quả Việt Nam năm 2006, 2007, 2008, 2009 và Tốp 10 giải vàng chất lượng thủy sản Việt Nam.
- ☐ Đạt doanh nghiệp xuất khẩu xuất sắc nhiều năm liền 2003, 2004, 2005, 2006, 2007, 2008, 2009 và năm 2010.
- ☐ Đạt giải thưởng quả cầu vàng năm 2007
- ☐ Kim ngạch xuất khẩu thủy sản cao nhất nước.
- ☐ Đạt được chứng chỉ ACC 3 sao “Sản phẩm được phép bán trong các siêu thị tại thị trường Hoa Kỳ” : Sao trại tôm giống, Sao đầm nuôi tôm và Sao nhà máy chế biến do tổ chức: The Accretation Committee of Aquaculture Certification Council, Inc., cấp.
- ☐ Đạt được chứng chỉ Global Gap “Sản phẩm được phép bán trong các siêu thị tại thị trường EU”
- ☐ Đạt được chứng chỉ ASC, MSC trong năm 2014
- ☐ Công ty luôn đặt mục tiêu quản lý chất lượng lên hàng đầu trong toàn bộ cán bộ công nhân viên công ty. Với khẩu hiệu “ Minh Phú luôn luôn lắng nghe, thấu hiểu và thỏa mãn mọi yêu cầu của khách hàng”
- ☐ Năm 2014 được diễn đàn Kinh tế Thế giới ghi nhận là Công ty tăng trưởng nhanh

## Tình hình tài chính

### Tình hình tài sản, nợ

| Tài Sản                         | Tại 01/01/2014           | Tại 31/12/2014           |
|---------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| A- Tài sản ngắn hạn             | 5,896,282,877,679        | 7,592,303,033,585        |
| B- Tài sản dài hạn              | 1,766,050,328,721        | 1,693,185,926,493        |
| <b>Tổng tài sản</b>             | <b>7,662,333,206,400</b> | <b>9,285,488,960,078</b> |
| <b>Nguồn vốn</b>                |                          |                          |
| A- Nợ phải trả                  | 5,641,659,933,624        | 7,010,269,474,196        |
| B- Nguồn vốn chủ sở hữu         | 1,584,345,602,431        | 1,787,021,481,661        |
| C- Lợi ích của cổ đông thiểu số | 436,327,670,345          | 488,198,004,221          |
| <b>Tổng nguồn vốn</b>           | <b>7,662,333,206,400</b> | <b>9,285,488,960,078</b> |

## Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

- ❑ Tăng vốn điều lệ từ 700 tỷ đồng lên 1.000 tỷ đồng.
- ❑ Mở rộng thị trường sang Nga và Trung Quốc, đặc biệt Trung Quốc dự kiến sẽ trở thành một trong những thị trường trọng điểm trong thời gian tới.
- ❑ Đầu tư trung tâm nghiên cứu gia hóa và tuyển chọn tôm sú, thẻ chân trắng (Vanamei) bố mẹ sạch bệnh, có khả năng tăng trưởng nhanh, tỷ lệ sống cao làm giảm giá thành tôm nuôi, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường trong cũng như ngoài nước, tiến tới chủ động được hoàn toàn nguồn tôm bố mẹ có chất lượng cao
- ❑ Đẩy mạnh sản xuất chế phẩm sinh học để phục vụ cho các công ty thành viên nuôi trồng thủy sản và bán cho các hộ nuôi trồng thủy sản.
- ❑ Triển khai mạnh mẽ chuỗi cung ứng tôm bền vững Minh Phú để đủ cung cấp tôm chất lượng cao cho Minh Phú chế biến xuất khẩu
- ❑ Tiếp tục đẩy mạnh sản xuất những mặt hàng giá trị gia tăng như: Tôm Ring, tôm Nobashi, tôm Sushi, tôm tẩm bột, Tôm Tempura , tôm tẩm gia vị ... làm tăng khả năng cạnh tranh khi xuất vào thị trường Mỹ, Nhật Bản , EU và Hàn Quốc.
- ❑ Tăng công suất chế biến thông qua việc đẩy mạnh hoạt động của nhà máy Minh Phú Hậu Giang, xây dựng mới nhà máy chế biến tôm ở Cà Mau và nhà máy chế biến tôm và cá ở Hậu Giang.
- ❑ Tăng thị phần ở các thị trường truyền thống thông qua việc thâm nhập sâu hơn và đa dạng hóa sản phẩm.
- ❑ Thành lập viện nghiên cứu Minh Phú Aqua Mekong: nghiên cứu về giống, công nghệ nuôi, phòng ngừa dịch cũng như chữa bệnh.
- ❑ Thành lập trại sản xuất giống chất lượng cao và sạch bệnh.

- ❑ Thành lập chuỗi cung ứng: cung cấp con giống, cung cấp thức ăn, cung cấp thuốc và chế phẩm vi sinh, cung cấp quy trình nuôi chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật nuôi và thu mua lại sản phẩm với giá cao hơn thị trường từ 10-20%.
- ❑ Thành lập hệ thống phân phối ở thị trường Quốc tế cùng với các cửa hàng thực phẩm sạch, chuỗi nhà hàng thủy sản, chuỗi các nhà hàng thức ăn nhanh thủy sản ở thị trường nội địa cũng như trên quốc tế.
- ❑ Liên doanh với các đối tác trong ngoài nước để xây dựng kho lạnh 50,000 pallets phục vụ cho việc chứa thành phẩm của Tập đoàn và cho các Công ty trong khu vực lặn cận thuê chứa hàng đông lạnh, xây dựng cảng Container.

## Kế hoạch phát triển kinh doanh

### \* Kế hoạch sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2015

|                                 |                             |
|---------------------------------|-----------------------------|
| ▪ Kim ngạch xuất khẩu hợp nhất  | : 895,7 triệu USD           |
| ▪ Sản lượng sản xuất hợp nhất   | : 60.750 tấn tôm thành phẩm |
| ▪ Tổng doanh thu thuần hợp nhất | : 19.333 tỷ đồng            |
| ▪ Lợi nhuận trước thuế hợp nhất | : 1.582 tỷ đồng             |
| ▪ Lợi nhuận sau thuế hợp nhất   | : 1.415 tỷ đồng             |

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2014, mặc dù Tập đoàn triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước còn nhiều khó khăn thách thức; cạnh tranh giữa các đơn vị trong cùng lĩnh vực ngày càng gay gắt; thị trường các khách hàng lớn ngày càng nâng cao tiêu chuẩn sản phẩm, nguyên, nhiên liệu đầu vào cho sản xuất đều tăng, nhưng được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo Tổng Giám Đốc kiêm Chủ Tịch HĐQT, sự đồng hành, chia sẻ của Quý cổ đông, cùng với những giải pháp đúng đắn, sự chỉ đạo quyết liệt của Ban Lãnh đạo và sự đoàn kết quyết tâm vượt qua mọi khó khăn thử thách của Ban Giám Đốc, tập thể CBCNV, Tập đoàn Minh Phú đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch SXKD, lợi nhuận mà ĐHĐCĐ thông qua.

Kết thúc năm 2014, Công ty đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức tất cả các chỉ tiêu kế hoạch như về kim ngạch xuất khẩu vượt 32.56% so với kế hoạch, doanh thu vượt 28.85%, lợi nhuận sau thuế vượt 118.39% so với kế hoạch

## Đánh giá của HĐQT về các hoạt động của Ban Giám Đốc

Đánh giá chung về hoạt động của Ban Giám Đốc trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn :

- ❑ Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc đều có trình độ, năng lực và phẩm chất, được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành các dự án/doanh nghiệp lớn.
- ❑ Tổng giám đốc có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các phó Tổng giám đốc và định kỳ hàng tuần/tháng tổ chức họp giao ban để đánh giá kết quả thực hiện công việc tuần và giao kế hoạch công việc kỳ tới.
- ❑ Ban Tổng giám đốc đã triển khai hoạt động SXKD của đơn vị phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng Điều lệ doanh nghiệp, quy định của pháp luật;
- ❑ Ban Điều hành và tập thể CBCNV trong Công ty đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ SXKD năm 2014; Ban Điều hành cũng thường xuyên đưa ra được những đề xuất, kiến nghị kịp thời, giải pháp phù hợp để tham mưu cho Hội đồng quản trị nhằm tăng cường hiệu quả và chất lượng công việc, tiết kiệm tối đa các khoản chi phí.
- ❑ Hội đồng quản trị đánh giá cao về năng lực hoạt động của Ban Điều hành Công ty. Ban Điều hành là một tập thể đoàn kết, năng động, nghiêm túc trong công việc, chủ động, sáng tạo trong quản lý điều hành, luôn bám sát thực tế, chấp hành tốt các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty, thực hiện tốt Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, do đó, đã điều hành Công ty vượt qua nhiều khó khăn, thách thức để hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao.
- ❑ Năm 2014 vừa qua, Ban Giám Đốc Tập đoàn đã đề xuất và thực hiện được nhiều biện pháp, áp dụng hệ thống quản lý ERP SAP trong quản lý thu mua, sản xuất, vận hành kho, bán hàng, kế toán tài chính, báo cáo quản trị để làm tăng doanh thu, tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty, làm tăng tính minh bạch và độ tin cậy của báo cáo tài chính.

## Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- ❑ Tiếp tục chỉ đạo để duy trì Minh Phú tiếp tục phấn đấu vẫn là công ty xuất khẩu thủy sản hàng đầu của Việt Nam và của thế giới
- ❑ Chỉ đạo giữ vững thị trường xuất khẩu hiện có, không ngừng mở rộng thị trường xuất khẩu mới và đặc biệt xây dựng thương hiệu Minh phú thành thương hiệu mạnh.
- ❑ Chỉ đạo xây dựng “Chuỗi giá trị tôm, cá toàn cầu Minh Phú” từ nay đến 2025

- ❑ Chỉ đạo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 đảm bảo an toàn, hiệu quả và tiết kiệm.
- ❑ Chỉ đạo công tác quản trị, quản lý và vận hành các Nhà máy sản xuất an toàn, ổn định, đảm bảo chất lượng sản phẩm và hiệu quả.
- ❑ Chỉ đạo công tác kinh doanh sản phẩm xuất khẩu và nội địa đảm bảo hiệu quả, đặc biệt ngoài các chỉ tiêu kinh doanh sản phẩm Minh Phú cần chú trọng phát triển thương hiệu Minh Phú ra toàn cầu đến các đối tượng khách hàng trong và ngoài nước
- ❑ Chỉ đạo triển khai quyết liệt và có hiệu quả các nghị quyết của HĐQT về: công tác cán bộ, giám sát hiệu quả đầu tư, văn hóa doanh nghiệp, kiểm soát nội bộ, sản xuất, quản lý điều hành kinh doanh phân bón, quản lý chi phí, quản trị vật tư hàng tồn kho, tổ chức nhân sự và đào tạo, tài chính kế toán và kiểm tra giám sát, thực hành tiết kiệm chống lãng phí...
- ❑ Thực hiện công tác nghiên cứu phát triển, sáng kiến cải tiến hợp lý hoá sản xuất kinh doanh nhằm đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, tiết kiệm chi phí và nâng cao năng lực cạnh tranh

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

### Hội Đồng Quản Trị

#### *Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị*

#### **Hội đồng quản trị : Gồm 5 Thành viên**

|                            |                              |
|----------------------------|------------------------------|
| 1- Ông Lê Văn Quang        | Chủ tịch hội đồng quản trị   |
| 2- Bà Chu Thị Bình         | Thành viên hội đồng quản trị |
| 3- Ông Chu Văn An          | Thành viên hội đồng quản trị |
| 4- Ông Jean-Eric Jacquemin | Thành viên hội đồng quản trị |
| 5- Bà Đinh Ánh Tuyết       | Thành viên hội đồng quản trị |

| Hội Đồng Quản Trị |        |                          |
|-------------------|--------|--------------------------|
| Họ và Tên         | Vị Trí | Thông tin chi tiết       |
| Ông Lê Văn Quang  |        | (Xem phần Ban Giám Đốc)  |
| Bà Chu Thị Bình   |        | (Xem phần Ban Giám Đốc)  |
| Ông Chu Văn An    |        | ((Xem phần Ban Giám Đốc) |



|                                                                                                                                   |                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>Bà Đinh Ánh<br/>Tuyết<br/>42 Tuổi</p>         | <p>Thành viên<br/>HĐQT</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm sinh: 22/09/1973</li> <li>- Nơi sinh: Hà Nội</li> <li>- Quốc tịch: Việt Nam</li> <li>- Dân tộc: Kinh</li> <li>- Quê quán: Ninh Bình- Việt Nam</li> <li>- Địa chỉ thường trú: Số 2, ngõ 23 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội</li> <li>- Điện thoại liên lạc: 0903.282.896</li> <li>- Trình độ văn hoá: 12/12</li> <li>- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật ( Đại học Luật Hà Nội), Thạc sĩ luật ( Đại học tổng hợp Pittsburg, Pennsylvania, USA), Thạc sĩ quản trị ( Đại học Solvay - Đại học tổng hợp tư do Bruxel, Bỉ- Đại học kinh tế quốc dân Hà Nội )</li> <li>- Quá trình công tác: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ 1996- 2001: Luật sư, Hãng luật Vovan &amp; Associates, Pháp</li> <li>+ 2004-2007 : Luật sư cao cấp, Hãng luật Vilaf Hồng Đức</li> <li>+2007- Nay : Luật sư trưởng, Văn phòng luật sư IDVN</li> </ul> </li> <li>- Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT Công ty Minh Phú</li> <li>- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không</li> <li>- Hành vi vi phạm pháp luật: không có</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| <p>Ông Jean-Eric<br/>Jacquemin<br/>54 Tuổi</p>  | <p>Thành viên<br/>HĐQT</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm sinh: 11/05/1961</li> <li>- Nơi sinh: Port- Gentil</li> <li>- Quốc tịch: Pháp</li> <li>- Địa chỉ thường trú: 601I Xa lộ Hà Nội, An Phú, An Khánh, Quận 2, HCMC, Việt Nam</li> <li>- Điện thoại liên lạc: 08 39322318</li> <li>- Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh Đại Học Western New England, Springfield, Massachusetts, USA (1983)</li> <li>- Quá trình công tác: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trước năm 1996 : 4 năm kinh nghiệm trong việc tái cơ cấu các doanh nghiệp lỗi ở Mỹ, 8 năm làm việc với tập đoàn PPR và 2 năm ở Việt Nam.</li> <li>+ 1996 – 2000: Làm việc cho quỹ đầu tư Lazard về các dự án liên quan đến lĩnh vực thực phẩm, sau đó chịu trách nhiệm thanh lý tài sản của quỹ này.</li> <li>+ 2000-2002: Chuyên viên tư vấn trong Bộ Phận Tái Cấu Trúc Các Doanh Nghiệp Nhà Nước tại Ernst &amp; Young, tư vấn cho SCERD, Bộ Nông Nghiệp, Bộ Công Thương và Bộ Xây Dựng trong việc cổ phần hóa hơn 30 doanh nghiệp nhà nước.</li> <li>+ Từ năm 2006: Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị Temasia Capital Limited, một công ty đầu tư với tổng tài sản US\$30m</li> <li>+ Từ năm 2007: Giám Đốc của quỹ đầu tư Red River Holding.</li> <li>+ Từ năm 2008: Giám Đốc Điều Hành của công ty quản lý quỹ Jade River Management.</li> </ul> </li> <li>- Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng Quản trị Cty cổ phần tập</li> </ul> |
|                                                                                                                                   |                            | <p>đoàn thủy sản Minh Phú, Giám Đốc Điều Hành của công ty quản lý quỹ Jade River Management, Chủ Tịch và CEO của Red River Holding</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không</li> <li>- Hành vi vi phạm pháp luật: không có</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |

## ***Hoạt động Hội đồng quản trị năm 2014***

### **❖ Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:**

| STT | Thành viên HĐQT         | Chức vụ    | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ | Lý do không tham dự |
|-----|-------------------------|------------|---------------------|-------|---------------------|
| 1   | Ông Lê Văn Quang        | Chủ tịch   | 4                   | 100%  |                     |
| 2   | Ông Chu Văn An          | Thành viên | 4                   | 100%  |                     |
| 3   | Bà Chu Thị Bình         | Thành viên | 4                   | 100%  |                     |
| 4   | Bà Đinh Ánh Tuyết       | Thành viên | 4                   | 100%  |                     |
| 5   | Ông Jean-Eric Jacquemin | Thành viên | 4                   | 100%  |                     |

### **❖ Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Giám đốc (Tổng Giám đốc):**

Giám sát, tư vấn và đưa ra các giải pháp, chiến lược để việc kinh doanh trong năm đạt hiệu quả, không đi chệch mục tiêu, kế hoạch kinh doanh của công ty.

### **❖ Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:**

Thu thập thông tin, báo cáo, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh cho Hội đồng quản trị. Nghiên cứu đề xuất các giải pháp khả thi, tư vấn pháp lý.

### **❖ Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo năm 2014):**

| STT | Số nghị quyết             | Ngày       | Nội dung                                                                                |
|-----|---------------------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|
| 01  | Số: 01/HĐQT.MPC.14        | 20/02/2014 | <i>Phương án mua cổ phiếu quỹ</i>                                                       |
| 02  | Số 02/QĐ – MINH PHU       | 06/03/2014 | <i>Đầu tư vào Công ty TNHH Dịch vụ kỹ thuật nuôi trồng thủy sản Minh Phú Aquamekong</i> |
| 03  | Số: 03/BB.HĐQT.2014       | 08/03/2014 | <i>Dự kiến kế hoạch kinh doanh 2014 và nội dung họp ĐHĐCĐ thường niên 2014</i>          |
| 04  | Số:03/HĐQT.MPC.14         | 26/06/2014 | <i>Thành lập Công ty TNHH MTV Chuối cung ứng Thủy sản Minh Phú</i>                      |
| 05  | Số 05<br>QĐ/HĐQT.MPC.2014 | 26/07/2014 | <i>Triệu tập ĐHĐCĐ bất thường</i>                                                       |
| 06  | Số: 07.QĐ.HĐQT.14         | 24/09/2014 | <i>Triển khai phương án mua cổ phiếu quỹ</i>                                            |
| 07  | Số:08<br>QĐ/HĐQT.MPC.14   | 03/11/2014 | <i>Giải thể công ty con Cty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú Hoà Điền</i>          |

## Ban Kiểm Soát

### Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

#### Ban kiểm soát : Gồm 3 thành viên

- |                         |                          |
|-------------------------|--------------------------|
| 1- Ông Phan Văn Dũng    | Trưởng ban kiểm soát     |
| 2- Bà Mai Thị Hồng Minh | Thành viên ban kiểm soát |
| 3- Ông Nguyễn Xuân Toán | Thành viên ban kiểm soát |

| Ban Kiểm Soát                                                                                                                                |            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Họ và Tên                                                                                                                                    | Chức vụ    | Thông tin chi tiết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| <div>Ông Phan Văn Dũng</div> <div>55 Tuổi</div> <div></div> | Trưởng Ban | <div><ul style="list-style-type: none"><li>- Năm sinh: 26/10/1960</li><li>- Nơi sinh: Tiền Giang</li><li>- Quốc tịch: Việt Nam</li><li>- Dân tộc: Kinh</li><li>- Quê quán: Tiền Giang- Việt Nam</li><li>- Địa chỉ thường trú: 323-325 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, TP.HCM</li><li>- Điện thoại liên lạc: 0913.911.525</li><li>- Trình độ văn hoá: 12/12</li><li>- Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Kinh tế- Kiểm toán viên công chứng</li><li>- Quá trình công tác:<ul style="list-style-type: none"><li>+ 1983-1991: Giảng viên, Trường đại học kinh tế TP.HCM, Kiểm chuyên viên kế toán Cty Imexco</li><li>+ 1992-1997 : Kế toán trưởng Cty đầu tư và phát triển khu chế xuất Sài Gòn</li><li>+ 1997-2004 : Phó giám đốc Cty kiểm toán AFC Sài Gòn, Giám đốc chi nhánh AFC Cần Thơ</li><li>+ 2004-2006 : Giám đốc điều hành Cty hợp danh kiểm toán và tư vấn kế toán SGN.</li><li>+ 2006- Nay : Giám đốc Cty TNHH kiểm toán và tư vấn Phan Dũng- PDAC, Giảng viên đại học quốc gia TP.HCM, Đại học dân lập Bình Dương.</li></ul></li></ul></div> <div><ul style="list-style-type: none"><li>- Chức vụ hiện tại : Trưởng ban kiểm soát Cty Minh Phú</li><li>- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không</li><li>- Hành vi vi phạm pháp luật: không có</li></ul></div> |

|                                                                                                                             |                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>Bà Mai Thị Hoàng Minh<br/>50 Tuổi</p>   | <p>Thành viên</p>                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm sinh: 09/09/1965</li> <li>- Nơi sinh: Hà Nội</li> <li>- Quốc tịch: Việt Nam</li> <li>- Dân tộc: Kinh</li> <li>- Quê quán: Hà Nội - Việt Nam</li> <li>- Địa chỉ thường trú: 103/35 Trần Huy Liệu, Quận Phú Nhuận, TP.HCM</li> <li>- Điện thoại liên lạc: 08.8531533</li> <li>- Trình độ văn hoá: 10/10</li> <li>- Trình độ chuyên môn: PGS Tiến sĩ kinh tế.</li> <li>- Quá trình công tác: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ 1987: Tốt nghiệp Đại học kinh tế, chuyên viên kiểm tra, kiểm soát các thông tin kinh tế thuộc Trường đại học kinh tế Praha, Tiệp Khắc.</li> <li>+ 1989 : Giảng viên Trường đại học tài chính kế toán TP.HCM, nay là trường Đại học kinh tế TP.HCM.</li> <li>+ 2001 : Bảo vệ luận án tiến sĩ Trường đại học kinh tế TP.HCM</li> </ul> </li> <li>- Chức vụ hiện tại: Thành viên ban kiểm soát Cty Minh Phú, Giảng viên Trường đại học kinh tế TP.HCM</li> <li>- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không</li> <li>- Hành vi vi phạm pháp luật: không có</li> </ul> |
| <p>Ông Nguyễn Xuân Toán<br/>32 Tuổi</p>  | <p>Thành viên<br/>(Tham gia từ 14/12/2012)</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm sinh: 20/01/1983</li> <li>- Nơi sinh: Hải Dương</li> <li>- Quốc tịch: Việt Nam</li> <li>- Dân tộc: Kinh</li> <li>- Quê quán: Kinh Môn, Hải Dương Minh Hải</li> <li>- Địa chỉ thường trú: Duy Tân, Kinh Môn, Hải Dương</li> <li>- Điện thoại liên lạc: 08 3930.9631</li> <li>- Trình độ văn hoá: 12/12</li> <li>- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Chế Biến Thủy Sản (Đại học Thủy sản Nha Trang), Cử nhân Tài Chính – Ngân hàng (Đại học Kinh tế Luật – ĐHQG TP.HCM)</li> <li>- Quá trình công tác: <ul style="list-style-type: none"> <li>3/2006 – 3/2007: KCS tại xưởng Nobashi, Công ty CP Thủy hải sản Minh Phú.</li> <li>3/2007- 2012: Thư ký Hội đồng quản trị Tập đoàn Thủy sản Minh Phú, phụ trách công bố thông tin</li> </ul> </li> <li>- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không</li> <li>- Hành vi vi phạm pháp luật: không có</li> </ul>                                                                                                                                                    |

### ***Hoạt động của ban kiểm soát***

Thường xuyên kiểm tra kiểm soát toàn diện trên tất cả các mặt như : Chính sách tiền lương, tiền thưởng, tính chấp hành chính sách chế độ về quản lý tài chính , chế độ kế toán nhà nước ban hành. Thực hiện việc đầu tư, kiểm tra việc thực hiện quyền lợi của nhà đầu tư, kiểm soát việc thực hiện các quy chế của công ty.

### ***Kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị của công ty***

Từng bước hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ của công ty, giảm thiểu chi phí và định mức tiêu hao nguyên liệu để giảm giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh làm tăng tính cạnh tranh trên thị trường.

## **Các giao dịch, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát**

### ***Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2014***

| STT | Nội dung          | Số tiền              |
|-----|-------------------|----------------------|
| 1   | Hội đồng quản trị | 900.000.000          |
| 2   | Ban kiểm soát     | 288.000.000          |
|     | <b>Tổng cộng</b>  | <b>1.188.000.000</b> |

### ***Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ : không có***

### ***Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT và BKS***

| STT | Họ và tên                                             | Quan hệ | Ngày 01/01/2014 |       | Ngày 31/12/2014 |       | Thay đổi( +/-) |   |
|-----|-------------------------------------------------------|---------|-----------------|-------|-----------------|-------|----------------|---|
|     |                                                       |         | SL              | %     | SL              | %     | SL             | % |
| 1   | Lê Văn Quang- Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc        |         | 15.961.000      | 22,80 | 15.961.000      | 22,80 | 0              | 0 |
|     | Chu Thị Bình – Thành viên HĐQT kiêm phó tổng giám đốc | Vợ      | 17.475.010      | 24,96 | 17.475.010      | 24,96 | 0              | 0 |
|     | Lê Thị Diệu Minh                                      | Con     | 3.155.000       | 4,51  | 3.155.000       | 4,51  | 0              | 0 |
|     | Lê Văn Điệp – Phó tổng giám đốc                       | Em ruột | 1.965.445       | 2,81  | 1.965.445       | 2,81  | 0              | 0 |

|   |                                                              |    |           |       |           |       |   |   |
|---|--------------------------------------------------------------|----|-----------|-------|-----------|-------|---|---|
| 2 | Chu Văn An –<br>Thành viên HĐQT<br>kiêm phó tổng giám<br>đốc |    | 1.109.400 | 1,58  | 1.109.400 | 1,58  | 0 | 0 |
|   | Nguyễn T. Kim<br>Trọng                                       | Vợ | 1.166     | 0,002 | 1.166     | 0,002 | 0 | 0 |
| 3 | Đình Anh Tuyết-<br>Thành viên HĐQT                           |    | 5.000     | 0,007 | 5.000     | 0,007 | 0 | 0 |
| 4 | Jean-Eric Jacquemin<br>- Thành viên HĐQT                     | -  | -         | --    | -         | --    | - | - |
| 5 | Lưu Minh Trung –<br>Kế toán trưởng                           |    | -         | -     | -         | -     | - | - |
| 6 | Phan Văn Dũng-<br>Trưởng ban kiểm<br>soát                    |    | 3.110     | 0,004 | 3.110     | 0,004 | 0 | 0 |
| 7 | Mai Thị Hoàng<br>Mình- Thành viên<br>ban kiểm soát           |    | 3.000     | 0,004 | 3.000     | 0,004 | 0 | 0 |
| 8 | Nguyễn Xuân Toán-<br>Thành viên BKS                          |    | -         | -     | -         | -     | - | - |

## Thông tin cổ đông

Các dữ liệu thống kê về cổ đông : Tại ngày 17/12/2013

### Cổ đông trong nước

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông trong nước: 61.922.990 cổ phiếu chiếm 88,46%  
Trong đó :
  - + Cổ đông tổ chức : 9.718.684 cổ phiếu chiếm 15,69%
  - + Cổ đông cá nhân : 52.204.306 cổ phiếu chiếm 84,31 %
- Thông tin về các cổ đông lớn :
  - + Có 03 cổ đông là tổ chức nắm giữ 5% cổ phiếu trở lên :
    - 1. Red River Holding 9,47% Cổ phần
    - 2. Vietnam Investment Fund 7,13% Cổ phần
    - 3. Long Phung Invest 5,84% Cổ phần
  - + Có 7 cổ đông nắm giữ 5 % cổ phiếu trở lên là :
    - 1. Ông Lê Văn Quang 22,80% Cổ phần
    - 2. Bà Chu Thị Bình 24,96% Cổ phần
    - 3. Bà Phạm Ngọc Hồng Thu 5,68% Cổ phần
    - 4. Red River Holding 9,47% Cổ phần
    - 5. Vietnam Investment Fund 7,13% Cổ phần



6. Long Phung Invest

5,84% Cổ phần

***Cổ đông nước ngoài***

- Tổng số cổ phần của tổ chức và cá nhân nước ngoài nắm giữ : 8.077.010 CP chiếm 11,54%
  - + Cổ đông cá nhân : 206.410 Cổ phần chiếm 0,29%
  - + Cổ đông tổ chức : 7.870.600 Cổ phần chiếm 11,24%
- Thông tin về cổ đông nước ngoài lớn chiếm 5% cổ phần trở lên : có 01 cổ đông
  1. Red River Holding : 6.628.290CP chiếm 9,47% Cổ phần

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính năm 2014 đã được Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán theo đúng quy định của pháp luật về kế toán. Công ty TNHH KPMG Việt Nam là công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014 cho công ty.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

|                           |                               |                           |
|---------------------------|-------------------------------|---------------------------|
| <b>Giấy Chứng nhận</b>    | 6103000072                    | ngày 12 tháng 5 năm 2006  |
| <b>Đăng kí Kinh doanh</b> | 6103000072 (điều chỉnh lần 1) | ngày 25 tháng 5 năm 2007  |
|                           | 6103000072 (điều chỉnh lần 2) | ngày 12 tháng 11 năm 2007 |
|                           | 2000393273                    | ngày 23 tháng 6 năm 2010  |
|                           | 2000393273 (điều chỉnh lần 2) | ngày 15 tháng 10 năm 2014 |

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty và các lần điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

|                          |                         |              |
|--------------------------|-------------------------|--------------|
| <b>Hội đồng Quản trị</b> | Ông Lê Văn Quang        | Chủ tịch     |
|                          | Bà Chu Thị Bình         | Phó Chủ tịch |
|                          | Ông Chu Văn An          | Thành viên   |
|                          | Bà Đinh Ánh Tuyết       | Thành viên   |
|                          | Ông Jean-Eric Jacquemin | Thành viên   |

|                          |                     |                              |
|--------------------------|---------------------|------------------------------|
| <b>Ban Tổng Giám đốc</b> | Ông Lê Văn Quang    | Tổng Giám đốc                |
|                          | Bà Chu Thị Bình     | Phó Tổng Giám đốc            |
|                          | Ông Chu Văn An      | Phó Tổng Giám đốc            |
|                          | Ông Thái Hoàng Hùng | Phó Tổng Giám đốc            |
|                          | Ông Nguyễn Tân Anh  | Phó Tổng Giám đốc            |
|                          | Ông Lê Văn Điệp     | Phó Tổng Giám đốc            |
|                          | Ông Bùi Anh Dũng    | Phó Tổng Giám đốc            |
|                          | Ông Lê Ngọc Anh     | Phó Tổng Giám đốc            |
|                          | Bà Lê Thị Dịu Minh  | Phó Tổng Giám đốc            |
|                          |                     | (từ ngày 4 tháng 3 năm 2015) |

|                      |                       |            |
|----------------------|-----------------------|------------|
| <b>Ban kiểm soát</b> | Ông Phan Văn Dũng     | Trưởng ban |
|                      | Ông Nguyễn Xuân Toán  | Thành viên |
|                      | Bà Mai Thị Hoàng Minh | Thành viên |

|                       |                                                                       |
|-----------------------|-----------------------------------------------------------------------|
| <b>Trụ sở đăng ký</b> | Khu Công nghiệp Phường 8<br>Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau<br>Việt Nam |
|-----------------------|-----------------------------------------------------------------------|

|                          |                               |
|--------------------------|-------------------------------|
| <b>Công ty kiểm toán</b> | Công ty TNHH KPMG<br>Việt Nam |
|--------------------------|-------------------------------|

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất trình bày từ trang 5 đến trang 65 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

*(Đã ký)*  
Lê Văn Quang  
Tổng Giám đốc

Thành phố Cà Mau, ngày 20 tháng 3 năm 2015

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Nhà đầu tư**

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 20 tháng 3 năm 2015, được trình bày từ trang 5 đến trang 65.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## **Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh**

Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230

Báo cáo kiểm toán số: 13-01-120

*(Đã ký)*

---

Lâm Thị Ngọc Hào  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0866-2013-007-1  
*Phó Tổng Giám đốc*

*(Đã ký)*

---

Hà Vũ Định  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0414-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2015

|                                                                       | <b>Mã<br/>số</b> | <b>Thuyết<br/>minh</b> | <b>31/12/2014<br/>VND</b> | <b>31/12/2013<br/>VND</b> |
|-----------------------------------------------------------------------|------------------|------------------------|---------------------------|---------------------------|
| <b>TÀI SẢN</b>                                                        |                  |                        |                           |                           |
| <b>Tài sản ngắn hạn</b><br><b>(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b> | <b>100</b>       |                        | <b>7.592.303.033.585</b>  | <b>5.871.492.742.171</b>  |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>                             | <b>110</b>       | <b>5</b>               | <b>82.925.910.682</b>     | <b>2.000.246.094.247</b>  |
| Tiền                                                                  | 111              |                        | 39.925.910.682            | 58.852.319.487            |
| Các khoản tương đương tiền                                            | 112              |                        | 43.000.000.000            | 1.941.393.774.760         |
| <b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                            | <b>120</b>       | <b>6</b>               | <b>1.702.410.149.436</b>  | <b>150.798.172.049</b>    |
| Các khoản đầu tư ngắn hạn                                             | 121              |                        | 1.710.788.609.436         | 159.502.772.049           |
| Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn                           | 129              |                        | (8.378.460.000)           | (8.704.600.000)           |
| <b>Các khoản phải thu</b>                                             | <b>130</b>       | <b>7</b>               | <b>1.269.645.220.566</b>  | <b>989.180.822.486</b>    |
| Phải thu khách hàng                                                   | 131              |                        | 1.157.189.525.329         | 918.956.697.117           |
| Trả trước cho người bán                                               | 132              |                        | 40.563.587.942            | 33.241.562.032            |
| Các khoản phải thu khác                                               | 135              |                        | 73.855.646.832            | 41.892.458.223            |
| Dự phòng phải thu khó đòi                                             | 139              |                        | (1.963.539.537)           | (4.909.894.886)           |
| <b>Hàng tồn kho</b>                                                   | <b>140</b>       | <b>8</b>               | <b>4.451.447.537.775</b>  | <b>2.464.315.121.644</b>  |
| Hàng tồn kho                                                          | 141              |                        | 4.484.572.057.212         | 2.491.281.852.992         |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                                        | 149              |                        | (33.124.519.437)          | (73.176.471.780)          |
| <b>Tài sản ngắn hạn khác</b>                                          | <b>150</b>       |                        | <b>85.874.215.126</b>     | <b>266.952.531.745</b>    |
| Chi phí trả trước ngắn hạn                                            | 151              |                        | 2.495.482.582             | 1.059.123.928             |
| Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ                                   | 152              |                        | 60.977.287.270            | 206.639.654.930           |
| Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước                                      | 154              | 9                      | 17.173.205.504            | 4.372.613.224             |
| Tài sản ngắn hạn khác                                                 | 158              | 10                     | 5.228.239.770             | 54.881.139.663            |



|                                                                      | <b>Mã<br/>số</b> | <b>Thuyết<br/>minh</b> | <b>31/12/2014<br/>VND</b> | <b>31/12/2013<br/>VND</b> |
|----------------------------------------------------------------------|------------------|------------------------|---------------------------|---------------------------|
| <b>Tài sản dài hạn</b><br><b>(200 = 210 + 220 + 250 + 260 + 269)</b> | <b>200</b>       |                        | <b>1.693.185.926.493</b>  | <b>1.766.050.328.721</b>  |
| <b>Các khoản phải thu dài hạn</b>                                    | <b>210</b>       | <b>11</b>              | <b>-</b>                  | <b>75.821.969.160</b>     |
| <b>Tài sản cố định</b>                                               | <b>220</b>       |                        | <b>1.550.127.897.392</b>  | <b>1.558.974.233.263</b>  |
| Tài sản cố định hữu hình                                             | 221              | 12                     | 1.165.597.485.579         | 1.191.585.752.778         |
| <i>Nguyên giá</i>                                                    | 222              |                        | 1.835.169.365.722         | 1.714.268.447.115         |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                                        | 223              |                        | (669.571.880.143)         | (522.682.694.337)         |
| Tài sản cố định vô hình                                              | 227              | 13                     | 134.504.478.143           | 136.657.557.882           |
| <i>Nguyên giá</i>                                                    | 228              |                        | 144.429.647.061           | 143.799.476.671           |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                                        | 229              |                        | (9.925.168.918)           | (7.141.918.789)           |
| Xây dựng cơ bản dở dang                                              | 230              | 14                     | 250.025.933.670           | 230.730.922.603           |
| <b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>                                      | <b>250</b>       | <b>15</b>              | <b>13.080.000.000</b>     | <b>9.180.000.000</b>      |
| Đầu tư vào công ty liên kết                                          | 252              |                        | 6.080.000.000             | 2.180.000.000             |
| Đầu tư dài hạn khác                                                  | 258              |                        | 7.000.000.000             | 7.000.000.000             |
| <b>Tài sản dài hạn khác</b>                                          | <b>260</b>       |                        | <b>119.424.302.315</b>    | <b>108.431.503.812</b>    |
| Chi phí trả trước dài hạn                                            | 261              | 16                     | 98.226.128.809            | 96.524.729.137            |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại                                       | 262              | 33                     | 21.198.173.506            | 11.906.774.675            |
| <b>Lợi thế thương mại</b>                                            | <b>269</b>       | <b>17</b>              | <b>10.553.726.786</b>     | <b>13.642.622.486</b>     |
| <b>TỔNG TÀI SẢN</b><br><b>(270 = 100 + 200)</b>                      | <b>270</b>       |                        | <b>9.285.488.960.078</b>  | <b>7.637.543.070.892</b>  |

|                                                   | <b>Mã số</b> | <b>Thuyết minh</b> | <b>31/12/2014<br/>VND</b> | <b>31/12/2013<br/>VND</b> |
|---------------------------------------------------|--------------|--------------------|---------------------------|---------------------------|
| <b>NGUỒN VỐN</b>                                  |              |                    |                           |                           |
| <b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>              | <b>300</b>   |                    | <b>7.010.269.474.196</b>  | <b>5.616.869.798.116</b>  |
| <b>Nợ ngắn hạn</b>                                | <b>310</b>   |                    | <b>6.461.609.164.464</b>  | <b>5.591.441.153.241</b>  |
| Vay ngắn hạn                                      | 311          | 18                 | 5.929.425.299.941         | 4.715.626.675.338         |
| Phải trả người bán                                | 312          | 19                 | 132.370.318.344           | 532.434.499.874           |
| Người mua trả tiền trước                          | 313          |                    | 10.324.243.728            | 16.797.187.237            |
| Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước                  | 314          | 0                  | 25.404.502.169            | 16.889.617.525            |
| Phải trả người lao động                           | 315          |                    | 122.082.636.088           | 108.358.151.736           |
| Chi phí phải trả                                  | 316          | 21                 | 148.866.371.362           | 103.767.152.783           |
| Các khoản phải trả khác                           | 319          | 22                 | 23.840.648.743            | 22.991.839.708            |
| Quỹ khen thưởng và phúc lợi                       | 323          | 23                 | 69.295.144.089            | 74.576.029.040            |
| <b>Nợ dài hạn</b>                                 | <b>330</b>   |                    | <b>548.660.309.732</b>    | <b>25.428.644.875</b>     |
| Vay dài hạn                                       | 334          | 24                 | 500.000.000.000           | -                         |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                   | 335          | 33                 | 45.606.014.928            | 22.068.981.770            |
| Dự phòng trợ cấp thôi việc                        | 336          | 25                 | 3.054.294.804             | 3.359.663.105             |
| <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>                 | <b>400</b>   |                    | <b>1.787.021.481.661</b>  | <b>1.584.345.602.431</b>  |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b>                             | <b>410</b>   | <b>26</b>          | <b>1.787.021.481.661</b>  | <b>1.584.345.602.431</b>  |
| Vốn cổ phần                                       | 411          | 27                 | 700.000.000.000           | 700.000.000.000           |
| Thặng dư vốn cổ phần                              | 412          |                    | 177.876.869.236           | 177.876.869.236           |
| Vốn khác                                          | 413          |                    | 79.806.684.935            | 79.806.684.935            |
| Cổ phiếu quỹ                                      | 414          | 27                 | (80.162.090.861)          | (18.537.405.861)          |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái                        | 416          |                    | 98.893.770.789            | 93.674.067.633            |
| Quỹ đầu tư phát triển                             | 417          |                    | 24.382.564.541            | 32.423.167.608            |
| Quỹ dự phòng tài chính                            | 418          |                    | 22.755.983.553            | 13.769.908.805            |
| Lợi nhuận chưa phân phối                          | 420          |                    | 763.467.699.468           | 505.332.310.075           |
| <b>LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>                   | <b>439</b>   | <b>28</b>          | <b>488.198.004.221</b>    | <b>436.327.670.345</b>    |
| <b>TỔNG NGUỒN VỐN<br/>(440 = 300 + 400 + 439)</b> | <b>440</b>   |                    | <b>9.285.488.960.078</b>  | <b>7.637.543.070.892</b>  |

|                              | <b>Thuyết minh</b> | <b>31/12/2014</b> | <b>31/12/2013</b> |
|------------------------------|--------------------|-------------------|-------------------|
| Ngoại tệ bao gồm trong tiền: |                    |                   |                   |
| USD                          | 36 (d)             | 160.497           | 264.234           |
| JPY                          | 36 (d)             | 463.109           | 28.304.539        |

Ngày 20 tháng 3 năm 2015

Người lập:

Người duyệt:

(Đã ký)  
Lưu Minh Trung  
Kế toán trưởng

(Đã ký)  
Lê Văn Quang  
Tổng Giám đốc

|                                                                              | Mã số     | Thuyết minh | 2014<br>VND                 | 2013<br>VND                |
|------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|-----------------------------|----------------------------|
| <b>Tổng doanh thu</b>                                                        | <b>01</b> | <b>29</b>   | <b>15.224.802.761.482</b>   | <b>11.206.430.460.422</b>  |
| <b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>                                          | <b>02</b> | <b>29</b>   | <b>(130.061.808.523)</b>    | <b>(94.480.405.091)</b>    |
| <b>Doanh thu thuần (10 = 01 + 02)</b>                                        | <b>10</b> | <b>29</b>   | <b>15.094.740.952.959</b>   | <b>11.111.950.055.331</b>  |
| <b>Giá vốn hàng bán</b>                                                      | <b>11</b> | <b>30</b>   | <b>(13.078.415.992.602)</b> | <b>(9.955.628.683.286)</b> |
| <b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 + 11)</b>                                          | <b>20</b> |             | <b>2.016.324.960.357</b>    | <b>1.156.321.372.045</b>   |
| Doanh thu hoạt động tài chính                                                | 21        | 31          | 146.635.796.390             | 113.758.468.639            |
| Chi phí tài chính                                                            | 22        | 32          | (257.698.717.542)           | (305.521.702.030)          |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>                                             | 23        |             | (167.134.344.566)           | (249.916.093.514)          |
| Chi phí bán hàng                                                             | 24        |             | (694.714.723.573)           | (478.047.143.198)          |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp                                                 | 25        |             | (157.837.686.476)           | (110.604.902.548)          |
| <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 22 + 24 + 25)</b> | <b>30</b> |             | <b>1.052.709.629.156</b>    | <b>375.906.092.908</b>     |
| Thu nhập khác                                                                | 31        |             | 9.762.705.782               | 6.074.024.049              |
| Chi phí khác                                                                 | 32        |             | (14.934.290.801)            | (16.224.376.412)           |
| <b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 + 32)</b>                          | <b>40</b> |             | <b>(5.171.585.019)</b>      | <b>(10.150.352.363)</b>    |
| <b>Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)</b>                                   | <b>50</b> |             | <b>1.047.538.044.137</b>    | <b>365.755.740.545</b>     |
| <b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>                                       | <b>51</b> | <b>33</b>   | <b>(112.244.074.336)</b>    | <b>(55.439.349.822)</b>    |
| <b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>                                        | <b>52</b> | <b>33</b>   | <b>(14.245.634.327)</b>     | <b>(16.481.901.598)</b>    |
| <b>Lợi nhuận thuần (60 = 50 + 51 + 52)</b>                                   | <b>60</b> |             | <b>921.048.335.474</b>      | <b>293.834.489.125</b>     |
| <b>Phân bổ cho:</b>                                                          |           |             |                             |                            |
| <b>Cổ đông thiểu số</b>                                                      | <b>61</b> | <b>28</b>   | <b>165.971.664.904</b>      | <b>23.696.346.513</b>      |
| <b>Chủ sở hữu của Công ty</b>                                                | <b>62</b> |             | <b>755.076.670.570</b>      | <b>270.138.142.612</b>     |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>                                              | <b>70</b> | <b>34</b>   | <b>10.930</b>               | <b>3.882</b>               |

Ngày 20 tháng 3 năm 2015

Người lập:

Người duyệt:

(Đã ký)  
Luu Minh Trung  
Kế toán trưởng

(Đã ký)  
Lê Văn Quang  
Tổng Giám đốc

|                                                                            | Mã<br>số  | Thuyết<br>minh | 2014<br>VND                | 2013<br>VND            |
|----------------------------------------------------------------------------|-----------|----------------|----------------------------|------------------------|
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                             |           |                |                            |                        |
| <b>Lợi nhuận trước thuế</b>                                                | <b>01</b> |                | <b>1.047.538.044.137</b>   | <b>365.755.740.545</b> |
| <b>Điều chỉnh cho các khoản</b>                                            |           |                |                            |                        |
| Khấu hao và phân bổ                                                        | 02        |                | 154.693.123.098            | 157.738.867.664        |
| Các khoản dự phòng                                                         | 03        |                | 3.600.739.283              | (23.587.993.474)       |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện                                       | 04        |                | (8.622.178.524)            | (5.458.113.509)        |
| Lỗi từ thanh lý tài sản cố định                                            | 05        |                | 6.719.080.167              | 12.333.545.050         |
| Thu nhập tiền lãi và cổ tức                                                | 05        |                | (86.895.987.151)           | (91.564.719.319)       |
| Lãi từ thanh lý hoạt động đầu tư                                           | 05        |                | -                          | (108.236.000)          |
| Chi phí lãi vay                                                            | 06        |                | 167.134.344.566            | 249.916.093.514        |
| <b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b> | <b>08</b> |                | <b>1.284.167.165.576</b>   | <b>665.025.184.471</b> |
| Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác                      | 09        |                | (152.286.584.556)          | (476.614.155.557)      |
| Biến động hàng tồn kho                                                     | 10        |                | (1.977.942.198.267)        | (209.197.233.446)      |
| Biến động các khoản phải trả và nợ khác                                    | 11        |                | (287.036.581.136)          | 463.256.369.028        |
| Biến động chi phí trả trước                                                | 12        |                | 2.282.615.538              | 9.810.344.892          |
|                                                                            |           |                | <b>(1.130.815.582.845)</b> | <b>452.280.509.388</b> |
| Tiền lãi vay đã trả                                                        | 13        |                | (161.027.571.892)          | (266.510.226.233)      |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                          | 14        |                | (52.851.382.432)           | (51.919.229.520)       |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                     | 16        |                | (30.964.920.593)           | (41.209.237.064)       |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>                   | <b>20</b> |                | <b>(1.375.659.457.762)</b> | <b>92.641.816.571</b>  |

**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**

|                                                              |           |                            |                         |
|--------------------------------------------------------------|-----------|----------------------------|-------------------------|
| Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác         | 21        | (105.346.176.588)          | (94.831.661.712)        |
| Tăng tiền gửi có kỳ hạn                                      | 23        | (1.760.700.000.000)        | (148.269.213.184)       |
| Tiền gửi có kỳ hạn nhận được                                 | 24        | 202.427.130.255            | 130.330.000.000         |
| Tiền thu hồi từ việc bán các công cụ vốn của các đơn vị khác | 25        | -                          | 371.824.000             |
| Tiền thu hồi đầu tư vào các đơn vị khác                      | 26        | (3.900.000.000)            | -                       |
| Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức                              | 27        | 47.640.622.002             | 82.192.249.076          |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>         | <b>30</b> | <b>(1.619.878.424.331)</b> | <b>(30.206.801.820)</b> |

**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

|                                                                        |           |                            |                          |
|------------------------------------------------------------------------|-----------|----------------------------|--------------------------|
| Tiền nhận góp vốn từ cổ đông thiểu số                                  | 31        | -                          | 384.898.795.830          |
| Tiền mua lại cổ phiếu quỹ                                              | 32        | (61.624.685.000)           | (18.537.405.861)         |
| Tiền vay nhận được                                                     | 33        | 18.199.610.889.605         | 12.588.471.492.808       |
| Tiền chi trả nợ gốc vay                                                | 34        | (16.491.849.230.470)       | (12.146.718.807.114)     |
| Tiền trả cổ tức                                                        | 35        | (566.414.210.057)          | (168.272.812.250)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>                | <b>40</b> | <b>1.079.722.764.078</b>   | <b>639.841.263.413</b>   |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>             | <b>50</b> | <b>(1.915.815.118.015)</b> | <b>702.276.278.164</b>   |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>                      | <b>60</b> | <b>2.000.246.094.247</b>   | <b>1.298.619.003.857</b> |
| <b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái</b>                          | <b>61</b> | <b>(1.505.065.550)</b>     | <b>(649.187.774)</b>     |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b> | <b>70</b> | <b>82.925.910.682</b>      | <b>2.000.246.094.247</b> |

**CÁC HOẠT ĐỘNG PHI TIỀN TỆ**

|                                                                                            | <b>2014<br/>VND</b> | <b>2013<br/>VND</b> |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------|
| Cần trừ các khoản phải thu dài hạn với các khoản phải trả đối với khoản thuế chống phá giá | 75.821.969.160      | -                   |
| Cần trừ thuế giá trị gia tăng được hoàn với thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp            | 48.386.624.564      | 806.998.977         |
| Phân loại lại các khoản đầu tư ngắn hạn sang phải thu khác                                 | 7.306.508.578       | -                   |
| Chuyển phải thu khác sang đầu tư ngắn hạn                                                  | -                   | 3.807.117.411       |
| Thu hồi khoản cho vay bằng nguyên liệu                                                     | -                   | 439.768.200         |

Ngày 20 tháng 3 năm 2015

Người lập:

(Đã ký)  
Lưu Minh Trung  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

(Đã ký)  
Lê Văn Quang  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

### **Đơn vị báo cáo**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2000393273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 23 tháng 6 năm 2010. Hoạt động chính của Công ty là chế biến và kinh doanh hàng thủy sản; kinh doanh giống thủy sản và thức ăn thủy sản; và kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ cho ngành thủy sản.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Vào ngày 16 tháng 5 năm 2013, trong cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông, các cổ đông của Công ty quyết định về việc Công ty sẽ hủy niêm yết. Việc hủy niêm yết này đã được phê duyệt của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty sẽ chính thức hủy niêm yết vào ngày 31 tháng 3 năm 2015.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

Chi tiết các công ty con như sau:

| <b>Tên</b>                                  | <b>Hoạt động chính</b>                                                                                                                                                                                                                                   | <b>Giấy Chứng nhận đầu tư</b>                                                        | <b>% of quyền sở hữu</b> |                   |
|---------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-------------------|
|                                             |                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                      | <b>31/12/2014</b>        | <b>31/12/2013</b> |
| Công ty Cổ phần Mseafood                    | Kinh doanh các sản phẩm thủy sản.                                                                                                                                                                                                                        | 2370515 do Bang California, Hoa Kỳ cấp ngày 27 tháng 12 năm 2001.                    | 90,0%                    | 90,0%             |
| Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang | Chế biến và kinh doanh bột cá, các sản phẩm thủy sản, dầu cá sinh học; kinh doanh hàng hóa, nguyên vật liệu, máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản; đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng; xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng. | 642041000003 do Ban Quản lý Khu Công nghiệp Hậu Giang cấp ngày 18 tháng 11 năm 2013. | 67,5%                    | 97,5%             |
| Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý     | Chế biến và kinh doanh các sản phẩm thủy sản, nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.                                                                                                                          | 6102000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 19 tháng 9 năm 2000.        | 97,5%                    | 97,5%             |

| Tên                                                        | Hoạt động chính                                                                                                                                                                                                        | Giấy Chứng nhận đầu tư                                                                  | % of quyền sở hữu |            |
|------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|
|                                                            |                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                         | 31/12/2014        | 31/12/2013 |
| Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát                   | Chế biến và kinh doanh các sản phẩm thủy sản, nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.                                                                                        | 6102000035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 30 tháng 10 năm 2001.          | 95,0%             | 95,0%      |
| Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang            | Nuôi trồng thủy sản; chế biến, bảo quản các sản phẩm thủy sản; sản xuất giống thủy sản; kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.                                                              | 56-02-000417 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp ngày 16 tháng 1 năm 2006.     | 99,1%             | 99,1%      |
| Công ty TNHH Sản xuất giống thủy sản Minh Phú              | Sản xuất, cung cấp và kinh doanh giống thủy sản; chế biến, bảo quản các sản phẩm thủy sản; kinh doanh thực phẩm và nguyên vật liệu phục vụ ngành chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản.                    | 4302000139 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 9 tháng 2 năm 2006.        | 98,5%             | 98,5%      |
| Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An         | Nuôi trồng thủy sản; sản xuất và kinh doanh thực phẩm thủy sản, kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.                                                                                      | 2000393273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 11 tháng 11 năm 2010. | 100%              | 100%       |
| Công ty TNHH MTV Sản xuất chế phẩm Sinh học Minh Phú       | Sản xuất các sản phẩm sinh học và phân bón phục vụ ngành nông nghiệp.                                                                                                                                                  | 6104000049 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 8 tháng 7 năm 2008.            | 100%              | 100%       |
| Công ty TNHH MTV nuôi trồng thủy sản Minh Phú Hòa Điền (*) | Sản xuất giống thủy sản; nuôi trồng, chế biến và bảo quản thủy hải sản; sản xuất và kinh doanh thức ăn thủy sản, mua bán máy móc và thiết bị nông nghiệp; mua bán thức ăn và nguyên liệu gia súc, gia cầm và thủy sản. | 1701635962 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp ngày 22 tháng 12 năm 2011.      | 100%              | 100%       |
| Công ty TNHH Chuối cung ứng Thủy sản Minh Phú (**)         | Nuôi trồng sản phẩm thủy sản; chế biến sản phẩm thủy sản; sản xuất thức ăn nuôi trồng thủy sản; kinh doanh máy móc và thiết bị cho nuôi trồng thủy sản.                                                                | 6300249616 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang ngày 26 tháng 6 năm 2014.            | 100%              | -          |



| Tên | Hoạt động chính | Giấy Chứng nhận<br>đầu tư | % of quyền sở hữu |            |
|-----|-----------------|---------------------------|-------------------|------------|
|     |                 |                           | 31/12/2014        | 31/12/2013 |

(\*) Tại ngày 1 tháng 11 năm 2014, Hội đồng Quản trị đã thông qua Quyết định số 06/BB.HDQT.2014 về việc giải thể Công ty TNHH Một thành viên Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú Hòa Điền. Công ty TNHH Một thành viên Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú Hòa Điền đang trong quá trình giải thể.

(\*\*) Tại ngày 26 tháng 6 năm 2014, Hội đồng Quản trị đã thông qua Quyết định số 03/HDQT.MPC.14 về việc thành lập Công ty TNHH MTV Chuối cung ứng Thủy sản Minh Phú với vốn pháp định là 2 tỷ VND. Tại ngày báo cáo, Công ty đã thực hiện góp vốn đầy đủ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn có 14.860 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 13.547 nhân viên).

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

#### **Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### **Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

#### **Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

#### **Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

### **Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### **Cơ sở hợp nhất**

#### **Các công ty con**

Công ty con là các đơn vị do Tập đoàn kiểm soát. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc quyền kiểm soát.

## **Công ty liên kết**

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

## **Lợi ích cổ đông thiểu số**

Đối với những thay đổi về quyền sở hữu của Tập đoàn trong một công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát, thì phần chênh lệch giữa giá mua hoặc tiền thu được do chuyển nhượng cổ phần và tỉ lệ giá trị ghi sổ của tài sản thuần mua được hoặc chuyển nhượng tại ngày giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

## **Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

## **Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phản ánh giá trị đầu tư vượt quá giá trị của tài sản thuần thuộc phần của Tập đoàn trên tổng tài sản của các công ty con và các công ty liên kết tại thời điểm mua, trong một giao dịch mua bên thứ ba. Lợi thế thương mại được phân bổ trong 10 năm.

Nếu giá trị thực tế tài sản thuần Tập đoàn mua của các công ty con và các công ty liên kết vượt quá giá mua, thì phần vượt trội này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

## **Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và công nợ có gốc bằng các đơn vị tiền khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái quy định của ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái liên quan đến hoạt động xây dựng tài sản cố định hữu hình hay chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động của đơn vị, thì được ghi nhận vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi đơn vị bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng. Khi đơn vị bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào tài khoản doanh thu chưa thực hiện và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào tài khoản trả trước dài hạn. Các khoản lãi và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

## **Đơn vị hoạt động ở nước ngoài**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả của đơn vị hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập và chi phí của đơn vị hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái qui định của ngày giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do quy đổi tiền tệ được ghi nhận trực tiếp vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu. Khi khoản đầu tư vào đơn vị hoạt động ở nước ngoài được thanh lý một phần hoặc toàn bộ, số dư có liên quan đến chênh lệch tỷ giá hối đoái do quy đổi tiền tệ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

## **Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư có kỳ hạn và các công cụ nợ; các khoản đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị mà Tập đoàn không có quyền kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể; và các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này trong trường hợp không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

## **Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

## **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

## **Tài sản cố định hữu hình**

### **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường

được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

### **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

|                               |                   |
|-------------------------------|-------------------|
| <b>nhà cửa</b>                | <b>5 – 39 năm</b> |
| <b>máy móc và thiết bị</b>    | <b>4 – 15 năm</b> |
| <b>phương tiện vận chuyển</b> | <b>5 – 15 năm</b> |
| <b>thiết bị văn phòng</b>     | <b>3 – 15 năm</b> |

### **Tài sản cố định vô hình**

#### **Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định**

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất.

#### **Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định**

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

### **Phần mềm máy tính**

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 đến 10 năm.

### **Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

### **Chi phí trả trước dài hạn**

#### **Chi phí trước hoạt động**

Chi phí trước hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo, khuyến mại phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

## **Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 6 đến 20 năm.

## **Chênh lệch tỷ giá hối đoái**

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái liên quan đến hoạt động xây dựng các tài sản cố định hữu hình hay chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động của công ty con, thì được ghi nhận vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng. Khi công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái có liên quan được kết chuyển vào tài khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

## **Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

## **Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

## **Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

## ***Dự phòng trợ cấp thôi việc***

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Tập đoàn.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

## **Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính

đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất của Tập đoàn và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

### **Tài sản tài chính**

#### **Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

#### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Tập đoàn có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

#### *Tài sản sẵn sàng để bán*

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

## **Nợ phải trả tài chính**

### ***Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh***

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
  - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### ***Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ***

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

## **(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

## **Quỹ đầu tư và phát triển**

Quỹ này được lập bằng cách trích từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ Đông của Tập đoàn. Quỹ này được dùng cho các hoạt động nghiên cứu và phát triển tương tự.

## **Doanh thu và thu nhập khác**

### **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

### **Thu nhập lãi tiền gửi**

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ thời gian tương ứng dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

### **Thu nhập cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận như thu nhập khi quyền nhận cổ tức được thiết lập.

### **Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

### **Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay trong giai đoạn xây dựng sẽ được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản liên quan.

### **Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông của Công ty. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm tàng.

### **Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận chính yếu của Tập đoàn là báo cáo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

### **Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty và các công ty con mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.



**Báo cáo bộ phận****Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

Nuôi trồng sản phẩm thủy sản

Chế biến sản phẩm thủy sản

Kinh doanh sản phẩm thủy sản

Khác

| <i>Năm kết thúc ngày 31 tháng<br/>12 năm 2014</i> | <b>Nuôi trồng sản<br/>phẩm thủy sản</b> | <b>Chế biến sản<br/>phẩm thủy sản</b> | <b>Kinh doanh sản<br/>phẩm thủy sản</b> | <b>Khác</b>     | <b>Loại trừ</b>      | <b>Hợp nhất</b>    |
|---------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------|----------------------|--------------------|
|                                                   | <b>VND</b>                              | <b>VND</b>                            | <b>VND</b>                              | <b>VND</b>      | <b>VND</b>           | <b>VND</b>         |
| <b>Doanh thu bán hàng ra bên<br/>ngoài</b>        | 179.722.305                             | 9.466.876.819.579                     | 5.573.262.223.831                       | 54.422.187.244  | -                    | 15.094.740.952.959 |
| <b>Doanh thu giữa các bộ phận</b>                 | 43.867.537.283                          | 11.045.350.743.242                    | 45.819.920.161                          | 57.470.262.556  | (11.192.508.463.242) | -                  |
| <b>Tổng doanh thu của bộ phận</b>                 | 44.047.259.588                          | 20.512.227.562.821                    | 5.619.082.143.992                       | 111.892.449.800 | (11.192.508.463.242) | 15.094.740.952.959 |
| <b>Kết quả kinh doanh của bộ<br/>phận</b>         | (30.095.941.235)                        | 1.138.083.193.299                     | 43.964.969.544                          | 21.247.705.385  | (9.427.376.685)      | 1.163.772.550.308  |
| <b>Doanh thu hoạt động tài<br/>chính</b>          |                                         |                                       |                                         |                 |                      | 146.635.796.390    |
| <b>Chi phí tài chính</b>                          |                                         |                                       |                                         |                 |                      | (257.698.717.542)  |
| <b>Kết quả từ hoạt động kinh doanh</b>            |                                         |                                       |                                         |                 |                      | 1.052.709.629.156  |
| <b>Thu nhập khác</b>                              |                                         |                                       |                                         |                 |                      | 9.762.705.782      |
| <b>Chi phí khác</b>                               |                                         |                                       |                                         |                 |                      | (14.934.290.801)   |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>                 |                                         |                                       |                                         |                 |                      | (126.489.708.663)  |
| <b>Lợi nhuận thuần</b>                            |                                         |                                       |                                         |                 |                      | 921.048.335.474    |

| <i>Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013</i> | Nuôi trồng sản phẩm thủy sản | Chế biến sản phẩm thủy sản | Kinh doanh sản phẩm thủy sản | Khác            | Loại trừ            | Hợp nhất           |
|-----------------------------------------------|------------------------------|----------------------------|------------------------------|-----------------|---------------------|--------------------|
|                                               | VND                          | VND                        | VND                          | VND             | VND                 | VND                |
| Doanh thu bán hàng ra bên ngoài               | -                            | 6.821.749.046.188          | 4.278.675.726.356            | 11.525.282.787  | -                   | 11.111.950.055.331 |
| Doanh thu giữa các bộ phận                    | 115.092.906.728              | 7.964.742.026.348          | 87.366.528.872               | 22.298.633.116  | (8.189.500.095.064) | -                  |
| Tổng doanh thu của bộ phận                    | 115.092.906.728              | 14.786.491.072.536         | 4.366.042.255.228            | 33.823.915.903  | (8.189.500.095.064) | 11.111.950.055.331 |
| Kết quả kinh doanh của bộ phận                | (78.524.567.996)             | 606.321.641.082            | 52.651.512.451               | (6.372.538.040) | (6.406.721.198)     | 567.669.326.299    |
| Doanh thu hoạt động tài chính                 |                              |                            |                              |                 |                     | 113.758.468.639    |
| Chi phí tài chính                             |                              |                            |                              |                 |                     | (305.521.702.030)  |
| Kết quả từ hoạt động kinh doanh               |                              |                            |                              |                 |                     | 375.906.092.908    |
| Thu nhập khác                                 |                              |                            |                              |                 |                     | 6.074.024.049      |
| Chi phí khác                                  |                              |                            |                              |                 |                     | (16.224.376.412)   |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp                    |                              |                            |                              |                 |                     | (71.921.251.420)   |
| Lợi nhuận thuần sau thuế                      |                              |                            |                              |                 |                     | 293.834.489.125    |

*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014*

|                                                   | Nuôi trồng sản<br>phẩm thủy sản<br>VND | Chế biến sản phẩm<br>thủy sản<br>VND | Kinh doanh sản<br>phẩm thủy sản<br>VND | Khác<br>VND           | Loại trừ<br>VND            | Hợp nhất<br>VND          |
|---------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------|----------------------------------------|-----------------------|----------------------------|--------------------------|
| <b>Tài sản của bộ phận</b>                        | <b>315.931.041.217</b>                 | <b>7.613.627.174.103</b>             | <b>1.957.965.667.031</b>               | <b>66.195.865.754</b> | <b>(2.468.531.203.310)</b> | <b>7.485.188.544.795</b> |
| <b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>                |                                        |                                      |                                        |                       |                            | <b>6.080.000.000</b>     |
| <b>Tài sản không phân bổ</b>                      |                                        |                                      |                                        |                       |                            | <b>1.794.220.415.283</b> |
| <b>Tổng tài sản</b>                               |                                        |                                      |                                        |                       |                            | <b>9.285.488.960.078</b> |
| <b>Nợ phải trả của bộ phận</b>                    | <b>165.641.460.460</b>                 | <b>7.630.232.911.355</b>             | <b>1.580.440.980.172</b>               | <b>7.797.638.604</b>  | <b>(2.425.556.303.997)</b> | <b>6.958.556.686.594</b> |
| <b>Nợ phải trả không phân bổ</b>                  |                                        |                                      |                                        |                       |                            | <b>51.712.787.602</b>    |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>                           |                                        |                                      |                                        |                       |                            | <b>7.010.269.474.196</b> |
| <i>Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014</i> |                                        |                                      |                                        |                       |                            |                          |
| <b>Chi tiêu vốn</b>                               | <b>8.138.164.351</b>                   | <b>88.514.898.565</b>                | <b>-</b>                               | <b>8.693.113.672</b>  | <b>-</b>                   | <b>105.346.176.588</b>   |
| <b>Khấu hao và phân bổ</b>                        | <b>15.506.241.760</b>                  | <b>131.512.160.783</b>               | <b>320.356.424</b>                     | <b>4.265.468.431</b>  | <b>3.088.895.700</b>       | <b>154.693.123.098</b>   |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

|                                                       | Nuôi trồng sản phẩm<br>thủy sản<br>VND | Chế biến sản phẩm<br>thủy sản<br>VND | Kinh doanh sản<br>phẩm thủy sản<br>VND | Khác<br>VND           | Loại trừ<br>VND            | Hợp nhất<br>VND          |
|-------------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------|----------------------------------------|-----------------------|----------------------------|--------------------------|
| <b>Tài sản của bộ phận</b>                            | <b>305.385.998.331</b>                 | <b>5.025.933.609.176</b>             | <b>1.299.019.150.537</b>               | <b>38.892.383.474</b> | <b>(1.174.592.415.002)</b> | <b>5.494.638.726.516</b> |
| <b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>                    |                                        |                                      |                                        |                       |                            | <b>2.180.000.000</b>     |
| <b>Tài sản không phân bổ</b>                          |                                        |                                      |                                        |                       |                            | <b>2.140.724.344.376</b> |
| <b>Tổng tài sản</b>                                   |                                        |                                      |                                        |                       |                            | <b>7.637.543.070.892</b> |
| <b>Nợ phải trả của bộ phận</b>                        | <b>118.361.349.856</b>                 | <b>5.580.869.123.408</b>             | <b>1.032.226.391.633</b>               | <b>3.835.005.123</b>  | <b>(1.140.491.053.674)</b> | <b>5.594.800.816.346</b> |
| <b>Nợ phải trả không phân bổ</b>                      |                                        |                                      |                                        |                       |                            | <b>22.068.981.770</b>    |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>                               |                                        |                                      |                                        |                       |                            | <b>5.616.869.798.116</b> |
| <i>Cho năm kết thúc ngày 31 tháng<br/>12 năm 2013</i> |                                        |                                      |                                        |                       |                            |                          |
| <b>Chi tiêu vốn</b>                                   | <b>16.209.833.965</b>                  | <b>77.386.537.705</b>                | <b>-</b>                               | <b>1.235.290.042</b>  | <b>-</b>                   | <b>94.831.661.712</b>    |
| <b>Khấu hao và phân bổ</b>                            | <b>24.443.099.988</b>                  | <b>125.834.415.635</b>               | <b>317.807.990</b>                     | <b>4.054.648.351</b>  | <b>3.088.895.700</b>       | <b>157.738.867.664</b>   |

**Bộ phận chia theo vùng địa lý****Doanh thu bộ phận**

|                 | Doanh thu bán ra bên ngoài |                           |
|-----------------|----------------------------|---------------------------|
|                 | 2014                       | 2013                      |
|                 | VND                        | VND                       |
| <b>Việt Nam</b> | 87.668.533.661             | 50.060.966.225            |
| <b>Bắc Mỹ</b>   | 7.531.971.761.748          | 5.041.985.831.276         |
| <b>Châu Âu</b>  | 1.623.703.459.571          | 2.750.376.809.270         |
| <b>Nhật Bản</b> | 3.271.168.741.917          | 1.083.821.501.305         |
| <b>Hàn Quốc</b> | 1.164.887.885.387          | 898.098.047.923           |
| <b>Khác</b>     | 1.415.340.570.675          | 1.287.606.899.332         |
|                 | <b>15.094.740.952.959</b>  | <b>11.111.950.055.331</b> |

**Tài sản bộ phận**

|                 | Tổng tài sản             |                          |
|-----------------|--------------------------|--------------------------|
|                 | 31/12/2014               | 31/12/2013               |
|                 | VND                      | VND                      |
| <b>Việt Nam</b> | <b>7.348.164.799.186</b> | <b>6.523.405.605.690</b> |
| <b>Bắc Mỹ</b>   | <b>1.937.324.160.892</b> | <b>1.114.137.465.202</b> |
|                 | <b>9.285.488.960.078</b> | <b>7.637.543.070.892</b> |

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

|                            | 31/12/2014            | 31/12/2013               |
|----------------------------|-----------------------|--------------------------|
|                            | VND                   | VND                      |
| Tiền mặt                   | 2.358.070.841         | 28.095.352.945           |
| Tiền gửi ngân hàng         | 37.567.839.841        | 30.756.966.542           |
| Các khoản tương đương tiền | <b>43.000.000.000</b> | <b>1.941.393.774.760</b> |
|                            | <b>82.925.910.682</b> | 2.000.246.094.247        |

**Đầu tư tài chính ngắn hạn**

|                                                      | 31/12/2014 |                   | 31/12/2013 |                 |
|------------------------------------------------------|------------|-------------------|------------|-----------------|
|                                                      | Quantity   | VND               | Quantity   | VND             |
| <b>Đầu tư ngắn hạn vào cổ phiếu</b>                  |            |                   |            |                 |
| ▪ Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Việt Nam          | 141.800    | 6.004.500.000     | 141.800    | 6.004.500.000   |
| ▪ Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng số 8             | 112.000    | 5.263.000.000     | 112.000    | 5.263.000.000   |
| ▪ Công ty Cổ phần cơ điện lạnh                       | 8          | 80.000            | 8          | 80.000          |
| ▪ Công ty cổ phần công nghệ mới Kim Tự Tháp Việt Nam | 18.823     | 272.941.176       | 18.823     | 272.941.176     |
| ▪ Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển        | 125.882    | 3.270.588.235     | 125.882    | 3.270.588.235   |
|                                                      |            | <hr/>             |            | <hr/>           |
|                                                      |            | 14.811.109.411    |            | 14.811.109.411  |
| <b>Đầu tư ngắn hạn khác</b>                          |            |                   |            |                 |
| ▪ Các khoản cho vay                                  |            | -                 |            | 7.306.508.578   |
| ▪ Tiền gửi có kỳ hạn (**)                            |            | 1.695.977.500.025 |            | 137.385.154.060 |
|                                                      |            | <hr/>             |            | <hr/>           |
|                                                      |            | 1.710.788.609.436 |            | 159.502.772.049 |
| Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn          |            | (8.378.460.000)   |            | (8.704.600.000) |
|                                                      |            | <hr/>             |            | <hr/>           |
|                                                      |            | 1.702.410.149.436 |            | 150.798.172.049 |
|                                                      |            | <hr/>             |            | <hr/>           |

(\*) Khoản này phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới một năm và hưởng lãi suất năm dao động từ 6,0% đến 8,1% trong năm (2013: từ 9,0% đến 11,0%).

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

|                    | <b>2014<br/>VND</b> | <b>2013<br/>VND</b> |
|--------------------|---------------------|---------------------|
| Số dư đầu năm      | 8.704.600.000       | 9.782.280.000       |
| Hoàn nhập dự phòng | (326.140.000)       | (1.077.680.000)     |
| Số dư cuối năm     | 8.378.460.000       | 8.704.600.000       |

Tiền gửi có kỳ hạn tại 31 tháng 12 năm 2014 có 1.073.200 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: không) được thế chấp với ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 18).

### **Các khoản phải thu - ngắn hạn**

Phải thu khách hàng phản ánh khoản phải thu bên thứ ba không được đảm bảo, không hưởng lãi và được hoàn trả trong vòng từ 15 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Trong phải thu khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 có 560.607 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 424.451 triệu VND ) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 18).

Các khoản phải thu ngắn hạn khác gồm:

|                                                        | <b>31/12/2014<br/>VND</b> | <b>31/12/2013<br/>VND</b> |
|--------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Lãi tiền gửi phải thu                                  | 53.058.365.555            | 13.803.000.406            |
| Cho người lao động vay (*)                             | 5.838.761.909             | 7.377.161.909             |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế phải thu người lao động | 3.008.306.749             | 1.001.639.549             |
| Các khoản phải thu khác                                | 11.950.212.619            | 19.710.656.359            |
|                                                        | 73.855.646.832            | 41.892.458.223            |

- (\*) Khoản này thể hiện khoản tiền cho người lao động vay, không được đảm bảo, không hưởng lãi và được hoàn trả theo yêu cầu.

### **Hàng tồn kho**

|                                | <b>31/12/2014<br/>VND</b> | <b>31/12/2013<br/>VND</b> |
|--------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Hàng mua đang đi trên đường    | 801.717.688               | 367.078.280.830           |
| Nguyên vật liệu                | 142.899.967.589           | 104.484.305.999           |
| Công cụ và dụng cụ             | 6.723.830.143             | 6.874.348.577             |
| Sản phẩm dở dang               | 48.945.047.113            | 13.218.401.826            |
| Thành phẩm                     | 4.285.201.494.679         | 1.999.626.515.760         |
|                                | 4.484.572.057.212         | 2.491.281.852.992         |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (33.124.519.437)          | (26.966.731.348)          |



---



---

|                   |                   |
|-------------------|-------------------|
| 4.451.447.537.775 | 2.464.315.121.644 |
|-------------------|-------------------|

---



---

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

|                            | <b>2014</b><br><b>VND</b> | <b>2013</b><br><b>VND</b> |
|----------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Số dư đầu năm              | 26.966.731.348            | 73.176.471.780            |
| Tăng dự phòng trong năm    | 24.535.298.066            | 26.933.131.264            |
| Sử dụng dự phòng trong năm | -                         | (28.057.563.602)          |
| Hoàn nhập                  | (18.522.710.238)          | (45.160.007.830)          |
| Chênh lệch tỷ giá          | 145.200.261               | 74.699.736                |
|                            |                           |                           |
| Số dư cuối năm             | 33.124.519.437            | 26.966.731.348            |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 3.006.719 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 899.571 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 18).

Trong thành phẩm tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 có 676.591 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 339.647 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

#### **Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước**

|                            | <b>31/12/2014</b><br><b>VND</b> | <b>31/12/2013</b><br><b>VND</b> |
|----------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Thuế nhập khẩu             | 16.839.024.763                  | 339.849.086                     |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 273.715.276                     | 4.032.490.638                   |
| Thuế thu nhập cá nhân      | 60.465.465                      | 273.500                         |
|                            |                                 |                                 |
|                            | 17.173.205.504                  | 4.372.613.224                   |

#### **Tài sản ngắn hạn khác**

|                 | <b>31/12/2014</b><br><b>VND</b> | <b>31/12/2013</b><br><b>VND</b> |
|-----------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Tạm ứng         | 4.093.053.605                   | 53.778.375.794                  |
| Ký quỹ ngắn hạn | 1.135.186.165                   | 1.102.763.869                   |
|                 |                                 |                                 |
|                 | 5.228.239.770                   | 54.881.139.663                  |

#### **Các khoản phải thu dài hạn**

Theo Luật Chống bán phá giá của Hoa Kỳ, Công ty Cổ phần Mseafood (“Mseafood”), một công ty con, phải nộp thuế chống bán phá giá theo quyết định thường niên của Bộ Thương mại Hoa Kỳ (“DOC”). Mỗi năm, Mseafood phải tạm nộp thuế chống bán phá giá theo mức thuế suất tạm tính do DOC qui định. Sau đó, thuế chống bán phá giá sẽ được quyết toán và thanh toán dựa theo quyết định hàng năm.

Trong năm, Ban quản lý của Công ty Mseafood, với các ước tính tốt nhất dựa trên các thông tin có sẵn, đã đánh giá lại các khoản thuế chống bán phá giá tạm thời đã nộp được ghi nhận vào khoản phải thu dài hạn và

bù trừ khoản này với các khoản thuế chống bán phá giá trích trước cho từng thời kỳ. Theo đó, số dư của khoản trích trước cho thuế chống bán phá giá tại thời điểm cuối năm được ghi nhận dựa trên các mức thuế cuối cùng theo quy định của DOC cho từng thời kỳ mà chưa được quyết toán (xem Thuyết minh 21). Từ tháng 10 năm 2014 trở đi, Mseafood trả thuế chống bán phá giá dựa trên mức thuế công bố của DOC và ghi trực tiếp vào chi phí khi phát sinh.

**Tài sản cố định hữu hình**

|                                   | <b>Nhà cửa<br/>VND</b> | <b>Máy móc và<br/>thiết bị<br/>VND</b> | <b>Phương tiện<br/>vận chuyển<br/>VND</b> | <b>Thiết bị<br/>văn phòng<br/>VND</b> | <b>Tổng<br/>VND</b> |
|-----------------------------------|------------------------|----------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                 |                        |                                        |                                           |                                       |                     |
| Số dư đầu năm                     | 630.357.386.427        | 947.904.727.641                        | 121.194.420.374                           | 14.811.912.673                        | 1.714.268.447.115   |
| Tăng trong năm                    | 11.819.262.818         | 33.220.761.289                         | 13.301.314.303                            | 4.894.253.539                         | 63.235.591.949      |
| Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang | 51.981.687.005         | -                                      | 14.213.453.503                            | -                                     | 66.195.140.508      |
| Xóa sổ                            | (8.687.046.189)        | -                                      | -                                         | -                                     | (8.687.046.189)     |
| Chênh lệch quy đổi tỷ giá         | 149.473.349            | -                                      | -                                         | 7.758.990                             | 157.232.339         |
| Số dư cuối năm                    | 685.620.763.410        | 981.125.488.930                        | 148.709.188.180                           | 19.713.925.202                        | 1.835.169.365.722   |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>     |                        |                                        |                                           |                                       |                     |
| Số dư đầu năm                     | 127.030.349.256        | 344.725.618.232                        | 44.550.788.918                            | 6.375.937.931                         | 522.682.694.337     |
| Khấu hao trong năm                | 46.114.306.411         | 89.365.213.301                         | 11.481.635.478                            | 1.859.822.079                         | 148.820.977.269     |
| Xóa sổ                            | (1.967.966.022)        | -                                      | -                                         | -                                     | (1.967.966.022)     |
| Chênh lệch quy đổi tỷ giá         | 28.645.833             | -                                      | -                                         | 7.528.726                             | 36.174.559          |
| Số dư cuối năm                    | 171.205.335.478        | 434.090.831.533                        | 56.032.424.396                            | 8.243.288.736                         | 669.571.880.143     |
| <b>Giá trị còn lại</b>            |                        |                                        |                                           |                                       |                     |
| Số dư đầu năm                     | 503.327.037.171        | 603.179.109.409                        | 76.643.631.456                            | 8.435.974.742                         | 1.191.585.752.778   |
| Số dư cuối năm                    | 514.415.427.932        | 547.034.657.397                        | 92.676.763.784                            | 11.470.636.466                        | 1.165.597.485.579   |

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 91.575 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 93.313 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 780.098 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 784.816 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 18).

**Tài sản cố định vô hình**

|                                      | <b>Quyền sử dụng<br/>đất không có thời<br/>hạn xác định<br/>VND</b> | <b>Quyền sử dụng<br/>đất có thời hạn<br/>xác định<br/>VND</b> | <b>Phần mềm<br/>máy vi tính<br/>VND</b> | <b>Tổng<br/>VND</b> |
|--------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                    |                                                                     |                                                               |                                         |                     |
| Số dư đầu năm                        | 17.874.120.270                                                      | 123.627.822.571                                               | 2.297.533.830                           | 143.799.476.671     |
| Tăng trong năm                       | -                                                                   | -                                                             | 337.386.000                             | 337.386.000         |
| Chuyển từ xây dựng cơ<br>bản dở dang | -                                                                   | -                                                             | 116.000.000                             | 116.000.000         |
| Chênh lệch quy đổi tỷ giá            | 176.784.390                                                         | -                                                             | -                                       | 176.784.390         |
| Số dư cuối năm                       | 18.050.904.660                                                      | 123.627.822.571                                               | 2.750.919.830                           | 144.429.647.061     |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>        |                                                                     |                                                               |                                         |                     |
| Số dư đầu năm                        | -                                                                   | 5.998.289.254                                                 | 1.143.629.535                           | 7.141.918.789       |
| Khấu hao trong năm                   | -                                                                   | 2.437.271.316                                                 | 345.978.813                             | 2.783.250.129       |
| Số dư cuối năm                       | -                                                                   | 8.435.560.570                                                 | 1.489.608.348                           | 9.925.168.918       |
| <b>Giá trị còn lại</b>               |                                                                     |                                                               |                                         |                     |
| Số dư đầu năm                        | 17.874.120.270                                                      | 117.629.533.317                                               | 1.153.904.295                           | 136.657.557.882     |
| Số dư cuối năm                       | 18.050.904.660                                                      | 115.192.262.001                                               | 1.261.311.482                           | 134.504.478.143     |

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 2.177 triệu VND đã được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 2.177 triệu VND), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ là 64.070 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 64.219 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 18).

**Xây dựng cơ bản dở dang**

|                                        | <b>2014<br/>VND</b> | <b>2013<br/>VND</b> |
|----------------------------------------|---------------------|---------------------|
| Số dư đầu năm                          | 230.730.922.603     | 254.750.170.757     |
| Tăng trong năm                         | 41.773.198.639      | 70.894.700.064      |
| Phân loại lại từ tài sản ngắn hạn khác | 49.253.326.800      | -                   |
| Chuyển sang tài sản cố định hữu hình   | (66.195.140.508)    | (55.345.532.435)    |
| Chuyển sang tài sản cố định vô hình    | (116.000.000)       | (39.470.565.783)    |
| Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn  | (5.420.373.864)     | (97.850.000)        |
| Số dư cuối năm                         | 250.025.933.670     | 230.730.922.603     |

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

**31/12/2014****31/12/2013**

|                   | VND             | VND             |
|-------------------|-----------------|-----------------|
| Nhà cửa           | 147.963.627.095 | 159.986.271.076 |
| Quyền sử dụng đất | 49.407.753.668  | -               |
| Phần mềm kế toán  | 20.959.234.000  | 12.786.834.000  |
| Máy móc           | 3.497.358.000   | 23.256.841.673  |
| Khác              | 28.197.960.907  | 34.700.975.854  |
|                   | 250.025.933.670 | 230.730.922.603 |

#### Đầu tư tài chính dài hạn

|                                                                         | 31/12/2014<br>VND | 31/12/2013<br>VND |
|-------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| <b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>                                      |                   |                   |
| ▪ Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang                               | 2.180.000.000     | 2.180.000.000     |
| ▪ Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi Trồng Thủy Sản Minh Phú Aquamekong | 3.900.000.000     | -                 |
|                                                                         | 6.080.000.000     | 2.180.000.000     |
| <b>Đầu tư dài hạn khác</b>                                              |                   |                   |
| ▪ Công ty Cổ phần Hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau                              | 7.000.000.000     | 7.000.000.000     |
|                                                                         | 13.080.000.000    | 9.180.000.000     |

Chi tiết khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

| Tên công ty                                                           | Hoạt động chính                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Giấy chứng nhận<br>đăng ký kinh doanh                                                   | % vốn sở hữu |            |
|-----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|--------------|------------|
|                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                         | 31/12/2014   | 31/12/2013 |
| <b>Công ty liên kết</b>                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                         |              |            |
| Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang                               | Xây dựng cảng container và cảng vận chuyển hàng hóa, nhà kho, cảng biển xăng, khí đốt và dầu; kinh doanh xăng, dầu, khí đốt, nguyên vật liệu và máy móc phục vụ sản xuất.                                                                                                                                           | 6300108975 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp ngày 24 tháng 2 năm 2010.        | 40%          | 40%        |
| Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi Trồng Thủy Sản Minh Phú Aquamekong | Tư vấn công nghệ nuôi trồng thủy sản; đánh bắt thủy sản, sơ chế và bảo quản thủy sản; sản xuất thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản; xây dựng công trình và công trình dân dụng khác; lắp đặt hệ thống xây dựng khác; kinh doanh thực phẩm thủy sản và cho thuê máy móc, thiết bị và các tài sản hữu hình khác. | 0312398643 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 5 năm 2014. | 49%          | -          |

**Chi phí trả trước dài hạn**

|                                          | <b>Chi phí trước<br/>hoạt động<br/>VND</b> | <b>Chi phí đất<br/>trả trước<br/>VND</b> | <b>Chênh lệch tỷ<br/>giá hối đoái<br/>VND</b> | <b>Công cụ và<br/>dụng cụ<br/>VND</b> | <b>Tổng<br/>VND</b> |
|------------------------------------------|--------------------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------|
| Số dư đầu năm                            | 1.077.712.192                              | 55.393.407.452                           | 10.201.314.258                                | 29.852.295.235                        | 96.524.729.137      |
| Tăng trong năm                           | -                                          | -                                        | -                                             | 23.209.751.226                        | 23.209.751.226      |
| Phân loại lại từ xây dựng cơ bản dở dang | -                                          | -                                        | -                                             | 5.420.373.864                         | 5.420.373.864       |
| Phân bổ trong năm                        | (431.084.880)                              | (3.305.676.635)                          | (4.080.525.708)                               | (19.111.438.195)                      | (26.928.725.418)    |
| Số dư cuối năm                           | 646.627.312                                | 52.087.730.817                           | 6.120.788.550                                 | 39.370.982.130                        | 98.226.128.809      |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, chi phí trả trước dài hạn với giá trị ghi sổ 4.517 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 7.277 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 18).

**Lợi thế thương mại****VND****Nguyên giá**

Số dư đầu năm và cuối năm

30.888.957.000

**Phân bổ lũy kế**

Số dư đầu năm

17.246.334.514

Phân bổ trong năm

3.088.895.700

Số dư cuối năm

20.335.230.214

**Giá trị còn lại**

Số dư đầu năm

13.642.622.486

Số dư cuối năm

10.553.726.786

**Vay ngắn hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

|                                                                       | <b>Loại tiền</b> | <b>Lãi suất<br/>(năm)</b> | <b>31/12/2014<br/>VND</b> | <b>31/12/2013<br/>VND</b> |
|-----------------------------------------------------------------------|------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|
| <b>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam -<br/>Chi nhánh Cà Mau</b> |                  |                           |                           |                           |
| Khoản vay 1                                                           | USD              | 2,4% - 2,6%               | 892.613.384.527           | 105.742.923.868           |
| Khoản vay 2                                                           | VND              | 6,5%                      | -                         | 350.295.288.267           |
| <b>Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam -<br/>Chi nhánh Cà Mau</b>     |                  |                           |                           |                           |
| Khoản vay 3                                                           | USD              | 2,4%                      | 57.548.674.280            | 61.565.789.783            |
| Khoản vay 4                                                           | USD              | 2,4% - 2,6%               | 1.814.507.930.212         | 857.580.903.298           |
| Khoản vay 5                                                           | USD              | 2,4% - 2,6%               | 2.351.540.412.592         | 903.886.548.531           |
| Khoản vay 6                                                           | USD              | 2,4% - 2,6%               | 24.686.844.600            | -                         |
| Khoản vay 7                                                           | JPY              | 2,8% - 3,0%               | 28.829.670.190            | -                         |
| Khoản vay 8                                                           | VND              | 6,5% - 7,0%               | -                         | 1.316.490.920.363         |
| Khoản vay 9                                                           | VND              | 6,5%                      | -                         | 573.210.536.543           |
| <b>Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam -<br/>Chi nhánh Cà Mau</b>    |                  |                           |                           |                           |
| Khoản vay 10                                                          | USD              | 2,4% - 2,6%               | 569.967.688.220           | 48.850.334.350            |
| Khoản vay 11                                                          | VND              | 6,5%                      | -                         | 251.303.572.295           |
| Khoản vay 12                                                          | USD              | 2,4%                      | 189.730.695.320           | -                         |
| <b>Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)</b>                  |                  |                           |                           |                           |
| Khoản vay 13                                                          | USD              | 2,5%                      | -                         | 111.533.287.940           |
| Khoản vay 14                                                          | VND              | 6,0%                      | -                         | 57.186.434.252            |
| <b>Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam</b>                                |                  |                           |                           |                           |
| Khoản vay 15                                                          | VND              | 6,5%                      | -                         | 77.980.135.848            |
|                                                                       |                  |                           | <b>5.929.425.299.941</b>  | <b>4.715.626.675.338</b>  |

Các khoản vay ngân hàng được bảo đảm bằng các tài sản của Tập đoàn như sau:

|                                            | <b>Giá trị ghi sổ tại ngày</b> |                   |
|--------------------------------------------|--------------------------------|-------------------|
|                                            | <b>31/12/2014</b>              | <b>31/12/2013</b> |
|                                            | <b>VND</b>                     | <b>VND</b>        |
| Tiền gửi có kỳ hạn (Thuyết minh 6)         | 1.073.200.000.000              | -                 |
| Phải thu khách hàng (Thuyết minh 7)        | 560.606.997.260                | 424.450.633.770   |
| Hàng tồn kho (Thuyết minh 8)               | 3.006.718.546.100              | 899.571.113.388   |
| Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 12)  | 783.097.604.776                | 784.815.617.349   |
| Tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 13)   | 64.069.869.789                 | 64.218.635.307    |
| Xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 14)   | -                              | 21.037.811.050    |
| Chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 15) | 4.517.028.663                  | 7.277.435.066     |
|                                            | <hr/>                          | <hr/>             |
|                                            | 5.492.210.046.588              | 2.201.371.245.930 |
|                                            | <hr/>                          | <hr/>             |

#### **Phải trả người bán**

Phải trả người bán phản ánh khoản phải trả cho bên thứ ba không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

#### **Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước**

|                            | <b>31/12/2014</b> | <b>31/12/2013</b> |
|----------------------------|-------------------|-------------------|
|                            | <b>VND</b>        | <b>VND</b>        |
| Thuế giá trị gia tăng      | 1.467.679.371     | 78.557.528        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 22.516.001.966    | 15.252.558.072    |
| Thuế thu nhập cá nhân      | 1.409.601.232     | 1.558.501.925     |
| Các loại thuế khác         | 11.219.600        | -                 |
|                            | <hr/>             | <hr/>             |
|                            | 25.404.502.169    | 16.889.617.525    |
|                            | <hr/>             | <hr/>             |

#### **Chi phí phải trả**

|                                                                                                       | <b>31/2/2014</b> | <b>31/12/2013</b> |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-------------------|
|                                                                                                       | <b>VND</b>       | <b>VND</b>        |
| Thuế chống bán phá giá phải trả cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2008 đến ngày 31 tháng 1 năm 2009 | 7.480.880.092    | 40.748.421.900    |
| Thuế chống bán phá giá phải trả cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2009 đến ngày 31 tháng 1 năm 2010 | 16.097.997.474   | 7.429.558.950     |
| Thuế chống bán phá giá phải trả cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2010 đến ngày 31 tháng 1 năm 2011 | 4.262.376.251    | 7.606.925.170     |
| Thuế chống bán phá giá phải trả cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2012 đến ngày 31 tháng 1 năm 2013 | 54.754.580.589   | 38.812.259.923    |
| Thuế chống bán phá giá phải trả cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2013 đến ngày 31 tháng 1 năm 2014 | 23.399.650.272   | 7.838.921.178     |
| Dịch vụ thuê ngoài phải trả                                                                           | 1.678.291.000    | 1.331.065.662     |
| Lương và thưởng                                                                                       | 41.192.595.684   | -                 |
|                                                                                                       | <hr/>            | <hr/>             |
|                                                                                                       | 148.866.371.362  | 103.767.152.783   |
|                                                                                                       | <hr/>            | <hr/>             |



Thuế chống bán phá giá phải trả tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 chưa được quyết toán. Ban Tổng Giám đốc tin rằng thuế chống phá giá cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ nhất quán với tỷ lệ quyết toán cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2009 đến ngày 31 tháng 1 năm 2010 là 1% theo tư vấn từ luật sư. Thuế chống bán phá giá tại và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được trả và ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

#### Các khoản phải trả khác

|                                                      | 31/12/2014<br>VND | 31/12/2013<br>VND |
|------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Lãi vay phải trả                                     | 6.106.772.674     | -                 |
| Cổ tức phải trả                                      | 2.619.368.300     | 6.727.187.750     |
| Tiền nhận ký quỹ ngắn hạn                            | 6.698.010.222     | 8.000.000.000     |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn | 1.678.478.386     | 1.919.265.435     |
| Tiền thuê đất phải trả                               | 4.324.025.452     | 4.513.839.116     |
| Hoa hồng phải trả                                    | 392.099.083       | 392.098.154       |
| Phải trả khác                                        | 2.021.894.626     | 1.439.449.253     |
|                                                      | 23.840.648.743    | 22.991.839.708    |

#### Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được lập bằng cách trích từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại cuộc họp đại hội đồng cổ đông của Tập đoàn. Quỹ này được dùng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tập đoàn theo chính sách thưởng và phúc lợi của Tập đoàn và phí Hội đồng Quản trị theo quyết định của các cổ đông trong cuộc họp đại hội đồng cổ đông thường niên của Tập đoàn.

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

|                                            | 2014<br>VND      | 2013<br>VND      |
|--------------------------------------------|------------------|------------------|
| Số dư đầu năm                              | 74.576.029.040   | 89.416.584.032   |
| Phân bổ                                    | 32.091.405.133   | -                |
| Phân loại lại sang các khoản phải thu khác | (23.852.696.398) | -                |
| Sử dụng quỹ                                | (13.519.593.686) | (14.840.554.992) |
| Số dư cuối năm                             | 69.295.144.089   | 74.576.029.040   |

#### Vay dài hạn

|                                              | 31/12/2014<br>VND | 31/12/2013<br>VND |
|----------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn đã phát hành | 500.000.000.000   | -                 |

Điều khoản và điều kiện của trái phiếu doanh nghiệp dài hạn như sau:

| Loại tiền                                        | Lãi suất<br>(năm) | Năm đáo hạn | 31/12/2014<br>VND | 31/12/2013<br>VND |
|--------------------------------------------------|-------------------|-------------|-------------------|-------------------|
| Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn không chuyển đổi |                   |             |                   |                   |

|    | <b>Loại tiền</b> | <b>Lãi suất<br/>(năm)</b> | <b>Năm<br/>hạn</b> | <b>31/12/2014<br/>VND</b> | <b>31/12/2013<br/>VND</b> |
|----|------------------|---------------------------|--------------------|---------------------------|---------------------------|
| Lô | VND              | 9,65%                     | 2017               | 500.000.000.000           | -                         |

Trái phiếu doanh nghiệp với mệnh giá 1 tỷ đồng được phát hành vào ngày 17 tháng 9 năm 2014 là trái phiếu không được đảm bảo và không chuyển đổi. Trái phiếu doanh nghiệp chịu lãi suất 9,65% trong năm đầu tiên; từ năm thứ hai, lãi suất được tính dựa vào lãi suất tiền gửi bình quân của bốn ngân hàng (Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMPC Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam) cộng 2,65%. Trái phiếu sẽ được hoàn trả toàn bộ vào ngày 25 tháng 9 năm 2017.

#### **Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

|                            | <b>31/12/2014<br/>VND</b> | <b>31/12/2013<br/>VND</b> |
|----------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Số dư đầu năm              | 3.359.663.105             | 3.656.891.489             |
| Tăng dự phòng trong năm    | 860.646.804               | 23.622.775                |
| Sử dụng dự phòng trong năm | (1.166.015.105)           | (320.851.159)             |
| Số dư cuối năm             | 3.054.294.804             | 3.359.663.105             |

## Thay đổi vốn chủ sở hữu

|                                                                                    | Vốn cổ phần<br>VND | Thặng dư<br>vốn cổ phần<br>VND | Vốn khác<br>VND | Cổ phiếu quỹ<br>VND | Chênh lệch<br>tỷ giá hối đoái<br>VND | Quỹ đầu tư<br>và phát triển<br>VND | Quỹ dự phòng<br>tài chính<br>VND | Lợi nhuận chưa<br>phân phối<br>VND | Tổng<br>VND       |
|------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------------------|-----------------|---------------------|--------------------------------------|------------------------------------|----------------------------------|------------------------------------|-------------------|
| <b>Số dư tại ngày 1<br/>tháng 1 năm 2013</b>                                       | 700.000.000.000    | 177.876.869.236                | -               | -                   | 88.506.239.451                       | 58.470.998.521                     | 13.769.908.805                   | 271.426.454.467                    | 1.310.050.470.480 |
| Lợi nhuận thuần<br>trong năm                                                       | -                  | -                              | -               | -                   | -                                    | -                                  | -                                | 270.138.142.612                    | 270.138.142.612   |
| Mua lại cổ phiếu<br>quỹ                                                            | -                  | -                              | -               | (18.537.405.861)    | -                                    | -                                  | -                                | -                                  | (18.537.405.861)  |
| Sử dụng các quỹ                                                                    | -                  | -                              | -               | -                   | -                                    | (26.047.830.913)                   | -                                | -                                  | (26.047.830.913)  |
| Chênh lệch quy đổi<br>tỷ giá                                                       | -                  | -                              | -               | -                   | 5.167.828.182                        | -                                  | -                                | -                                  | 5.167.828.182     |
| Thặng dư vốn cổ<br>phần phát sinh từ cổ<br>phiếu phát hành cho<br>cổ đông thiểu số | -                  | -                              | 79.806.684.935  | -                   | -                                    | -                                  | -                                | -                                  | 79.806.684.935    |
| Phân bổ vào cổ phần<br>của cổ đông thiểu số                                        | -                  | -                              | -               | -                   | -                                    | -                                  | -                                | (36.232.287.004)                   | (36.232.287.004)  |
| <b>Số dư tại ngày 1<br/>tháng 1 năm 2014</b>                                       | 700.000.000.000    | 177.876.869.236                | 79.806.684.935  | (18.537.405.861)    | 93.674.067.633                       | 32.423.167.608                     | 13.769.908.805                   | 505.332.310.075                    | 1.584.345.602.431 |

|                                                | Vốn cổ phần<br>VND | Thặng dư<br>vốn cổ phần<br>VND | Vốn khác<br>VND | Cổ phiếu quỹ<br>VND | Chênh lệch<br>tỷ giá hối đoái<br>VND | Quỹ đầu tư<br>và phát triển<br>VND | Quỹ dự phòng<br>tài chính<br>VND | Lợi nhuận chưa<br>phân phối<br>VND | Tổng<br>VND       |
|------------------------------------------------|--------------------|--------------------------------|-----------------|---------------------|--------------------------------------|------------------------------------|----------------------------------|------------------------------------|-------------------|
| <b>Số dư tại ngày 1<br/>tháng 1 năm 2014</b>   | 700.000.000.000    | 177.876.869.236                | 79.806.684.935  | (18.537.405.861)    | 93.674.067.633                       | 32.423.167.608                     | 13.769.908.805                   | 505.332.310.075                    | 1.584.345.602.431 |
| Lợi nhuận thuần<br>trong năm                   | -                  | -                              | -               | -                   | -                                    | -                                  | -                                | 755.076.670.570                    | 755.076.670.570   |
| Mua lại cổ phiếu<br>quỹ                        | -                  | -                              | -               | (61.624.685.000)    | -                                    | -                                  | -                                | -                                  | (61.624.685.000)  |
| Phân bổ vào các quỹ                            | -                  | -                              | -               | -                   | -                                    | 8.238.708.735                      | 11.329.310.487                   | (19.568.019.222)                   | -                 |
| Phân bổ vào quỹ<br>khen thưởng phúc lợi        | -                  | -                              | -               | -                   | -                                    | -                                  | -                                | (32.091.405.133)                   | (32.091.405.133)  |
| Cổ tức (Thuyết minh 35)                        | -                  | -                              | -               | -                   | -                                    | -                                  | -                                | (448.288.090.000)                  | (448.288.090.000) |
| Sử dụng các quỹ                                | -                  | -                              | -               | -                   | -                                    | (16.279.311.802)                   | -                                | -                                  | (16.279.311.802)  |
| Chênh lệch quy đổi<br>tỷ giá                   | -                  | -                              | -               | -                   | 5.219.703.156                        | -                                  | -                                | -                                  | 5.219.703.156     |
| Phân bổ vào cổ phần<br>của cổ đông thiểu số    | -                  | -                              | -               | -                   | -                                    | -                                  | (2.343.235.739)                  | 3.006.233.178                      | 662.997.439       |
| <b>Số dư tại ngày 31<br/>tháng 12 năm 2014</b> | 700.000.000.000    | 177.876.869.236                | 79.806.684.935  | (80.162.090.861)    | 98.893.770.789                       | 24.382.564.541                     | 22.755.983.553                   | 763.467.699.468                    | 1.787.021.481.661 |

## 1.Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

|                                                   | 31/12/2014           |                  | 31/12/2013           |                  |
|---------------------------------------------------|----------------------|------------------|----------------------|------------------|
|                                                   | Số lượng<br>cổ phiếu | VND              | Số lượng<br>cổ phiếu | VND              |
| <b>Vốn cổ phần được duyệt và đã<br/>phát hành</b> |                      |                  |                      |                  |
| Cổ phiếu phổ thông                                | 70.000.000           | 700.000.000.000  | 70.000.000           | 700.000.000.000  |
| <b>Cổ phiếu quỹ</b>                               |                      |                  |                      |                  |
| Cổ phiếu phổ thông                                | (1.537.150)          | (80.162.090.861) | (630.560)            | (18.537.405.861) |
| <b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>                  |                      |                  |                      |                  |
| Cổ phiếu phổ thông                                | 68.462.850           | 619.837.909.139  | 69.369.440           | 681.462.594.139  |

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

|                            | 2014                 |                  | 2013                 |                  |
|----------------------------|----------------------|------------------|----------------------|------------------|
|                            | Số lượng<br>cổ phiếu | VND              | Số lượng<br>cổ phiếu | VND              |
| Số dư đầu năm              | 69.369.440           | 681.462.594.139  | 70.000.000           | 700.000.000.000  |
| Cổ phiếu quỹ mua trong năm | (906.590)            | (61.624.685.000) | (630.560)            | (18.537.405.861) |
| Số dư cuối năm             | 68.462.850           | 619.837.909.139  | 69.369.440           | 681.462.594.139  |

## 2. Lợi ích cổ đông thiểu số

|                                                                                                           | 2014<br>VND       | 2013<br>VND     |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------------|
| Số dư đầu năm                                                                                             | 436.327.670.345   | 70.732.722.803  |
| Đầu tư thêm trong năm                                                                                     | -                 | 305.092.110.895 |
| Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông thiểu số trong năm                                                    | 165.971.664.904   | 23.696.346.513  |
| Cổ tức                                                                                                    | (114.018.300.607) | -               |
| Phân bổ lợi nhuận chưa phân phối do thay đổi phần trăm lợi ích kinh tế                                    | -                 | 36.232.287.004  |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái do quy đổi báo cáo tài chính của đơn vị ở nước ngoài tính cho cổ đông thiểu số | 579.967.018       | 574.203.130     |
| Quỹ khen thưởng và phúc lợi tính cho cổ đông thiểu số                                                     | (3.006.233.178)   | -               |
| Dự phòng tài chính tính cho cổ đông thiểu số                                                              | 2.343.235.739     | -               |
| Số dư cuối năm                                                                                            | 488.198.004.221   | 436.327.670.345 |

## 3. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán đã cung cấp được ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

|                       | 2014<br>VND        | 2013<br>VND        |
|-----------------------|--------------------|--------------------|
| Tổng doanh thu        |                    |                    |
| ▪ Thành phẩm đã bán   | 14.116.022.303.440 | 10.381.139.096.606 |
| ▪ Hàng hóa đã bán     | 1.074.298.858.179  | 804.478.773.505    |
| ▪ Phế liệu đã bán     | 32.205.594.081     | 18.584.133.640     |
| ▪ Khác                | 2.276.005.782      | 2.228.456.671      |
|                       | 15.224.802.761.482 | 11.206.430.460.422 |
| Các khoản giảm trừ    |                    |                    |
| ▪ Giảm giá hàng bán   | (4.620.478.680)    | (584.201.733)      |
| ▪ Hàng bán bị trả lại | (125.441.329.843)  | (93.896.203.358)   |
|                       | (130.061.808.523)  | (94.480.405.091)   |
| Doanh thu thuần       | 15.094.740.952.959 | 11.111.950.055.331 |

#### 4. Giá vốn hàng bán

|                                | <b>2014<br/>VND</b> | <b>2013<br/>VND</b> |
|--------------------------------|---------------------|---------------------|
| Thành phẩm đã bán              | 12.027.084.721.363  | 9.225.544.219.856   |
| Hàng hóa đã bán                | 1.043.335.905.707   | 774.741.018.832     |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 6.012.587.828       | (46.209.740.432)    |
| Khác                           | 1.982.777.704       | 1.553.185.030       |
|                                | <hr/>               | <hr/>               |
|                                | 13.078.415.992.602  | 9.955.628.683.286   |
|                                | <hr/>               | <hr/>               |

#### 5. Doanh thu hoạt động tài chính

|                                      | <b>2014<br/>VND</b> | <b>2013<br/>VND</b> |
|--------------------------------------|---------------------|---------------------|
| Thu nhập lãi tiền gửi                | 82.559.627.833      | 91.564.719.319      |
| Cổ tức                               | 4.336.359.318       | -                   |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện   | 44.044.219.409      | 16.242.050.121      |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 15.695.589.830      | 5.482.194.356       |
| Thu từ bán các khoản đầu tư          | -                   | 371.824.000         |
| Khác                                 | -                   | 97.680.843          |
|                                      | <hr/>               | <hr/>               |
|                                      | 146.635.796.390     | 113.758.468.639     |
|                                      | <hr/>               | <hr/>               |

#### 6. Chi phí tài chính

|                                     | <b>2014<br/>VND</b> | <b>2013<br/>VND</b> |
|-------------------------------------|---------------------|---------------------|
| Chi phí lãi vay                     | 167.134.344.566     | 249.916.093.514     |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện   | 70.996.208.852      | 46.789.797.832      |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 7.073.411.306       | 24.080.847          |
| Lỗ từ kinh doanh chứng khoán        | -                   | 263.588.000         |
| Khác                                | 12.494.752.818      | 8.528.141.837       |
|                                     | <hr/>               | <hr/>               |
|                                     | 257.698.717.542     | 305.521.702.030     |
|                                     | <hr/>               | <hr/>               |

## 7. Thuế thu nhập doanh nghiệp

### (a) Tài sản/(nợ) thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản/(nợ) thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận trên các khoản mục sau:

|                                                            | 31/12/2014<br>VND | 31/12/2013<br>VND |
|------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| <b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>                      |                   |                   |
| Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ | 19.768.453.684    | 10.190.585.630    |
| Các khoản dự phòng                                         | 1.429.719.822     | 1.506.628.278     |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện              | -                 | 209.560.767       |
|                                                            | 21.198.173.506    | 11.906.774.675    |
| <b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>                     |                   |                   |
| Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính vào các công ty con     | (43.451.918.275)  | (22.068.981.770)  |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện              | (2.154.096.653)   | -                 |
|                                                            | (45.606.014.928)  | (22.068.981.770)  |
| Nợ thuế thu nhập hoãn lại thuần                            | (24.407.841.422)  | (10.162.207.095)  |

### (b) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

|                                                      | 2014<br>VND     | 2013<br>VND    |
|------------------------------------------------------|-----------------|----------------|
| <b>Chi phí thuế hiện hành</b>                        |                 |                |
| Năm hiện hành                                        | 109.669.788.405 | 47.355.566.123 |
| Dự phòng thiếu trong những năm trước                 | 2.574.285.931   | 8.083.783.699  |
|                                                      | 112.244.074.336 | 55.439.349.822 |
| <b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>                |                 |                |
| Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời | 14.245.634.327  | 16.481.901.598 |
|                                                      | 126.489.708.663 | 71.921.251.420 |



(c) Đối chiếu thuế suất thực tế

|                                                               | 2014<br>VND           | 2013<br>VND      |
|---------------------------------------------------------------|-----------------------|------------------|
| Lợi nhuận trước thuế                                          | 1.047.538.044.13<br>7 | 365.755.740.545  |
| Thuế theo thuế suất của Công ty                               | 230.458.369.710       | 91.438.935.136   |
| Chi phí không được khấu trừ thuế                              | 1.860.558.352         | 157.773.310      |
| Ưu đãi thuế                                                   | (101.747.449.929)     | (41.392.769.591) |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận            | 615.458.327           | 16.931.234.823   |
| Ảnh hưởng của mức thuế suất khác nhau áp dụng cho công ty con | (7.271.513.728)       | (3.297.705.957)  |
| Dự phòng thiếu trong những năm trước                          | 2.574.285.931         | 8.083.783.699    |
| Chi phí thuế thu nhập                                         | 126.489.708.663       | 71.921.251.420   |

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận phản ánh lỗ tính thuế của các công ty con của Công ty vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

(d) Thuế suất áp dụng

**Công ty**

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 22% trên lợi nhuận chịu thuế.

**Các Công ty con**

**Công ty Cổ phần Mseafood (“Mseafood”)**

Theo các điều khoản của luật thuế Hoa Kỳ, Mseafood có nghĩa vụ nộp hai loại thuế thu nhập doanh nghiệp sau:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho tiểu bang: theo thuế suất 8,84% trên lợi nhuận chịu thuế. Trong trường hợp lỗ, Mseafood vẫn phải trả khoản tiền thuế tối thiểu là 800 Đô la Mỹ.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho cục thuế liên bang: theo mức thuế cao hơn giữa lợi nhuận tính thuế nhân với thuế suất lũy tiến hoặc 20% của lợi nhuận chịu thuế.

### ***Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang (“Minh Phú - Hậu Giang”)***

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Minh Phú - Hậu Giang có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2011 đến năm 2026 và 20% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Minh Phú - Hậu Giang cũng cho phép công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2012 đến năm 2015 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2016 đến năm 2024. Tất cả các ưu đãi thuế trên không áp dụng cho các thu nhập khác, thu nhập này chịu thuế suất 22%.

### ***Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý (“Minh Quý”)***

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Minh Quý có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2003 đến năm 2012 và 22% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Minh Quý cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2003 đến năm 2004 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2005 đến năm 2009.

### ***Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát (“Minh Phát”)***

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đầu tư, Minh Phát có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư của Minh Phát cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2006 đến năm 2007 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2008 đến năm 2012.

### ***Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú - Kiên Giang (“Minh Phú - Kiên Giang”)***

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Minh Phú – Kiên Giang có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2006 đến năm 2020 và 20% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Minh Phú - Kiên Giang cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2007 đến năm 2009 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2010 đến năm 2018.

### ***Công ty TNHH Sản xuất giống Thủy sản Minh Phú (“Giống Thủy sản Minh Phú”)***

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đầu tư, Giống Thủy sản Minh Phú có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2006 đến năm 2020 và 20% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư của Giống Thủy sản Minh Phú cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2009 đến năm 2012 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2013 đến năm 2019.

### ***Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú - Lộc An (“Minh Phú - Lộc An”)***

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, Minh Phú - Lộc An có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 22% trên lợi nhuận tính thuế. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư cũng cho phép Minh Phú - Lộc An được miễn thuế thu nhập trong một năm đầu kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% cho bốn năm tiếp theo. Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Minh Phú - Lộc An không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên Minh Phú - Lộc An có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 22%.

***Công ty TNHH một thành viên sản xuất chế phẩm Sinh học Minh Phú (“Minh Phú Sinh học”)***

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đầu tư, Minh Phú Sinh học có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2009 đến năm 2023 và 20% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư của Minh Phú Sinh học cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2009 đến năm 2012 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2013 đến năm 2021.

***Công ty TNHH một thành viên nuôi trồng thủy sản Minh Phú Hòa Điền (“Minh Phú Hòa Điền”)***

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Minh Phú Hòa Điền có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2012 đến năm 2026 và được giảm 22% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư của Minh Phú Hòa Điền cũng cho phép công ty được miễn thuế thu nhập trong bốn năm kể từ năm đầu tiên công ty có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong chín năm tiếp theo. Các qui định về thuế thu nhập doanh nghiệp cũng xác định rõ rằng nếu Minh Phú Hòa Điền không có lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tục kể từ năm đầu tiên có doanh thu, thời gian miễn thuế sẽ được tính từ năm thứ tư ngay cả khi Minh Phú Hòa Điền có lợi nhuận chịu thuế hay không.

***Công ty TNHH Chuỗi cung ứng Thủy sản Minh Phú (“Minh Phú Chuỗi cung ứng”)***

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Minh Phú chuỗi cung ứng có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 22% trên lợi nhuận chịu thuế.

Vào ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc Hội đã thông qua Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, mức thuế suất thuế thu nhập cao nhất được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

**8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 dựa trên lợi nhuận thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, được tính như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông**

|                                                             | <b>2014<br/>VND</b> | <b>2013<br/>VND</b> |
|-------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------|
| Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 755.076.670.570     | 270.138.142.612     |

**(ii) Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông**

|                                                                                       | 2014       | 2013       |
|---------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------|
| Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm                                               | 69.369.440 | 70.000.000 |
| Ảnh hưởng của mua lại cổ phiếu quỹ trong năm                                          | (289.234)  | (405.963)  |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông tại thời điểm đầu năm và cuối năm | 69.080.206 | 69.594.037 |

## 9. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 19 tháng 4 năm 2014 và ngày 30 tháng 8 năm 2014 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 6.500 cổ phiếu (2013: không) tương đương 448.228 triệu VND.

## 10. Các công cụ tài chính

### (a) Quản lý rủi ro tài chính

#### (i) Tổng quan

Các loại rủi ro tài chính mà Tập đoàn gặp phải do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình là:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh khoản
- rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

#### (ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Tổng Giám đốc cũng có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn.

#### (b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng không nắm hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

#### (i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

|                                       | Thuyết minh | 31/12/2014<br>VND | 31/12/2013<br>VND |
|---------------------------------------|-------------|-------------------|-------------------|
| Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương | (ii)        | 80.567.839.841    | 1.972.150.741.302 |

|                                      |       |                   |                   |
|--------------------------------------|-------|-------------------|-------------------|
| đương tiền                           |       |                   |                   |
| Tiền gửi có kỳ hạn                   | (ii)  | 1.695.977.500.025 | 137.385.154.060   |
| Các khoản cho vay                    |       | -                 | 7.306.508.578     |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | (iii) | 1.229.081.632.624 | 955.939.260.454   |
|                                      |       | <hr/>             | <hr/>             |
|                                      |       | 3.005.626.972.490 | 3.072.781.664.394 |
|                                      |       | <hr/>             | <hr/>             |

**(ii) Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn**

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

**(iii) Phải thu khách hàng và phải thu khác**

Tình trạng rủi ro tín dụng của Tập đoàn liên quan đến các khoản phải thu chủ yếu bị ảnh hưởng bởi các đặc điểm riêng của từng khách hàng. Để kiểm soát các rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thiết lập chính sách tín dụng bằng cách mỗi khách hàng mới đều được phân tích riêng biệt về khả năng tín dụng trước khi đề xuất các điều khoản và điều kiện hợp đồng liên quan đến thanh toán và bàn giao hàng hóa. Ngoài ra, Tập đoàn còn yêu cầu đảm bảo của khách hàng cho mỗi đơn đặt hàng, thông thường dưới hình thức trả trước hoặc mở tín dụng thư. Các khoản phải thu được yêu cầu thanh toán trong vòng 15 đến 90 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn. Khách hàng có số dư nợ trên 90 ngày sẽ được yêu cầu thanh toán trước khi được phép mua thêm.

Dựa trên các tỷ lệ nợ xấu trước đây, Tập đoàn tin rằng ngoài khoản dự phòng phải thu khó đòi đã lập, không cần lập bổ sung dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Dưới đây là bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu:

|                          | 31/12/2014<br>VND     | 31/12/2013<br>VND |
|--------------------------|-----------------------|-------------------|
|                          | 1.099.114.929.58      |                   |
| Trong hạn                | 0                     | 944.481.536.204   |
| Quá hạn từ 0 – 30 ngày   | 107.672.876.476       | 7.050.777.613     |
| Quá hạn từ 31 – 180 ngày | 19.532.019.946        | 1.868.804.970     |
| Quá hạn trên 180 ngày    | 4.725.346.159         | 7.448.036.553     |
|                          | <hr/>                 | <hr/>             |
|                          | 1.231.045.172.16<br>1 | 960.849.155.340   |
|                          | <hr/>                 | <hr/>             |

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

|                         | 2014<br>VND     | 2013<br>VND     |
|-------------------------|-----------------|-----------------|
| Số dư đầu năm           | 4.909.894.886   | 9.082.085.324   |
| Tăng dự phòng trong năm | 982.302.147     | -               |
| Hoàn nhập               | (3.928.657.496) | (4.172.190.438) |
|                         | <hr/>           | <hr/>           |
| Số dư cuối năm          | 1.963.539.537   | 4.909.894.886   |
|                         | <hr/>           | <hr/>           |

## Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

|                                      | <b>Giá trị<br/>ghi sổ<br/>VND</b> | <b>Dòng tiền theo<br/>hợp đồng<br/>VND</b> | <b>Trong vòng<br/>1 năm<br/>VND</b> | <b>1 – 2<br/>năm<br/>VND</b> | <b>2 – 5<br/>năm<br/>VND</b> |
|--------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| <b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</b> |                                   |                                            |                                     |                              |                              |
| Vay ngắn hạn                         | 5.929.425.299.941                 | 6.005.131.123.345                          | 6.005.131.123.345                   | -                            | -                            |
| Phải trả người bán                   | 132.370.318.344                   | 132.370.318.344                            | 132.370.318.344                     | -                            | -                            |
| Phải trả người lao động              | 122.082.636.088                   | 122.082.636.088                            | 122.082.636.088                     | -                            | -                            |
| Chi phí phải trả                     | 148.866.371.362                   | 148.866.371.362                            | 148.866.371.362                     | -                            | -                            |
| Các khoản phải trả khác              | 23.840.648.743                    | 23.840.648.743                             | 23.840.648.743                      | -                            | -                            |
| Trái phiếu dài hạn                   | 500.000.000.000                   | 566.544.817.417                            | 22.979.093.050                      | 23.042.049.469               | 520.523.674.898              |
|                                      | 6.856.585.274.478                 | 6.998.835.915.299                          | 6.455.270.190.932                   | 23.042.049.469               | 520.523.674.898              |
| <b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013</b> |                                   |                                            |                                     |                              |                              |
| Vay ngắn hạn                         | 4.715.626.675.338                 | 4.785.722.092.944                          | 4.785.722.092.944                   | -                            | -                            |
| Phải trả người bán                   | 532.434.499.874                   | 532.434.499.874                            | 532.434.499.874                     | -                            | -                            |
| Phải trả người lao động              | 108.358.151.736                   | 108.358.151.736                            | 108.358.151.736                     | -                            | -                            |
| Chi phí phải trả                     | 103.767.152.783                   | 103.767.152.783                            | 103.767.152.783                     | -                            | -                            |
| Các khoản phải trả khác              | 22.991.839.708                    | 22.991.839.708                             | 22.991.839.708                      | -                            | -                            |
|                                      | 5.483.178.319.439                 | 5.553.273.737.045                          | 5.553.273.737.045                   | -                            | -                            |

## Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

## Rủi ro hối đoái

Tập đoàn chịu rủi ro hối đoái đối với các giao dịch bán hàng, mua hàng và đi vay bằng đơn vị tiền tệ khác VND.

### *Ảnh hưởng của rủi ro hối đoái*

Tập đoàn có các khoản (nợ phải trả)/tài sản thuần bằng ngoại tệ như sau:

|                                    | Ngày 31 tháng 12 năm 2014 |               | Ngày 31 tháng 12 năm 2013 |            |
|------------------------------------|---------------------------|---------------|---------------------------|------------|
|                                    | USD                       | JPY           | USD                       | JPY        |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 160.497                   | 463.109       | 264.234                   | 28.304.539 |
| Phải thu khách hàng                | 60.522.149                | 38.012.360    | 46.433.421                | 46.873.726 |
| Phải trả người bán                 | (326.249)                 | -             | (10.708.114)              | -          |
| Vay ngắn hạn                       | (275.986.699)             | (161.059.610) | (96.048.981)              | -          |
|                                    | (215.630.302)             | (122.584.141) | (60.059.440)              | 75.178.265 |

Sau đây là tỷ giá ngoại tệ chính được Tập đoàn áp dụng:

|       | Tỷ giá tại ngày |            |
|-------|-----------------|------------|
|       | 31/12/2014      | 31/12/2013 |
|       | VND             | VND        |
| 1 USD | 21.380          | 21.110     |
| 1 JPY | 179             | 200        |

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2014. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

|                                  | Ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần VND |
|----------------------------------|-----------------------------------|
| <b>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</b> |                                   |
| USD (mạnh thêm 1%)               | (34.197.990.626)                  |
| JPY (yếu đi 11%)                 | 1.882.671.754                     |
| <b>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</b> |                                   |
| USD (mạnh thêm 1%)               | (11.186.631.754)                  |
| JPY (yếu đi 19%)                 | (2.142.580.553)                   |

Biến động ngược lại của tỉ giá trên có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn.

### Rủi ro lãi suất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, 500.000 triệu VND (31/12/2013: không) khoản vay của Tập đoàn chịu lãi suất thả nổi. Tập đoàn sử dụng công cụ hoán đổi lãi suất nhằm hạn chế biến động lãi suất, do đó giảm các ảnh hưởng của rủi ro lãi suất.

Tại ngày báo cáo các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tập đoàn như sau:

|                                                    | 31/12/2014<br>VND   | 31/12/2013<br>VND   |
|----------------------------------------------------|---------------------|---------------------|
| <b>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</b>   |                     |                     |
| Các khoản tương đương tiền                         | 43.000.000.000      | 1.941.393.774.760   |
| Tiền gửi có kỳ hạn                                 | 1.695.977.500.025   | 137.385.154.060     |
| Các khoản vay ngắn hạn                             | (5.929.425.299.941) | (4.715.626.675.338) |
|                                                    | (4.190.447.799.916) | (2.636.847.746.518) |
| <b>Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi</b> |                     |                     |
| Tiền gửi ngân hàng                                 | 37.567.839.841      | 30.756.966.542      |
| Trái phiếu dài hạn                                 | (500.000.000.000)   | -                   |
|                                                    | (462.432.160.159)   | 30.756.966.542      |

Nếu lãi suất thị trường thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm giảm hoặc tăng 3.607 triệu VND lợi nhuận thuần của Tập đoàn (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 231 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn có các cam kết hoán đổi tỷ giá hối đoái như sau:

| Hợp đồng          | Trái phiếu dài hạn VND | Giá trị danh nghĩa USD | Lãi suất theo USD phải thanh toán                                                                                        | Lãi suất theo VND nhận được                                                                                                        |
|-------------------|------------------------|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Lãi suất hoán đổi | 500.000.000.000        | 23.557.126             | 4,5% trong năm đầu tiên. Từ năm thứ hai, lãi suất được dựa vào lãi suất tiền gửi bình quân tại bốn ngân hàng cộng 4,25%. | 9,65% trong năm đầu tiên. Từ năm thứ hai, lãi suất được xác định dựa vào lãi suất tiền gửi bình quân tại bốn ngân hàng cộng 2,65%. |

### Rủi ro giá

Tập đoàn có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Tổng Giám đốc quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành



vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Tổng Giám đốc. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong hai năm vừa qua.

Đối với các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn niêm yết, nếu giá chứng khoán tăng/giảm 10% trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận thuần sau thuế trước hợp nhất của Công ty sẽ cao/thấp hơn 1.155.266.534 VND tương ứng với xu hướng thay đổi của giá (31/12/2013: 1.110.833.206 VND).

## Giá trị hợp lý

### So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

|                                                                             | 31/12/2014            |                       | 31/12/2013            |                       |
|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                                                             | Giá trị ghi sổ<br>VND | Giá trị hợp lý<br>VND | Giá trị ghi sổ<br>VND | Giá trị hợp lý<br>VND |
| Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:                            |                       |                       |                       |                       |
| • Tiền và các khoản tương đương tiền                                        | 80.567.839.841        | 80.567.839.841        | 1.972.150.741.302     | 1.972.150.741.302     |
| • Phải thu khách hàng và phải thu khác                                      | 1.229.081.632.624     | (*)                   | 955.939.260.454       | (*)                   |
| • Ký quỹ ngắn hạn                                                           | 1.695.977.500.025     | 1.695.977.500.025     | 144.691.662.638       | 144.691.662.638       |
| Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:                        |                       |                       |                       |                       |
| • Các khoản đầu tư ngắn hạn                                                 | 14.811.109.411        | 8.479.755.935         | 14.811.109.411        | 6.167.888.170         |
| • Các khoản đầu tư dài hạn                                                  | 13.080.000.000        | (*)                   | 9.180.000.000         | (*)                   |
| Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ: |                       |                       |                       |                       |
| • Phải trả người bán và phải trả khác                                       | (156.210.967.087)     | (*)                   | (555.426.339.582)     | (*)                   |
| • Các khoản vay                                                             | (6.429.425.299.941)   | (*)                   | (4.715.626.675.338)   | (*)                   |

## Cơ sở xác định giá trị hợp lý

### *Tiền và các khoản tương đương tiền và kỳ quỹ ngắn hạn*

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính này xấp xỉ giá trị hợp lý do các công cụ này có thời gian đáo hạn ngắn.

### *Đầu tư vốn chủ sở hữu ngắn hạn*

Giá trị hợp lý của chứng khoán vốn chủ sở hữu được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa được niêm yết tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Giá trị hợp lý của những công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích duy nhất là thuyết minh.

- (\*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

### **Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài số dư với các công ty liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các công ty liên quan như sau:

|                                                                              | 2014<br>VND   | 2013<br>VND   |
|------------------------------------------------------------------------------|---------------|---------------|
| <b>Công ty liên kết</b>                                                      |               |               |
| <b>Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi Trồng Thủy Sản Minh Phú Aquamekong</b> |               |               |
| Góp vốn                                                                      | 3.900.000.000 | -             |
| <b>Cổ đông</b>                                                               |               |               |
| <b>Công ty Cổ phần Đầu tư Long Phụng</b>                                     |               |               |
| Thuê văn phòng                                                               | 2.232.550.049 | 2.736.438.921 |

### **Giao dịch với các nhân sự chủ chốt**

Lương thưởng và trợ cấp trả cho các nhân sự chủ chốt như sau:

|                         | 2014<br>VND    | 2013<br>VND    |
|-------------------------|----------------|----------------|
| Lương thưởng và trợ cấp | 18.029.482.581 | 12.404.200.342 |

### **Cam kết vốn**

#### **Chi tiêu vốn**

Tại ngày 31 tháng 12, Tập đoàn có các cam kết mua sắm tài sản sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

|                                     | 31/12/2014<br>VND | 31/12/2013<br>VND |
|-------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng | 88.966.170.870    | 110.669.424.766   |

---

---

**Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê không thể hủy ngang như sau:

|                    | <b>31/12/2014</b><br><b>VND</b> | <b>31/12/2013</b><br><b>VND</b> |
|--------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Trong vòng một năm | 3.221.966.000                   | 3.654.900.511                   |
| Từ hai đến năm năm | 11.032.080.000                  | 7.993.190.322                   |
|                    | <hr/>                           | <hr/>                           |
|                    | 14.254.046.000                  | 11.648.090.833                  |

---

**Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

|                                                | <b>2014</b><br><b>VND</b> | <b>2013</b><br><b>VND</b> |
|------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất | 13.252.761.976.200        | 8.827.450.058.960         |
| Chi phí nhân công                              | 1.098.176.369.461         | 700.883.681.756           |
| Chi phí khấu hao và phân bổ                    | 154.693.123.098           | 157.738.867.664           |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                      | 646.257.235.361           | 462.063.370.689           |
| Chi phí khác                                   | 646.752.220.677           | 409.421.067.805           |

---

---

Ngày 20 tháng 3 năm 2015

Người lập:

Người duyệt:

*(Đã ký)*  
Luu Minh Trung  
*Kế toán trưởng*

*(Đã ký)*  
Lê Văn Quang  
*Tổng Giám đốc*